

416

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH
THÚ Y

Mã ngành 7640101

Trình độ đại học

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 815../QĐ-NTT ngày 29 tháng 4 năm 2024.
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2024

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	4
1.1 Giới thiệu chương trình đào tạo.....	4
1.2 Thông tin chung.....	4
1.3 Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Trường.....	5
1.3.1 Tầm nhìn.....	5
1.3.2 Sứ mạng.....	5
1.4 Triết lý giáo dục của Trường	5
1.5 Tầm nhìn, sứ mạng của Ngành Thú y	6
1.5.1 Tầm nhìn.....	6
1.5.2. Sứ mạng.....	6
1.6 Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Educational Objectives- PEOs).....	6
1.6.1 Mục tiêu chung.....	6
1.6.2 Mục tiêu cụ thể.....	6
1.7 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	7
1.7.1 Chuẩn đầu ra.....	7
1.8 Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp.....	10
1.8.1 Cơ hội việc làm	10
1.8.2 Cơ hội học tập, nâng cao trình độ	10
1.9 Các tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp.....	11
1.9.1 Các tiêu chí tuyển sinh	11
1.9.2 Quá trình đào tạo	11
1.9.3 Điều kiện tốt nghiệp	12
1.10. Chiến lược giảng dạy - học tập.....	12
1.10.1 Các chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập	14
1.10.2 Liên hệ giữa chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	20
1.11 Phương pháp đánh giá	22

1.11.1 Các phương pháp đánh giá	22
1.11.2 Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics).....	24
1.11.3 Hệ thống tính điểm	34
1.11.4 Mối liên hệ giữa các phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra CTĐT	35
1.12 Cơ chế kiểm soát việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT	38
1.13 Môi trường học tập	38
1.13.1 Các cơ sở đào tạo của Trường.....	38
1.13.2 Các khu vực học tập và hệ thống phòng học.....	39
Bảng 7. Hệ thống phòng phục vụ đào tạo	39
1.13.3 Thông tin thư viện	39
1.13.4 Hệ thống phòng thực hành phục vụ ngành học	40
1.13.5 Danh sách các phần mềm đào tạo sử dụng cho ngành học	41
1.13.6 Cơ sở dữ liệu điện tử	42
1.14 Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	42
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY.....	45
2.1 Tóm tắt cấu trúc chương trình giảng dạy.....	45
2.2 Danh sách các học phần.....	47
2.3 Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	60
2.5 Kế hoạch giảng dạy	78
2.6 Mô tả tóm tắt nội dung các học phần/môn học	94
2.6.1 Các học phần thuộc khối kiến thức tổng quát	94
2.6.2 Các học phần thuộc khối kiến cơ sở ngành.....	103
2.6.3 Các học phần thuộc khối kiến ngành/ chuyên ngành/ cốt lõi ngành.....	108
2.6.4 Các học phần thuộc khối kiến tốt nghiệp	121
3. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	124
3.1 Đối sánh chuẩn đầu ra	124
3.2 Đối sánh chương trình đào tạo.....	138
4. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	160

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	160
---	-----

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1 Giới thiệu chương trình đào tạo

- Giới thiệu chương trình chung:

Chương trình Thú y của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành được mở và bắt đầu tuyển sinh vào năm 2024. Chương trình được thiết kế dựa trên so sánh đối chiếu với chương trình đào tạo Thú y của các trường công lập và tư thục trong nước và các trường quốc tế, đồng thời đối sánh với khung chương trình đại học quốc gia để đảm bảo các yêu cầu về kiến thức, năng lực của một bác sĩ Thú y trong bối cảnh hội nhập quốc tế và tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- Giới thiệu chuyên ngành:

Chương trình gồm 04 chuyên ngành riêng là Bệnh học động vật, Dược Thú y, Thú y Thủy sản và Thú cưng. Chương trình được thiết kế linh hoạt với các học phần tự chọn ngành, tự chọn thực tập và tự chọn tốt nghiệp. Sinh viên có thể lựa chọn học 1 trong 4 chuyên ngành riêng tùy theo năng lực và sở thích cá nhân. Chương trình cũng được bố trí nhiều học phần thực hành, thực tập, kiến tập, khởi nghiệp, tham gia các hoạt động ngoài doanh nghiệp, đáp ứng định hướng giáo dục của nhà trường là Trường Đại học ứng dụng, đồng thời cung cấp cho sinh viên năng lực đáp ứng tốt ngành nghề.

1.2 Thông tin chung

Các thông tin chung về chương trình đào tạo được thể hiện ở Bảng 1

Bảng 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên ngành đào tạo	Thú y
2. Trình độ đào tạo/ Bậc	Đại học
3. Văn bằng tốt nghiệp	Bác sĩ Thú y
4. Loại hình đào tạo	Chính quy
5. Thời gian đào tạo (dự kiến)	Từ 4.5 năm đến 5 năm
6. Số tín chỉ	167 (chưa bao gồm GDTC và GDQP)
7. Khóa áp dụng	Từ khóa 2024
8. Ngôn ngữ	Tiếng Việt
9. Thông tin Khoa/Viện quản lý	- Tên Khoa/Viện quản lý: Viện Kỹ thuật Công nghệ cao NTT - Địa chỉ: 1165 Quốc Lộ 1A, phường An Phú Đông, quận 12, TP.HCM - Website: https://cnsh.ntt.edu.vn - Email: vetmed@ntt.edu.vn

	- Số điện thoại: 1900 2039 - Ext: 502 - Facebook: facebook.com/nttuvet
10. Ban hành	Tháng 10 năm 2024

1.3 Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Trường

1.3.1 Tầm nhìn

Đến năm 2035, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành trở thành đại học ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao, đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu trong và ngoài nước, đáp ứng cách mạng công nghiệp 4.0, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

1.3.2 Sứ mạng

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cung cấp nguồn nhân lực có năng lực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hội nhập, có sức cạnh tranh cao trong thị trường lao động trong và ngoài nước thông qua hoạt động đào tạo, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, và phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu.

1.3.3 Mục tiêu chiến lược

Thiết kế, triển khai CTĐT theo hướng phát triển năng lực dựa trên OBE; đáp ứng chuẩn quốc tế; nâng cao chất lượng dạy và học đảm bảo hướng đến đạt chuẩn đầu ra; nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo thông qua đánh giá và đối sánh các chỉ số cốt lõi.

1.4 Triết lý giáo dục của Trường

- Nhà trường theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, từ đó nêu ra triết lý giáo dục của trường là “Thực học - Thực hành - Thực danh - Thực nghiệp”.

+ **A:** Thực học: Người học hình thành năng lực thông qua môi trường học thuật được tạo lập và gắn kết với doanh nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phục vụ cộng đồng.

+ **B:** Thực hành: Người học được ứng dụng kiến thức và phát triển kỹ năng thông qua quá trình trải nghiệm thực tiễn trong môi trường doanh nghiệp.

+ **C:** Thực danh: Người học khẳng định bản thân, hình ảnh nhân cách và đạo đức nghề nghiệp, góp phần nâng cao thương hiệu của Nhà trường.

+ **D:** Thực nghiệp: Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên phát triển nghề nghiệp và thăng tiến.

- Triết lý giáo dục của Trường được chuyển tải cụ thể vào CTĐT Ngành Thú y được thể hiện tại Bảng 2.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa Triết lý giáo dục với chương trình đào tạo ngành Thú y

Chương trình đào tạo ngành Thú y		Triết lý giáo dục của Trường			
		A	B	C	D
Khối kiến thức tổng quát	Giáo dục đại cương	x	x	x	
	Khoa học cơ bản	x	x	x	
Khối kiến thức cơ sở ngành		x	x	x	x
Khối kiến thức ngành/ chuyên ngành/ cốt lõi/ chuyên sâu		x	x	x	x
Khối kiến thức tốt nghiệp		x	x	x	x

1.5 Tầm nhìn, sứ mạng của Ngành Thú y

1.5.1 Tầm nhìn

Đến năm 2035, Ngành Thú y nằm trong top 20% các chương trình đào tạo Thú y đạt chất lượng của Việt Nam, hội nhập quốc tế, là nơi phát triển mạnh mẽ các nghiên cứu ứng dụng và thực hành trong lĩnh vực Thú y, gắn với nhu cầu phát triển của địa phương, quốc gia và khu vực, cung cấp chất lượng giáo dục đạt chuẩn quốc tế.

1.5.2. Sứ mạng

Ngành Thú y cam kết thúc đẩy sự phát triển kinh tế tri thức và sáng tạo của thành phố Hồ Chí Minh và Việt Nam thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, và phục vụ cộng đồng xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với doanh nghiệp, viện nghiên cứu và các cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y nhằm tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cao, năng lực khởi nghiệp, hội nhập, có sức cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong và ngoài nước.

1.6 Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Educational Objectives- PEOs)

1.6.1 Mục tiêu chung

Đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng tiêu chí tuyển dụng của thị trường lao động các ngành nghề ứng dụng Thú y trong nước và khu vực ASEAN, có năng lực khởi nghiệp trong các lĩnh vực đơn, đa ngành có ứng dụng Thú y.

1.6.2 Mục tiêu cụ thể

Trong những năm đầu sau khi tốt nghiệp sinh viên tốt nghiệp có thể:

- PEO1: Vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, các nguyên lý và kiến thức chuyên môn ngành thú y trong việc tư vấn, chăm sóc sức khỏe, ngăn ngừa, quản lý, phòng chống dịch bệnh ở vật nuôi và các bệnh có khả năng lây lan sang người, an toàn sinh học.

- PEO2: Tư duy phản biện, sáng tạo, khai thác các tài nguyên chuyên ngành, liên ngành lấy trọng tâm nghề nghiệp là chủ đạo góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo tồn sinh thái, môi trường và phát triển bền vững.

- PEO3: Giữ vững đạo đức nghề nghiệp và uy tín ngành thú y, hình thành thái độ tự học và năng lực học tập suốt đời, tư duy đổi mới – sáng tạo, năng lực ứng dụng khoa học công nghệ và năng lực khởi nghiệp để phát triển đa dạng ngành thú y đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.7 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

1.7.1 Chuẩn đầu ra

Sinh viên tốt nghiệp Ngành Thú y có thể:

Chuẩn đầu ra – PLOs		Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện – PPCs	
Kiến thức tổng quát			
PLO1 (K1)	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, liên ngành, công nghệ, chính trị, pháp luật vào giải quyết các vấn đề đương đại, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam và Liên Hiệp Quốc trong thực tế lĩnh vực Ngành Thú y	PLO1 (K1)	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, liên ngành, công nghệ, chính trị, pháp luật vào giải quyết các vấn đề đương đại, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam và Liên Hiệp Quốc trong thực tế lĩnh vực Ngành Thú y
		K1.2	Vận dụng kiến thức khoa học xã hội vào việc giải quyết các vấn đề của ngành Thú y
		K1.3	Vận dụng kiến thức liên ngành và công nghệ vào việc giải quyết các vấn đề của ngành Thú y
		K1.4	Vận dụng kiến thức về chính trị, pháp luật giải quyết các vấn đề của ngành Thú y
Kiến thức chuyên môn			
PLO2 (K2)	Áp dụng được kiến thức ngành và liên ngành trong chăm sóc, điều trị bệnh động vật theo tiêu chuẩn của Ngành Thú y	PLO2 (K2)	Áp dụng được kiến thức ngành và liên ngành trong chăm sóc, điều trị bệnh động vật theo tiêu chuẩn của Ngành Thú y
		K2.2	Áp dụng các kiến thức ngành và liên ngành để hỗ trợ điều trị bệnh trên động vật

PLO3 (K3)	Vận dụng kiến thức chuyên ngành và công nghệ trong quản lý sức khỏe động vật, dịch tễ và nghiên cứu khoa học theo tiêu chuẩn Ngành Thú y.	PLO3 (K3)	Vận dụng kiến thức chuyên ngành và công nghệ trong quản lý sức khỏe động vật, dịch tễ và nghiên cứu khoa học theo tiêu chuẩn Ngành Thú y.
		K3.2	Áp dụng kiến thức chuyên ngành và công nghệ trong quản lý dịch tễ Thú Y
		K3.3	Ứng dụng kiến thức chuyên ngành và công nghệ trong nghiên cứu khoa học và phát triển sản phẩm ngành Thú y
Kỹ Năng			
Kỹ Năng Tổng Quát			
PLO4 (S1)	Giao tiếp trong đa dạng bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau trong kỷ nguyên số	PLO4 (S1)	Giao tiếp trong đa dạng bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau trong kỷ nguyên số
		S1.2	Ứng xử với cá nhân, tổ chức liên quan trong môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt văn hóa
		S1.3	Kết hợp năng lực số và công nghệ chuyên dụng trong khai thác tài nguyên giáo dục
PLO5 (S2)	Phối hợp tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề một cách hiệu quả trong các bối cảnh của Ngành Thú y	PLO5 (S2)	Phối hợp tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề một cách hiệu quả trong các bối cảnh của Ngành Thú y
		S2.2	Vận dụng kỹ năng giải quyết vấn đề bao gồm nhận biết vấn đề, thu thập thông tin, đánh giá và lựa chọn thông tin cần thiết cho việc giải quyết vấn đề.
		S2.3	Đề xuất các ý tưởng sáng tạo cho giải quyết vấn đề.
PLO6 (S3)	Làm việc một cách hiệu quả với những nhóm đa chức năng trong vai trò lãnh đạo hay thành viên.	PLO6 (S3)	Làm việc một cách hiệu quả với những nhóm đa chức năng trong vai trò lãnh đạo hay thành viên.
		S3.2	Vận dụng kỹ năng quan hệ nội bộ bao gồm thiết lập sự nối kết, giải quyết mâu thuẫn và quan hệ với bên ngoài trong quá trình làm việc của nhóm.
		S3.3	Đánh giá kết quả làm việc của cá nhân và nhóm và cải tiến liên tục.
Kỹ năng chuyên môn			
PLO7 (S4)	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật lâm sàng và cận lâm sàng, các quy trình trong chẩn đoán, điều trị bệnh và chăm sóc sức khỏe vật nuôi	PLO7 (S4)	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật lâm sàng và cận lâm sàng, các quy trình trong chẩn đoán, điều trị bệnh và chăm sóc sức khỏe vật nuôi
		S4.2	Xây dựng và thực hiện thành thạo các phác đồ điều trị bệnh

		S4.3	Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để thực hiện các quy trình chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh ở vật nuôi
PLO8 (S5)	Thực hiện truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe vật nuôi và cộng đồng	PLO8 (S5)	Thực hiện truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe vật nuôi và cộng đồng
		S5.2	Tư vấn điều trị, phòng bệnh và nâng cao sức khỏe vật nuôi
PLO9 (S6)	Thực hiện và tham gia các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Thú Y	PLO9 (S6)	Thực hiện và tham gia các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Thú Y
		S6.2	Nghiên cứu phát triển thuốc và thực phẩm ngành Thú y
Mức độ tự chủ và trách nhiệm chung			
PLO10 (A1)	Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức, nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	PLO10 (A1)	Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức, nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội
		A1.2	Tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ nghề nghiệp của bản thân đối với cộng đồng hướng đến mục tiêu và chương trình phát triển bền vững của Việt Nam và Liên Hiệp Quốc
PLO11 (A2)	Thích ứng với sự thay đổi trong bối cảnh nghề nghiệp, thể hiện tinh thần khởi nghiệp và học tập suốt đời	PLO11 (A2)	Thích ứng với sự thay đổi trong bối cảnh nghề nghiệp, thể hiện tinh thần khởi nghiệp và học tập suốt đời
		A2.2	Chủ động học tập, bồi dưỡng kiến thức đáp ứng yêu cầu công việc
		A2.3	Thể hiện tinh thần khởi nghiệp, phục vụ cộng đồng

1.7.2 Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được thể hiện tại Bảng 3.

Bảng 3. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CĐR của CTĐT (PLOs)	Mục tiêu của CTĐT		
	PEO1	PEO2	PEO3
PLO1	x		
PLO2	x		
PLO3	x		
PLO4		x	
PLO5		x	
PLO6		x	
PLO7	x	x	

CĐR của CTĐT (PLOs)	Mục tiêu của CTĐT		
	PEO1	PEO2	PEO3
PLO8	x	x	
PLO9	x	x	
PLO10			x
PLO11			x

1.8 Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

1.8.1 Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Thú y có thể đảm nhận các công việc:

- Bác sĩ Thú Y tại các trang trại, bệnh viện, phòng mạch Thú y
- Nhân viên khuyến nông, khuyến ngư tại địa phương
- Nhân viên y tế trong chăn nuôi
- Nhân viên chăm sóc sức khỏe động vật ở quy mô gia đình, trang trại
- Nhân viên y tế tại các cục, chi cục, trạm Thú y địa phương
- Nhân viên quản lý dịch bệnh truyền nhiễm trên vật nuôi và Thú y cộng đồng
- Nhân viên trong quản lý vệ sinh an toàn giết mổ, an toàn thực phẩm
- Nhân viên về bệnh dinh dưỡng và sử dụng dinh dưỡng trong điều trị bệnh động vật
- Nhân viên kinh doanh thuốc Thú y
- Chuyên viên R&D thuốc Thú y
- Chuyên viên nghiên cứu trong các Viện, trung tâm về khoa học Thú y
- Kiểm dịch viên động vật, kiểm soát giết mổ

1.8.2 Cơ hội học tập, nâng cao trình độ

- Chuyên gia Chăm sóc Thú y: Làm việc trong các bệnh viện Thú y, phòng mạch Thú y hoặc trung tâm chăm sóc thú cưng; hoặc làm việc tại các chương trình chuyên sâu về chăm sóc và điều trị cho các loài động vật khác nhau.
- Nghiên cứu và Phát triển: Tham gia các dự án nghiên cứu trong lĩnh vực y học Thú y. Cơ hội tham gia các tổ chức nghiên cứu và phát triển thuốc và phương pháp điều trị mới.
- Giảng dạy và Đào tạo: Trở thành giáo viên hoặc giảng viên tại các trường đại học hoặc trường dạy nghề Thú y. Hướng dẫn thực tập cho sinh viên bác sĩ Thú y.
- Chuyên gia An toàn Thực phẩm và Dinh dưỡng: Tham gia vào lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng đối với thú cưng và Thú y. Đào tạo và tư vấn cho chủ nhân về dinh dưỡng và chăm sóc thú cưng.

- Quản lý và Kinh doanh: Quản lý cơ sở Thú y hoặc mở phòng mạch Thú y riêng. Tham gia vào các khía cạnh quản lý kinh doanh trong lĩnh vực Thú y.
- Chuyên gia Di truyền học và Sinh học Phân tử: Nghiên cứu về di truyền học và sinh học phân tử trong lĩnh vực Thú y. Phát triển các phương pháp chẩn đoán và điều trị dựa trên kiến thức về gen.
- Đào tạo Nâng cao: Tiếp tục học sau đại học với các khóa học chuyên sâu, thạc sĩ hoặc tiến sĩ. Tham gia các hội thảo, hội nghị và sự kiện ngành nghề để cập nhật kiến thức.
- Hợp tác Quốc tế: Tham gia các chương trình hợp tác quốc tế với các trường đại học và tổ chức Thú y trên thế giới. Cơ hội thực tập hoặc làm việc tại các cơ sở Thú y quốc tế.

1.9 Các tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.9.1 Các tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ giáo dục và Đào tạo. Dự kiến năm học 2024, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành sẽ tuyển sinh theo 04 phương thức:

- **Phương thức 1:** xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024 theo tổ hợp môn.
- **Phương thức 2:** xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí:
 - Tổng ĐTB 1 HK lớp 10 + ĐTB 1 HK lớp 11 + ĐTB 1 HK lớp 12 đạt từ 18 trở lên (được chọn điểm cao nhất trong 2 HK của mỗi năm học)
 - Điểm tổ hợp các môn xét tuyển lớp 12 đạt từ 18 trở lên.
 - Điểm Trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.
- **Phương thức 3:** xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP HCM & Đại học Quốc gia Hà Nội.
- **Phương thức 4:** xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, Kỳ thi tay nghề Asean và quốc tế; xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.

Tổ hợp môn xét tuyển:

- A00: Toán, Vật lý, Hóa học
- B00: Toán, Hóa học, Sinh học
- D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
- D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh

1.9.2 Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo theo tiến độ đúng hạn trong 5 năm, gồm 14 học kỳ. Các học phần cơ sở ngành được bắt đầu ngay từ năm 1 để sinh viên được tiếp cận lĩnh vực sớm. Từ năm 2, sinh viên được tiếp cận các học phần chuyên ngành và chuyên sâu, thành thạo trong lĩnh vực, xen kẽ với một số học phần cơ sở ngành khó và cần học sau. Các học phần kiến thức đại cương được phân bố xen kẽ từ năm 1 đến năm 2. Ngoài ra trong suốt quá trình học, nhiều học phần trải nghiệm kiến tập, thực tập, tham gia hội thảo được trải đều để sinh viên có điều kiện vừa tăng cường kiến thức vừa tăng cường trải nghiệm phát triển kỹ năng. Học kỳ 13 là học kỳ thực tập trải nghiệm với nhiều học phần thực tập cho sinh viên tự chọn. Học kỳ 14 dành cho các học phần tốt nghiệp tự chọn tùy theo điều kiện điểm tích lũy.

1.9.3 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Không bị nợ hồ sơ sinh viên;
- Có đăng ký xét tốt nghiệp theo kế hoạch và thông báo của Trường.
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
- Ngoại ngữ: Có năng lực Ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.
- Đạt chứng chỉ Tin học văn phòng (MOS) về các nội dung Word (W), Excel (E) và Powerpoint (P)
- Đạt các chứng chỉ kỹ năng nghề:
 - + Kỹ năng giải quyết vấn đề
 - + Kỹ năng quản lý thời gian
 - + Kỹ năng tìm kiếm công việc
 - + Kỹ năng soạn thảo văn bản
- Đạt chứng chỉ về An toàn phòng thí nghiệm

1.10. Chiến lược giảng dạy - học tập

Giảng viên chuẩn bị chiến lược và phương pháp dạy học phù hợp theo từng nội dung,

từng học phần và từng đối tượng người học. Giảng viên có thể lựa chọn, kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học.

1.10.1 Các chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập

Chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập	Vai trò của giảng viên	Sự tham gia của sinh viên	Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong học tập
<i>Chiến lược dạy học trực tiếp</i>	<i>Thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Áp dụng khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.</i>		
Thuyết giảng	- Giảng giải, diễn giảng: giảng viên dùng lời và các phương tiện để giải thích làm sáng tỏ vấn đề	- Lắng nghe, đặt câu hỏi liên quan. - Liên kết giữa vấn đề đó với kinh nghiệm hiện có của người học qua đó giúp người học lĩnh hội được nó	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
	- Giảng thuật: giảng viên kể lại, thuật lại, mô tả lại những hiện tượng, thí nghiệm hoặc trình bày lịch sử quá trình phát triển một đối tượng nào đó	- Lắng nghe, đặt câu hỏi liên quan. - Liên kết giữa vấn đề đó với kinh nghiệm hiện có của người học qua đó giúp người học lĩnh hội được nó	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
Diễn trình	Giảng viên trình bày các thao tác với đồ dùng dạy học (dụng cụ, mô hình...) để người học quan sát	- Lắng nghe, quan sát, đặt câu hỏi liên quan. - Người học nhận thức đúng đắn sự vật, hiện tượng, các thí nghiệm... hoặc các thao tác thuộc kỹ năng, kỹ xảo nghề	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

		nghiệp, qua đó người học nhận thức, ghi nhớ và làm theo các thao tác mẫu.	
Tham luận	Các doanh nghiệp bên ngoài tham gia diễn giảng	- Lắng nghe, đặt câu hỏi liên quan. - Liên kết giữa vấn đề đó với kinh nghiệm hiện có của người học qua đó giúp người học lĩnh hội được nó	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
Bài tập thực hành	Giảng viên làm mẫu, hướng dẫn các bước hoặc công thức để sinh viên thực hiện tương tự	Thực hành tự lực của người học dưới sự hướng dẫn của giảng viên, rèn luyện kỹ năng làm bài thành thực.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
<i>Chiến lược dạy học gián tiếp</i>	<i>Người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên.</i>		
Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	Giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp sinh viên <u>từng bước</u> trả lời câu hỏi	Sinh viên <u>từng bước</u> trả lời câu hỏi, theo gợi ý của giảng viên. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
Giải quyết vấn đề (Problem solving)	Giảng viên đặt ra một vấn đề cần giải quyết	Tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra thông qua vận dụng tổng hợp các kiến thức và kỹ năng đã được học, từ đó đạt được kiến	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm

		thức và kỹ năng mới	cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
Dạy học theo tình huống (Case study)	Giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết	Sinh viên liên hệ các kiến thức được học để phân tích tình huống, phản biện hoặc đưa ra cách xử lý tình huống và luận giải về cách đó. Sinh viên hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
<i>Chiến lược dạy học tương tác</i>	<i>Giáo viên với vai trò hướng dẫn đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở, sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó.</i>		
Tranh luận (Debates)	Giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học. Giảng viên theo dõi và dẫn dắt cuộc tranh luận.	Sinh viên được chia thành các nhóm với các quan điểm trái ngược nhau về một vấn đề. Sinh viên phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Qua đó hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
Thảo luận (Discussion)	Giảng viên đưa ra các vấn đề liên quan đến nội dung bài học. Giảng	Sinh viên được chia thành các nhóm, mỗi nhóm cùng một chủ đề hoặc vấn đề, mỗi	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ

	viên theo dõi và dẫn dắt buổi thảo luận.	thành viên trong nhóm tham gia thảo luận tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của nhóm.	xác định.
Học nhóm (Pear Learning)	Giảng viên nêu vấn đề cần giải quyết.	Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
Thuyết trình cá nhân / Thuyết trình nhóm	Giảng viên nêu chủ đề thuyết trình, các yêu cầu của bài thuyết trình, tổ chức nhóm thuyết trình, đánh giá bài thuyết trình và làm việc nhóm của sinh viên	Sinh viên làm việc nhóm, soạn thảo bài thuyết trình, trình bày, trả lời câu hỏi. Lắng nghe và phản biện, nhận xét bài báo cáo thuyết trình của các nhóm khác.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
<i>Chiến lược dạy học trải nghiệm</i>	<i>Người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua trực tiếp làm, thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận.</i>		
Dạy học thông qua làm mô hình/project	Hướng dẫn quá trình xây dựng mô hình, project	Quan sát và thiết kế mô hình/project đạt các yêu cầu đặt ra.	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Thực tập, thực tế (Field Trip)	Tổ chức các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty, giới mục đích, lộ trình và phương pháp thực tập/kiến tập và các tiêu chí đánh giá sinh viên.	Tìm hiểu mục đích, lộ trình và phương pháp thực tập/kiến tập, các tiêu chí đánh giá; thực tập; viết báo cáo thực tập. Chủ động liên hệ cơ sở thực tập, thảo luận kế hoạch thực tập với cơ sở, thực tập làm việc, chủ động trao đổi để học hỏi kinh nghiệm, tự đánh giá, cải tiến liên tục và viết báo cáo trình bày bài học kinh nghiệm. Nhận góp ý của người hướng dẫn thực tập tại cơ sở và giảng viên hướng dẫn thực tập của khoa trong quá trình thực tập để rút kinh nghiệm cải tiến.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
Thực hành thí nghiệm	Giảng viên làm mẫu các thao tác thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên thực hành.	Sinh viên quan sát và thực hành tự lực dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)	Đề xuất project, nghiên cứu; Hướng dẫn sinh viên tham gia vào các dự án, nghiên cứu và hỗ trợ giảng dạy cho các em sinh viên	Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên. Sinh viên chủ động hình thành năng lực	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

	khóa sau	nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.	
Hoạt động khởi nghiệp	Người hướng dẫn khởi nghiệp thảo luận với sinh viên về ý tưởng khởi nghiệp và tư vấn cho sinh viên phát triển ý tưởng khởi nghiệp, tìm nguồn tài trợ cho sinh viên, theo dõi và tư vấn trong quá trình sinh viên khởi nghiệp	Tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp, lập kế hoạch và triển khai các hoạt động khởi nghiệp, trao đổi kinh nghiệm với người hướng dẫn và cộng đồng khởi nghiệp, các doanh nhân có kinh nghiệm, tự đánh giá hiệu quả và rút kinh nghiệm để cải tiến	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
<i>Chiến lược tự học</i>	<i>Tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên</i>		
Bài tập ở nhà (Work Assignment)	Giảng viên giao nhiệm vụ về nhà (homework) với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra	Sinh viên hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà.	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

1.10.2 Liên hệ giữa chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Liên hệ giữa chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập nêu trên giúp người học đạt CDR của CTĐT ngành Thú y thể hiện tại Bảng 4.

Bảng 4. Mối liên hệ giữa chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập với CDR của CTĐT ngành Thú y

Chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)										
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
<i>Chiến lược dạy học trực tiếp</i>											
- Phương pháp thuyết giảng	x	x	x								
- Phương pháp diễn trình	x	x	x								
- Phương pháp tham luận	x	x	x								
- Phương pháp dạy học qua bài tập rèn luyện	x	x	x	x		x					
<i>Chiến lược dạy học gián tiếp</i>											
- Phương pháp dạy học bằng câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x						
- Phương pháp dạy học thông qua giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x					
- Phương pháp dạy học theo	x	x	x		x	x					

Chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)										
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
tình huống											
<i>Chiến lược dạy học trải nghiệm</i>											
- Phương pháp dạy học qua mô hình/project	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Phương pháp dạy học qua thực tập, thực tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Phương pháp dạy học qua thực hành		x	x		x	x	x	x	x		
- Phương pháp dạy học qua hoạt động Nhóm nghiên cứu giảng dạy	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Phương pháp dạy học qua hoạt động khởi nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
<i>Chiến lược dạy học tương tác</i>											
- Thảo luận	x	x	x	x	x	x					
- Học nhóm	x	x	x	x	x	x					
- Thuyết trình	x	x	x	x	x	x					
<i>Chiến lược tự học</i>											
- Bài tập ở nhà	x	x	x	x		x					

1.11 Phương pháp đánh giá

1.11.1 Các phương pháp đánh giá

+ Đánh giá tiến trình: Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

+ Đánh giá tổng kết/ định kỳ: mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

STT	Phương pháp đánh giá		Vị trí đánh giá		Rubric sử dụng
			Đánh giá theo tiến trình học	Đánh giá tổng kết/ định kỳ	
1	Đánh giá chuyên cần	Ngoài thời gian tự học, sinh viên cần thường xuyên tham gia cũng như đóng góp trong khóa học, từ đó phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.	x		Rubric 1
2	Đánh giá bài tập	Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.	x		Rubric 2
3	Đánh giá thảo luận	Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải	x		Rubric 3

		pháp của mình.			
4	Đánh giá thuyết trình	Sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.	x		Rubric 4
5	Đánh giá cá nhân trong hoạt động nhóm	Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc trong nhóm của sinh viên.	x		Rubric 5
6	Báo cáo (Written Report)	Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.	x	x	Rubric 6
7	Đánh giá thực hành	Sinh viên được đánh giá thông qua các thao tác thực hành, thí nghiệm và sản phẩm hay kết quả của bài thực hành.	x		Rubric 7
8	Đánh giá kiến tập	Sinh viên được đánh giá thông qua chất lượng báo cáo kiến tập, ý thức tuân thủ quy định và tham gia vào quá trình thảo luận trong thời gian kiến tập		x	Rubric 8
9	Đánh giá thực tập	Sinh viên được đánh giá thái độ và hiệu quả thực tập tại đơn vị thực tập, kiến tập		x	Rubric 9

10	Bảo vệ và thi vấn đáp	Sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.		x	Rubric 10
11	Đánh giá mô hình/project	Sinh viên được đánh giá trong quá trình thực hiện mô hình/project, thông qua thái độ, năng lực, hành vi tham gia các hoạt động của dự án, cùng các kỹ năng chuyên môn, quản lý thời gian và khả năng làm việc nhóm trong thời gian thực hiện dự án.	x	x	Rubric 11
12	Kiểm tra viết	Sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.	x	x	
13	Kiểm tra trắc nghiệm	Tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.	x	x	

1.11.2 Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Căn cứ theo Quyết định số 761/QĐ-NTT ngày 01/11/2018 về việc ban hành quy định về đảm bảo chất lượng công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, các phương pháp giảng dạy và đánh giá, các rubric được thiết kế với các tiêu chí chi

tiết cho việc đánh giá kết quả học tập. Có thể phối hợp nhiều rubric cho cùng một phương pháp đánh giá.

Rubric 1. Đánh giá chuyên cần, tham dự lớp					
Tiêu chí	Trọng số (%)	Phân loại			
		Tốt 9-10	Khá 7-8	Trung bình 5-6	Kém 0
Thái độ tham dự tích cực	50	Tích cực tham gia các hoạt động	Có tham gia các hoạt động	Ít tham gia các hoạt động	Không tham gia các hoạt động
Thời gian tham dự đầy đủ	50	Số buổi tham dự $\times 100$ / tổng số buổi của môn học			

Rubric 2. Đánh giá bài tập					
Tiêu chí	Trọng số (%)	Phân loại			
		Tốt 9-10	Khá 7-8	Trung bình 5-6	Kém <5
Quản lí thời gian	20	Hoàn thành bài đúng thời hạn	Hoàn thành bài trễ hơn thời hạn vài phút	Hoàn thành bài trễ hơn thời hạn 1 giờ trở lên	Không hoàn thành bài trong ngày
Kết quả	60	Đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu, kết quả chính xác	Hoàn thành gần hết yêu cầu, vẫn còn nội dung chưa là kịp hoặc chưa giải quyết được	Hoàn thành được một phần bài tập với kết quả tương đối	Không thực hiện được bài tập. Kết quả sai lệch không chính xác

Thái độ học tập	20	Tích cực làm bài tập với mong muốn làm nhanh và đúng nhất, nhiều lần nộp bài sớm	Làm đầy đủ bài tập được giao nhưng chưa chủ động nộp bài	Không chủ động làm bài tập mà qua nhắc nhở	Không làm bài tập
-----------------	----	--	--	--	-------------------

Rubric 3. Đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Phân loại			
		Tốt 9-10	Khá 7-8	Trung bình 5-6	Kém <5
Thái độ tích cực	10	Tích cực tham gia, khơi gợi vấn đề, dẫn dắt cuộc thảo luận chung	Có tham gia thảo luận	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận	Không tham gia thảo luận
Kỹ năng thảo luận	30	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá tương đối phù hợp	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	30	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Tương đối phù hợp, có 1 vài chỗ không hợp lý	Không phù hợp
Kỹ năng trình bày, tương tác với người nghe	20	Rõ ràng, lôi cuốn, thuyết phục	Rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được	Trình bày không rõ ràng, người nghe không hiểu được

Phối hợp nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi thảo luận	Nhóm có phối hợp khi thảo luận nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp khi thảo luận	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm
---------------	----	---	---	--------------------------------	--------------------------------------

Rubric 4. Đánh giá thuyết trình cá nhân/nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Phân loại			
		Tốt 9-10	Khá 7-8	Trung bình 5-6	Kém <5
Nội dung	10	Phong phú, đầy đủ	Tương đối đầy đủ, thiếu 1 số ý nhỏ	Thiếu một số ý quan trọng	Sơ sài, thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, còn một vài sai sót nhỏ	Có một vài sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc	10	Rất hợp lý, logic	Hợp lý	Tương đối hợp lý	Không hợp lý
Tính trực quan	10	Rất thẩm mỹ và dễ theo dõi	Khá trực quan	Tương đối trực quan	Rất khó theo dõi
Kỹ năng trình bày, tương tác với người nghe	20	Rõ ràng, lời cuốn, thuyết phục	Rõ ràng nhưng chưa lời cuốn	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được	Trình bày không rõ ràng, người nghe không hiểu được
Quản lý thời gian	10	Hoàn thành đúng thời gian, đầy đủ các phần	Hoàn thành đúng thời gian, còn vài phần chưa cân đối	Hoàn thành đúng thời gian, còn rất nhiều phần chưa cân đối	Trễ hạn

*Trả lời câu hỏi	20 (nếu thuyết trình cá nhân)	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng	Trả lời đúng đa số	Trả lời đúng một số câu	Không trả lời được
	*10 (nếu thuyết trình nhóm)				
*Phối hợp nhóm (nếu thuyết trình nhóm)	*10	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo, trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

Rubric 5. Đánh giá cá nhân trong làm việc nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Phân loại			
		Tốt 9-10	Khá 7-8	Trung bình 5-6	Kém 0
Thời gian tham gia họp nhóm đầy đủ	15	Số buổi họp nhóm $\times 100$ / tổng số buổi			
Thái độ tham dự tích cực	15	Tích cực tham gia các hoạt động	Có tham gia các hoạt động	Ít tham gia các hoạt động	Không tham gia các hoạt động
Ý kiến đóng góp hữu ích, chất lượng công việc tốt	50	Sáng tạo, rất hữu ích	Hữu ích	Tương đối hữu ích	Không hữu ích
Thời gian nộp kết quả cho nhóm	20	Đúng hạn	Trễ ít, không gây ảnh hưởng	Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng	Không nộp

Rubric 6. Đánh giá báo cáo (report)					
Tiêu chí	Trọng số (%)	Phân loại			
		Tốt 9-10	Khá 7-8	Trung bình 5-6	Kém <5
Cấu trúc hợp lý	10	Rất hợp lý, logic	Hợp lý	Tương đối hợp lý	Không hợp lý
Nội dung	40	Phong phú, đầy đủ	Tương đối đầy đủ, thiếu 1 số ý nhỏ	Thiếu một số ý quan trọng	Sơ sài, thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Lập luận chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, còn sai sót nhỏ	Tương đối chặt chẽ, có sai sót quan trọng	Không chặt chẽ, logic
	20	Kết luận phù hợp	Kết luận khá phù hợp	Kết luận tương đối phù hợp	Kết luận không phù hợp, thiếu sót
Hình thức trình bày, format	10	Trình bày đẹp, có trật tự outline hợp lý. Format nhất quán, không lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format, ít lỗi chính tả	Vài chỗ không nhất quán về format, nhiều lỗi chính tả	Thể hiện sự cầu thả về format và typing, lỗi chính tả rất nhiều

Rubric 7. Đánh giá thực hành					
Tiêu chí	Trọng số (%)	Phân loại			
		Tốt 9-10	Khá 7-8	Trung bình 5-6	Kém <5
Thao tác	20	Thao tác khéo léo, gọn gàng, an toàn	Thao tác khá tốt, an toàn	Thao tác tương đối đạt, còn một vài lỗi nhỏ không ảnh	Thao tác chưa tốt, nhiều lỗi quan trọng

				hường nhiều	
Thái độ tham gia tích cực	10	Tham gia đủ; phối hợp tốt; Tuân thủ ATSH	Tham gia đủ; phối hợp khá tốt; Tuân thủ ATSH	Vắng 1/3 số buổi, phối hợp khá tốt; Tuân thủ ATSH	Vắng 1/3 số buổi, Có phối hợp nhưng chưa tích cực; Tuân thủ ATSH
Kết quả thực hành đáp ứng đúng yêu cầu	30	Đầy đủ, đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Khá đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có sai sót	Tương đối đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có sai sót quan trọng
Chất lượng bài thu hoạch	30	Giải thích rõ ràng, hình minh chứng phong phú	Giải thích khá rõ ràng, hình ảnh đủ	Giải thích tương đối rõ ràng, hình ảnh hạn chế	Giải thích chưa rõ ràng, hình ảnh hạn chế
Trình bày Bài thu hoạch	10	Format nhất quán và không lỗi chính tả	Vài sai sót format và ít lỗi chính tả	Vài sai sót format và ít lỗi chính tả	Format nhiều chỗ không nhất quán và nhiều lỗi chính tả

Rubric 8. Đánh giá kiến tập

Tiêu chí	Trọng số (%)	Phân loại			
		Tốt 9-10	Khá 7-8	Trung bình 5-6	Kém <5

Tuân thủ quy định	10	Tuân thủ nghiêm túc quy định	Tuân thủ khá nghiêm túc quy định	Tuân thủ tương đối nghiêm túc quy định, còn sai sót và có điều chỉnh	Không tuân thủ, sai không điều chỉnh
Thái độ tham dự		Tích cực thảo luận	Có thảo luận	Ít thảo luận	Không thảo luận
Thu thập thông tin, số liệu khoa học	40	Hoàn toàn phù hợp	Khá phù hợp, còn sai sót nhỏ	Tương đối phù hợp, có sai sót quan trọng nhưng có điều chỉnh theo góp ý	Sai sót quan trọng nhưng không điều chỉnh theo góp ý
Rút ra bài học kinh nghiệm	10	Rút được bài học/nhận xét có giá trị	Rút ra bài học/nhận xét có ý nghĩa	Rút được bài học/nhận xét nhưng chưa có ý nghĩa nhiều	Không rút được bài học/nhận xét gì

Rubric 9. Đánh giá thực tập tại cơ sở thực tập

Tiêu chí	Trọng số (%)	Phân loại			
		Tốt 9-10	Khá 7-8	Trung bình 5-6	Kém <5
1. THÁI ĐỘ, NĂNG LỰC HÀNH VI					
Thực hiện nội quy làm việc tại đơn vị thực tập	10				
Trung thực, liêm chính	10				
Sẵn sàng tiếp nhận công việc, làm việc chủ động, chăm chỉ	10				

2. KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN BẢN THÂN					
Vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong công việc	10				
Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả	10				
Kỹ năng làm việc độc lập: có khả năng làm theo hướng dẫn, có khả năng đưa ra các quyết định hợp lý để giải quyết vấn đề	10				
Quản lý thời gian: lên lịch hiệu quả các công việc và hoàn thành đúng hạn	10				
Biết lắng nghe, có kỹ năng học và tự học để nâng cao chuyên môn	10				
Khả năng hòa nhập và thích nghi công việc	10				
Chất lượng công việc: hoàn thành các mục tiêu công việc mà không mắc lỗi nhất quán	10				

Rubric 10. Bảo vệ và vấn đáp Hội đồng Khóa luận tốt nghiệp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Phân loại			
		Tốt 9-10	Khá 7-8	Trung bình 5-6	Kém <5
Hình thức	5	Không có hoặc rất ít lỗi chính tả; bố cục, hành văn rõ ràng; hình ảnh đẹp, có chú thích; định dạng đúng quy định			

Nội dung	5	Nêu rõ tính cấp thiết và mục tiêu của đề tài			
	5	Tổng quan tài liệu đầy đủ các vấn đề liên quan trực tiếp đến đề tài			
	10	Phương pháp nghiên cứu phù hợp, cụ thể và chính xác			
	20	Kết quả đạt được đáp ứng mục tiêu đã đề ra			
	5	Thảo luận kết quả: Đánh giá và giải thích được các kết quả rõ ràng			
	5	Tính sáng tạo và khả năng ứng dụng kết quả			
Hình thức bài báo cáo PP	5	Cấu trúc bài và slide hợp lý			
	5	Trực quan và thẩm mỹ tốt			
Kỹ năng thuyết trình	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lô cuốn, thuyết phục			
Trả lời câu hỏi	10	Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng			
Thái độ ứng xử	5	Chuẩn mực			

Rubric 11. Đánh giá mô hình/project

Tiêu chí	Trọng số (%)	Phân loại			
		Rất hài lòng 90-100%	Hài lòng 70-80%	Bình thường 50-60%	Không hài lòng < 50%
1. THÁI ĐỘ, NĂNG LỰC, HÀNH VI					
Tuân thủ nội quy làm việc	10				
Trung thực và khách quan	10				

khi thực hiện công việc					
Tính chủ động và sự đam mê trong công việc	10				
Lễ phép và sự tôn trọng những người xung quanh nơi thực tập	10				
2. KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN BẢN THÂN					
Kỹ năng tìm kiếm và tổng hợp tài liệu	10				
Kỹ năng lập luận và xử lý tình huống	10				
Kỹ năng thực hành thí nghiệm	10				
Kỹ năng làm việc độc lập: có khả năng làm theo hướng dẫn, có khả năng đưa ra các quyết định hợp lý để giải quyết vấn đề	10				
Kỹ năng quản lý thời gian, làm việc hiệu quả và hoàn thành đúng hạn	10				
Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả	5				
Khả năng hòa nhập và thích nghi công việc	5				

1.11.3 Hệ thống tính điểm

a) Điểm đánh giá bộ phận và điểm kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

b) Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được nêu tại điểm b₄) khoản này.

[illegible]

STT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)										
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
	chuyên cần											
2	Đánh giá bài tập	x	x	x	x		x					
	Đánh giá thảo luận	x	x	x	x	x	x					
4	Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x	x					
5	Đánh giá làm việc cá nhân trong nhóm				x		x					
6	Đánh giá thực hành		x	x		x	x	x	x	x		
7	Báo cáo	x	x	x								
8	Đánh giá mô hình/ project	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Kiểm	x	x	x								

STT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)										
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
	giá thực tập											

1.12 Cơ chế kiểm soát việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong thảo luận, thuyết trình, case study, bài tập, thực hành, project môn học, làm việc nhóm, thực tập đều được thực hiện bằng các rubrics bao gồm các tiêu chí nhất quán với CLOs. CLOs phản ánh yêu cầu thực hiện các PPC ở mức độ môn học đóng góp (I-P-M) trong bối cảnh của môn học. Mỗi PLO đều được một số các môn học đóng góp từ mức I đến P đến M. Do đó kết quả đánh giá của các môn học dù tập trung vào CLOs cũng cho thấy mức độ đạt được PPC của sinh viên trong phạm vi và bối cảnh của môn học. Từ đó, căn cứ vào việc đánh giá học phần, có thể kiểm soát được việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.

1.13 Môi trường học tập

1.13.1 Các cơ sở đào tạo của Trường

Bảng 6. Diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên, địa chỉ cơ sở	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính 300A Nguyễn Tất Thành	8,634
2	298A Nguyễn Tất Thành	7,928
3	27A Nguyễn Oanh	1,296
4	331 - An Phú Đông Q.12	31,082
5	1165- An Phú Đông Q.12	11,291
6	Cơ sở Quận 7 458/3F Nguyễn Hữu Thọ	7,913
7	Cơ sở bệnh viện nhi đồng II	144
8	Cơ sở 109, Đường Võ Thị Thừa, khu phố 3, phường An Phú Đông, quận 12	4,291
9	Bệnh viện Quân y 175	668.00
10	Bệnh viện 1A	546.00

11	Cơ sở nguyên lương bằng	332.10
12	Cơ sở Hoàng Diệu	360.19
13	Trung tâm phát triển CNC Trường Đại học Nguyễn Tất Thành Khối N1	15,820

1.13.2 Các khu vực học tập và hệ thống phòng học

Bảng 7. Hệ thống phòng phục vụ đào tạo

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	521	37.692 m ²	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	06	3.677 m ²	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	29	4.791 m ²	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	151	14.041 m ²	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	160	7.169 m ²	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	35	2.714 m ²	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	140	5.301 m ²	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	07	4.095 m ²	
3	Phòng thực hành chuyên đề phiên tòa giả định	01	73m ²	

1.13.3 Thông tin thư viện

Bảng 8. Thông tin thư viện

STT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Ghi chú
1	Phòng đọc sách	1	4,814 m ²	
2	Phòng nghiên cứu	1		
3	Phòng hội nghị	1		
4	Phòng tập gym	1		
5	Khu tự học	1		
6	Phòng học nhóm	3		
7	Nhà sách	1		
8	Phòng đa phương tiện	2		

STT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Ghi chú
9	Phòng nghiên cứu khoa học	1		
10	Văn phòng thư viện	2		
11	Kho	1		

1.13.4 Hệ thống phòng thực hành phục vụ ngành học

Bảng 9. Hệ thống phòng thực hành phục vụ ngành Thú y

STT	Tên phòng thực hành/thí nghiệm	Số lượng	Chức năng	Sử dụng cho Môn học/Học phần
1	Phòng thí nghiệm Sinh học phân tử	1	Giảng dạy thực hành, nghiên cứu khoa học	Hóa hữu cơ và phân tích Animal cellular and molecular biology Animal Genetics Miễn dịch Thú y Độc chất học Thú y Hóa dược Thú y Chiết xuất dược liệu - Thực hành
2	Phòng thí nghiệm Vi sinh & bệnh truyền nhiễm	1	Giảng dạy thực hành, nghiên cứu khoa học	Vi sinh vật học Vi sinh Thú y Ký sinh trùng Thú y Bệnh truyền nhiễm chung
3	Phòng tế bào	1	Giảng dạy thực hành, nghiên cứu khoa học	Mô phôi
4	Phòng nuôi động vật	1	Giảng dạy thực hành, nghiên cứu khoa học	Cơ thể động vật đại cương Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm Chẩn đoán lâm sàng Thú y Bệnh nội khoa 2 - Thực hành Bệnh cá Nuôi trồng thủy sản nước ngọt Bệnh tôm
5	Phòng thí nghiệm Công nghệ Sinh học động vật	1	Giảng dạy thực hành, nghiên cứu	Sinh lý động vật Chẩn đoán cận lâm sàng Thú y Công nghệ vaccine

			khoa học	Thiết kế thuốc Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y
6	Phòng Thực hành giải phẫu - sinh lý	1	Giảng dạy thực hành, nghiên cứu khoa học	Dược lý Thú y Sinh lý bệnh Thú y Giải phẫu bệnh Thú y Cơ thể động vật so sánh Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao Bệnh thú cưng
7	Phòng Ngoại khoa	1	Giảng dạy thực hành, nghiên cứu khoa học	Sản khoa Ngoại khoa 1,2 Ngoại khoa Thú y chuyên sâu Ngoại khoa thú cưng
8	Phòng khám Thú y	1	Thực hành, ứng dụng, nghiên cứu	Bệnh nội khoa 1 Thăm mý thú cưng

1.13.5 Danh sách các phần mềm đào tạo sử dụng cho ngành học

Bảng 10. Phần mềm đào tạo sử dụng cho Ngành Thú y

TT	Tên phần mềm	Học phần sử dụng
1	Microsoft Windows	MOS1
2	Microsoft Word	MOS1 Các khóa học yêu cầu bài luận, tiểu luận Phương pháp nghiên cứu khoa học trên động vật Khóa luận tốt nghiệp
3	Microsoft Powerpoint	MOS2 Các khóa học yêu cầu thuyết trình Khóa luận tốt nghiệp
4	Microsoft Excel	MOS2 Phương pháp nghiên cứu khoa học trên động vật Thống kê và phương pháp bố trí thí nghiệm trong thú y Khóa luận tốt nghiệp
5	Turnitin	Phương pháp nghiên cứu khoa học trên động vật

TT	Tên phần mềm	Học phần sử dụng
		Khóa luận tốt nghiệp
6	Autodock	Thiết kế thuốc
7	SAS	Thống kê và phương pháp bố trí thí nghiệm trong thú y Khóa luận tốt nghiệp
8	E-Learning (LMS, LCMS)	Quản lý dạy và học trực tuyến tại NTTU

1.13.6 Cơ sở dữ liệu điện tử

Bảng 11. Cơ sở dữ liệu điện tử

TT	Cơ sở dữ liệu	Hướng dẫn đăng nhập
1	ProQuest	Truy cập theo địa chỉ IP của NTTU
2	SpringerLink	Đăng nhập tài khoản
3	IEEE Xplore	Đăng nhập tài khoản
4	ScienceDirect	Đăng nhập tài khoản
5	Scopus	Đăng nhập tài khoản
6	SAGE e-Journals Collection	Đăng nhập tài khoản
7	Emerald e-Journals Collection	Đăng nhập tài khoản
8	Springer Nature	Truy cập theo địa chỉ IP của NTTU
9	IG Publishing eBooks Collection	Đăng nhập tài khoản
10	Directory of Open Access Book	Truy cập không cần đăng nhập
11	Directory of Open Access Journal	Truy cập không cần đăng nhập
12	Open Textbook Library	Truy cập không cần đăng nhập
13	BCCampus Open Textbook	Truy cập không cần đăng nhập
14	Credo Reference	Truy cập theo địa chỉ IP của NTTU
15	Springer eBooks Collection	Đăng nhập tài khoản
16	Elsevier eBooks Collection	Đăng nhập tài khoản
17	Bộ Cơ sở dữ liệu Kinh tế - Tài chính – Vĩ mô của FiinPro (Gồm dữ liệu của 3200 doanh nghiệp, trong đó có 1700 doanh nghiệp đã niêm yết, 1500 doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết)	Truy cập tại NTTU

1.14 Dịch vụ hỗ trợ sinh viên

Bảng 12. Thông tin dịch vụ hỗ trợ sinh viên

TT	Lĩnh	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên
----	------	--------------------------

	vực	Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
1	Học thuật	Phòng Quản lý đào tạo: - Cung cấp thông tin về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo; - Cấp bằng điểm cho sinh viên; - Xét cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời; - Xét cấp bằng tốt nghiệp bản chính, bản sao hoặc điều chỉnh thông tin văn bằng, chứng chỉ; - Xét cấp chứng chỉ GDQPAN và GDTC; - Hỗ trợ các vấn đề liên quan đến đăng ký học phần, cung cấp thời khóa biểu, lịch thi; - Lưu trữ, quản lý và bảo mật kết quả học tập của sinh viên; - Giải quyết học vụ sinh viên;	- Cung cấp thông tin về CTĐT, đề cương chi tiết học phần, quy chế đào tạo; - Hỗ trợ đăng ký học phần, cung cấp thời khóa biểu, lịch thi; - Tư vấn cho sinh viên về việc học, định hướng nghề nghiệp, các vấn đề và khó khăn trong cuộc sống; - Theo dõi tình hình học tập của sinh viên và thông báo đến sinh viên các vấn đề liên quan; - Hướng dẫn sinh viên liên hệ các đơn vị chức năng để giải quyết các vấn đề liên quan.
		Phòng Khoa học Công nghệ: - Hỗ trợ sinh viên đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học; - Giới thiệu đến sinh viên các cơ hội và quỹ tài trợ cho các dự án nghiên cứu khoa học; - Hướng dẫn cách thức công bố các công trình nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế.	- Hướng dẫn sinh viên chọn đề tài NCKH và thực hiện các đề tài; - Hướng dẫn cách viết bài báo khoa học, đề tài NCKH cho SV; - Hỗ trợ SV đăng ký dự thi NCKH cấp trường, giải thưởng Eureka cấp thành phố.
		Phòng Công tác sinh viên: - Ban hành và phổ biến Sổ tay sinh viên; - Công tác khen thưởng, kỷ luật sinh viên - Ban liên lạc Cựu sinh viên – Hội đồng hương;	- Tư vấn, giải đáp thắc mắc cho sinh viên về các vấn đề liên quan qua fanpage. - Tổ chức các hoạt động học thuật, cuộc thi cho CLB Pháp luật và CLB cựu sinh viên.
		Viện E-Learning:	

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
		- Giải quyết các vấn đề liên quan đến các học môn học online. Hỗ trợ kỹ thuật trên hệ thống LMS (đăng nhập, hướng dẫn việc học tập, thi trực tuyến).	- Hướng dẫn sinh viên về kỹ thuật học tập trực tuyến; - Hỗ trợ sinh viên trong quá trình sinh viên học tập trực tuyến.
2	Tài chính và học bổng	Phòng Công tác sinh viên: - Thông tin, tiếp nhận hồ sơ và giải quyết các hồ sơ liên quan đến chính sách miễn giảm học phí cho sinh viên;	- Truyền tải các thông báo của nhà trường liên quan đến học bổng, gia hạn học phí, miễn giảm học phí cho sinh viên
3	Định hướng nghề nghiệp và khởi nghiệp	Phòng Quan hệ doanh nghiệp và việc làm sinh viên: - Giới thiệu sinh viên đến đơn vị doanh nghiệp để thực tập. cấp giấy giới thiệu thực tập cho sinh viên; - Khảo sát nhu cầu việc làm, giới thiệu việc làm, bồi dưỡng kỹ năng xin việc dành cho sinh viên; - Câu lạc bộ Doanh nghiệp NTT.	- Liên kết với các cơ quan, tổ chức hành nghề luật để giới thiệu việc làm cho sinh viên; - Hỗ trợ đưa sinh viên đi kiến tập tại các cơ quan, tổ chức hành nghề luật để định hướng nghề nghiệp cho sinh viên.
4	Ký túc xá	Phòng Công tác sinh viên: - Công tác ngoại trú sinh viên. Trung tâm dịch vụ và quản lý ký túc xá: - Tiếp nhận sinh viên vào ký túc xá; - Giải quyết vấn đề về hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng cho sinh viên.	- Hỗ trợ sinh viên tìm kiếm nhà trọ;
5	Dịch vụ tư vấn	Phòng Công tác sinh viên: - Tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa; - Tư vấn và chăm sóc sức khỏe sinh viên, tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh viên: vệ sinh trường học, phòng ngừa dịch bệnh, khám sức khỏe định kỳ;	- Tư vấn và giải đáp thắc mắc thường xuyên cho sinh viên thông qua CVHT, thư ký, giáo vụ khoa, fanpage khoa. - Tổ chức các hoạt động mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo,...
6	Thư	Trung tâm Thông tin thư viện:	

TT	Lĩnh vực	Dịch vụ hỗ trợ sinh viên	
		Cấp Trường	Cấp Khoa/ Viện
	viện	- Quản lý và cung cấp giáo trình, tài liệu tham khảo, nguồn học liệu; - Cung cấp dịch vụ thư viện điện tử; cơ sở dữ liệu quốc tế; giáo trình và tài liệu tham khảo.	- Cung cấp danh mục tài liệu tham khảo và hướng dẫn sinh viên truy cập nguồn tài liệu tham khảo
7	Hỗ trợ sinh viên quốc tế	Trung tâm hỗ trợ sinh viên quốc tế: - Thực hiện hồ sơ đăng ký xin Visa mới hoặc gia hạn Visa cho lưu học sinh học tập tại Trường; - Giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến lưu học sinh.	- Hỗ trợ giải quyết các vấn đề học vụ, đời sống cho sinh viên quốc tế; - Tổ chức các cuộc thi học thuật cho sinh viên quốc tế; - Tham gia và hướng dẫn sinh viên tham dự các hội thảo quốc tế;

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1 Tóm tắt cấu trúc chương trình giảng dạy

- Kiến thức toàn khóa học: 167 tín chỉ (chưa bao gồm học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

- Các khối kiến thức trong chương trình đào tạo được thể hiện ở Bảng 13.

Bảng 13. Các khối kiến thức và tín chỉ trong chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức		Tín chỉ		Tổng	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Tỉ lệ lý thuyết/ Thực hành
			Bắt buộc	Tự chọn				
I	Khối kiến thức tổng quát	Giáo dục đại cương	13	0	13	195	0	1
		Khoa học cơ bản	22	2	24	30	660	0,045
II	KN, ĐMST, NLS & CNCĐ		8	0	8	120	0	1
III	Khối kiến thức cơ sở ngành		36	4	40	465	270	1,72
IV	Khối kiến thức ngành/ chuyên ngành/ cốt lõi/ chuyên sâu		63	4	67	780	450	1,73
V	Thực tập và trải nghiệm		0	8	8	0	240	0

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
nghề nghiệp													

2.2 Danh sách các học phần

Bảng 15. Danh sách các học phần thuộc CTĐT Ngành Thú y

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			13						
1	075580	Triết học Mác - Lê nin	Marxist - Leninist philosophy	3	45	0	105		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	Political economics of Marxism and Leninism	2	30	0	70	075580 (a), 075581 (a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Scientific socialism	2	30	0	70	075580 (a), 075584 (a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
4	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	30	0	70	075580 (a) 075581 (a) 075582 (a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	2	30	0	70	075580 (a), 075581 (a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
6	070011	Pháp luật đại cương	General Law	2	30	0	70		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
7	070023	Giáo dục thể chất	Physical and Education	5	15	90	--		Mô phỏng/ thực hành	Bài thi thực hành
8	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Defense and Security Education	8	77	72	--		Mô phỏng/ thực hành	Bài thi thực hành
II	KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN			24						
Bắt buộc				22						
9	078165	Anh văn cấp độ 1	English level 1	3	0	90	60		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi/ Tiểu

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chí	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
										luận/ Nói
10	078166	Anh văn cấp độ 2	English level 2	3	0	90	60	078165 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
11	078167	Anh văn cấp độ 3	English level 3	3	0	90	60	078166 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
12	078168	Anh văn cấp độ 4	English level 4	3	0	90	60	078167 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
13	078169	Anh văn cấp độ 5	English level 5	3	0	90	60	078168 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
14	078170	Anh văn cấp độ 6	English level 6	3	0	90	60	078169 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
15	078177	Tiếng Đức cấp độ 1	German level 1	3	0	90	60		Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
16	078178	Tiếng Đức cấp độ 2	German level 2	3	0	90	60	078177 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
17	078179	Tiếng Đức cấp độ 3	German level 3	3	0	90	60	078178 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
18	078180	Tiếng Đức cấp độ 4	German level 4	3	0	90	60	078179 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
19	078181	Tiếng Đức cấp độ 5	German level 5	3	0	90	60	078180 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
20	078182	Tiếng Đức cấp độ 6	German level 6	3	0	90	60	078181 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
21	078171	Tiếng Nhật cấp độ 1	Japanese 1	3	0	90	60		Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
22	078172	Tiếng Nhật cấp độ 2	Japanese 2	3	0	90	60	078171 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
23	078173	Tiếng Nhật cấp độ 3	Japanese 3	3	0	90	60	078172 (a)	Thuyết giảng/E-	Bài thi/ Tiểu

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chi	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
									learning	luận/ Nói
24	078174	Tiếng Nhật cấp độ 4	Japanese 4	3	0	90	60	078173 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
25	078175	Tiếng Nhật cấp độ 5	Japanese 5	3	0	90	60	078174 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
26	078176	Tiếng Nhật cấp độ 6	Japanese 6	3	0	90	60	078175 (a)	Thuyết giảng/E- learning	Bài thi/ Tiểu luận/ Nói
27	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	MOS 1	2	0	60	40		Thuyết giảng/thực hành	Bài thi thực hành
28	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	MOS 1	2	0	60	40		Thuyết giảng/thực hành	Bài thi thực hành
		Tự chọn		2						
29	070796	Tư duy sáng tạo	Creative thinking	2	30	0	70		Thuyết giảng/thuý t trình/thảo luận nhóm	Thuyết trình/thả o luận
30	078515	Tư duy phản biện	Critical thinking	2	15	30	55		Thuyết giảng/thuý t trình/thảo luận nhóm	Thuyết trình/thả o luận
III	KIẾN THỨC THUỘC KHỞI NGHIỆP, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, NĂNG LỰC SỐ VÀ CÔNG NGHỆ CHUYÊN DỤNG (KN, ĐMST, NLS & CNCD)			8						
31	078516	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	Entrepreneursh ip and Innovation	2	30	0	70		Thuyết giảng/ E- learning/ đặt câu hỏi/ bài tập tình huống/ thảo luận nhóm/ Thuyết trình	Báo cáo tiểu luận

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
32	078518	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Cơ bản	Basic skills in the digital era	2	30	0	70		Thuyết giảng/ E- learning/Th ảo luận nhóm	Thi trắc nghiệm
33	078519	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Nâng cao	Advanced skills in the digital era	2	30	0	70	078518 (a)	Thuyết giảng/ E- learning/Th ảo luận nhóm/thuyế t trình	Báo cáo tiểu luận
34	078520	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở	Digital Competence and exploiting open educational resources	2	30	0	70		Thuyết giảng/ E- learning	Thi tự luận
III	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			40						
				36						
35	078933	Nhập môn nghề nghiệp bác sỹ Thú y	Introduction to the Veterinary Medical Profession	2	30	0	70		Thuyết giảng, thảo luận	Trắc nghiệm
36	078934	Hóa hữu cơ và phân tích	Organic chemistry and analytical chemistry	3	30	30	90		Thuyết giảng, thảo luận	Trắc nghiệm
37	078946	Sinh hóa	Biochemistry	2	30	0	70		Thuyết giảng, thảo luận	Trắc nghiệm
38	078951	Sinh học phân tử và tế bào động vật	Animal cellular and molecular biology	2	15	30	55		Thuyết giảng/ Thảo luận	Trắc nghiệm
39	078947	Di truyền học động vật	Animal Genetics	2	15	30	55		Thuyết giảng/ Thảo luận	Trắc nghiệm
40	078955	Vi sinh vật học	General microbiology	2	30	0	70		Thuyết giảng/ Thảo luận	Trắc nghiệm
41	078956	Vi sinh vật học - Thực hành	General microbiology - Practice	1	0	30	20	078955 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chi	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
42	078964	Phương pháp nghiên cứu khoa học trên động vật	Methods of scientific research on animals	2	15	30	55		Thuyết giảng/ Thảo luận	Tự luận
43	078948	Sinh lý động vật 1	Animal physiology 1	2	30	0	70		Thuyết giảng/ thuyết trình	Trắc nghiệm
44	078949	Sinh lý động vật 2	Animal physiology 2	2	30	0	70	078948 (a)	Thuyết giảng/ thuyết trình	Trắc nghiệm
45	078952	Sinh lý động vật - Thực hành	Animal physiology - Practice	1	0	30	20	078948 (a), 078949 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành
46	078950	Cơ thể động vật đại cương	Animal anatomy	2	15	30	55		Thuyết giảng/ thuyết trình, thực hành	Trắc nghiệm
47	078954	Mô phôi	Histology and embryology	3	30	30	90		Thuyết giảng/ thuyết trình	Trắc nghiệm
48	078981	Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm	Nutrition and Poultry Production	3	45	0	105		Thuyết giảng/ thuyết trình	Trắc nghiệm
49	078965	Miễn dịch Thú y	Veterinary immunology	3	30	30	90		Thuyết giảng / Thảo luận	Tự luận
50	078957	Thống kê và phương pháp bố trí thí nghiệm trong thú y	Statistics and experimental design methods in veterinary medicine	2	30	0	70		Thuyết giảng / Bài tập	Trắc nghiệm
51	078974	Dịch tễ học Thú y	Veterinary epidemiology	2	30	0	70	078955 (a), 078957 (a)	Thuyết giảng / Thảo luận	Tự luận
		Tự chọn:		4						
52	078967	Giống và chọn giống vật nuôi	Animal breeds and breeding	2	30	0	70		Thuyết giảng / Thảo luận	Tự luận
53	078968	Công nghệ sinh học Động vật trong Thú y	Animal biotechnology	2	30	0	70		Thuyết giảng / Thảo luận	Trắc nghiệm

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chi	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
54	078982	Kỹ thuật xét nghiệm phân tử	Molecular diagnosis technology	2	30	0	70		Thuyết giảng / Bài tập	Trắc nghiệm
55	078983	Công nghệ tế bào động vật trong Thú y	Animal cell biotechnology	2	30	0	70		Thuyết giảng / Thảo luận	Trắc nghiệm
III	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH/ CHUYÊN SÂU/ CỐT LÕI NGÀNH			53						
		Bắt buộc:		51						
56	078958	Vi sinh Thú y	Veterinary microbiology	2	30	0	70	078955 (a)	Thuyết giảng, thuyết trình	Trắc nghiệm
57	078959	Vi sinh Thú y - Thực hành	Veterinary microbiology - Practice	1	0	30	20	078955 (a), 078958 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
58	078960	Dược lý Thú y	Veterinary pharmacology	3	45	0	105		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
59	078961	Dược lý Thú y - Thực hành	Veterinary pharmacology - Practice	1	0	30	20	078960 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
60	078972	Ký sinh trùng Thú y	Veterinary parasitology	3	45	0	105	078955 (a)	Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở	Trắc nghiệm
61	078973	Ký sinh trùng Thú y - Thực hành	Veterinary parasitology - Practice	1	0	30	20	078955 (a), 078972 (c)	Thuyết giảng, thực hành	đánh giá báo cáo
62	078969	Sinh lý bệnh Thú y	Veterinary pathophysiology	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
63	078970	Giải phẫu bệnh Thú y	Veterinary pathoanatomy	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
64	078971	Giải phẫu bệnh Thú y - Thực hành	Veterinary pathoanatomy - Practice	1	0	30	20	078970 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chi	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
										báo cáo
65	078953	Cơ thể động vật so sánh	Comparative veterinary anatomy	2	15	30	55	078948 (a), 078949 (a), 078950 (a)	Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
66	078979	Bệnh nội khoa 1	Internal medicine 1	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
67	078980	Bệnh nội khoa 1 - Thực hành	Internal medicine 1 - Practice	1	0	30	20	078979 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
68	078977	Sản khoa	Obstetrics	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
69	078978	Sản khoa - Thực hành	Obstetrics - Practice	1	0	30	20	078977 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
70	078986	Ngoại khoa 1	Surgery 1	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
71	078987	Ngoại khoa 1 - Thực hành	Surgery 1 - Practice	1	0	30	20	078986 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
72	078984	Chăn nuôi gia súc	Domestic- livestock Production	3	45	0	105		Thuyết giảng/ thuyết trình	Trắc nghiệm
73	078976	Bệnh truyền nhiễm chung	Zoonosis	3	45	0	105		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
74	078988	Bệnh truyền nhiễm trên gia súc	Infectious diseases in domestic animals	3	45	0	105		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
75	078989	Bệnh truyền nhiễm trên gia cầm	Infectious diseases in poultry	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
76	078991	Kiểm nghiệm	Inspection of	2	30	0	70		Thuyết	Tự luận

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chí	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
		thú sản	livestock products						giảng, thuyết trình	
77	078975	Luật Thú y và phúc lợi động vật	Animal laws and welfare	2	30	0	70		Thuyết giảng/thảo luận	Trắc nghiệm
78	078966	Chẩn đoán cận lâm sàng Thú y	Subclinical diagnosis in veterinary medicine	2	15	30	55		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
79	078962	Chẩn đoán lâm sàng Thú y	Clinical diagnosis in veterinary medicine	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
80	078963	Chẩn đoán lâm sàng Thú y - Thực hành	Clinical diagnosis in veterinary medicine - Practice	1	0	30	20	078962 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
81	078985	Hỗ trợ sinh sản vật nuôi	Assisted reproductive technology in animal	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
82	078990	Một sức khỏe	One health	2	30	0	70		Thuyết giảng/thảo luận	Trắc nghiệm
		Tự chọn:		2						
83	078992	Môi trường và sức khỏe vật nuôi	Environment and animal health	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
84	078993	Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	Preservation and processing technology of animal products	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Trắc nghiệm
85	078994	Chăn nuôi công nghệ cao	Hi-tech animal husbandry	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
IV	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH RIÊNG			14						
		Chuyên ngành Bệnh học Thú y		14						

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
		Bắt buộc:		12						
86	078995	Chẩn đoán hình ảnh Thú y	Veterinary diagnostic imaging	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
87	078996	Ngoại khoa 2	Surgery 2	2	30	0	70	078986 (a)	Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
88	078997	Ngoại khoa 2 - Thực hành	Surgery 2 - Practice	1	0	30	20	078996 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
89	079010	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao	Advanced veterinary pathophysiolog y and pathology	2	30	0	70	078948 (a), 078949 (a)	Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
90	079011	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao - Thực hành	Advanced veterinary pathophysiolog y and pathology - Practice	1	0	30	20	079010 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
91	079012	Độc chất học Thú y	Veterinary toxicology	2	15	30	55		Thuyết giảng/thảo luận	Tự luận
92	078998	Bệnh nội khoa 2	Internal medicine 2	2	30	0	70	078979 (a)	Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
		Tự chọn:		2						
93	079013	Ngoại khoa Thú y chuyên sâu	Advanced veterinary surgery	2	15	30	55		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
94	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	Specialized study in veterinary pathology	1	0	30	20		Thực hiện chuyên đề	Báo cáo
95	079015	Bệnh nội khoa 2 - Thực hành	Internal medicine 2 - Practice	1	0	30	20		Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chí	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
		Chuyên ngành Dược Thú y		14						
		Bắt buộc:		12						
96	078999	Dược liệu Thú y	Veterinary pharmacognos y	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
97	079000	Dược lâm sàng Thú y	Veterinary clinical pharmacy	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
98	079001	Hóa dược Thú y	Veterinary pharmaceutical chemistry	2	30	0	70	078960 (a)	Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
99	079002	Hóa dược Thú y - Thực hành	Veterinary pharmaceutical chemistry - Practice	1	0	30	20	078960y (a) 079001 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
100	079018	Dược động học Thú y ứng dụng	Applied veterinary pharmacokineti cs	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
101	079016	Công nghệ vaccine	Vaccine technology	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
102	079017	Công nghệ vaccine - Thực hành	Vaccine technology - Practice	1	0	30	20	079016 (c)	Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
		Tự chọn:		2						
103	079019	Thiết kế thuốc	Drug design	2	15	30	55		Thuyết giảng/Thực hành	Tự luận
104	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	Specialized study in veterinary pathology	1	0	30	20		Thực hiện chuyên đề	Báo cáo
105	079020	Chiết xuất dược liệu - Thực hành	Medicinal extract - Practice	1	0	30	20		Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chi	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
		Chuyên ngành Thú y thủy sản		14						
		Bắt buộc:		12						
106	079006	Chẩn đoán bệnh thủy sản	Diagnosis of aquatic diseases	2	30	0	70		Thuyết giảng, Bài tập	Tự luận
107	079022	Chẩn đoán bệnh thủy sản - Thực hành	Diagnosis of aquatic diseases - Practice	1	0	30	20		Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
108	079003	Bệnh cá	Fish disease	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
109	079004	Bệnh cá - Thực hành	Fish disease - Practice	1	0	30	20		Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
110	079021	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Aquatic Immunology	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
111	079023	Dược thủy sản	Aquatic pharmacology	2	30	0	70		Thuyết giảng, thảo luận	Tự luận
112	079005	Bệnh tôm	Shrimp disease	2	15	30	55		Thuyết giảng, thảo luận	Tự luận, đánh giá báo cáo
		Tự chọn:		2						
113	079024	Nuôi trồng thủy sản nước lợ và mặn	Saltwater aquaculture	2	30	0	70		Thuyết giảng, thảo luận	Tự luận
114	079020	Chiết xuất dược liệu - Thực hành	Medicinal extract - Practice	1	0	30	20		Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
115	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	Specialized study in veterinary pathology	1	0	30	20		Thực hiện chuyên đề	Báo cáo

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chi	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
		Chuyên ngành Thú cưng		14						
		Bắt buộc:		12						
116	078995	Chẩn đoán hình ảnh Thú y	Veterinary diagnostic imaging	2	30	0	70		Thuyết giảng, câu hỏi gọi mở, thuyết trình,	trắc nghiệm
117	079025	Tập tính học thú cưng	Pet behaviorology	1	15	0	35		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
118	079026	Bệnh thú cưng	Pet disease	2	15	30	55		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
119	079007	Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe thú cưng	Pet healthcare	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
120	079027	Thẩm mỹ thú cưng	Pet beauty care	2	15	30	55		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
121	079008	Ngoại khoa thú cưng	Pet surgery	2	30	0	70		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
122	079009	Ngoại khoa thú cưng - Thực hành	Pet surgery – Practice	1	0	30	20		Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
		Tự chọn:		2						
123	079013	Ngoại khoa Thú y chuyên sâu	Advanced veterinary surgery	2	15	30	55		Thuyết giảng, thuyết trình	Tự luận
124	079028	Tập tính học thú cưng - Thực hành	Pet behavior – Practice	1	0	30	20		Thuyết giảng, thực hành	Đánh giá thực hành, đánh giá báo cáo
125	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	Specialized study in veterinary pathology	1	0	30	20		Thực hiện chuyên đề	Báo cáo
V	THỰC TẬP VÀ TRẢI			8						

TT	Mã số	Tên học phần (HP) tiếng Việt	Tên học phần (HP) tiếng Anh	Tín chi	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
					LT	TH	Tự học			
	NGHIỆM									
		<i>Sinh viên chọn 4 học phần thực tập</i>								
126	079030	Thực tập trang trại gia cầm	Internship in poultry farm	2	0	60	40		Thực tập thực tế	Báo cáo
127	079029	Thực tập trang trại heo	Internship in pig farm	2	0	60	40		Thực tập thực tế	Báo cáo
128	079031	Thực tập trang trại thủy sản	Internship in aquatic farm	2	0	60	40		Thực tập thực tế	Báo cáo
129	079032	Thực tập phòng khám Thú y	Internship in veterinary clinic	2	0	60	40		Thực tập thực tế	Báo cáo
130	079033	Thực tập trang trại	Internship in farm	2	0	60	40		Thực tập thực tế	
VI	ĐỒ ÁN/ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP			7						
		<i>Tự chọn xét điều kiện</i>		7						
131	079034	Khóa luận tốt nghệ nghiệp	Veterinary thesis	7	0	210	140		Thực hiện khóa luận	Báo cáo
		<i>Phương án thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>		7						
132	079035	Tiểu luận tốt nghệ nghiệp	Veterinary project	3	0	90	60		Thực hiện tiểu luận	Báo cáo
133	079036	Thực tập chẩn đoán hình ảnh	Internship in diagnostic imaging	2	0	60	40		Thực tập thực tế	Báo cáo
134	079037	Thực tập kiểm nghệ nghiệm Thú y	Internship in veterinary inspection centers	2	0	60	40		Thực tập thực tế	Báo cáo
135	079038	Thực tập dược Thú y	Internship in veterinary pharmacy	2	0	60	40		Thực tập thực tế	Báo cáo
136	079039	Thực tập sản xuất thức ăn chăn nuôi	Internship in animal feed	2	0	60	40		Thực tập thực tế	Báo cáo

[illegible]

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
		độ 1																																
6	78520	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở	2	HK1			I	I					I	I	I																I	I		
7	76580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8*	HK1				I					I	I															I	I				
8	078946	Sinh hóa	2	HK2	I								I																			I		
9	078947	Animal Genetics	2	HK2	I													I													I			
10	78166	Anh văn cấp độ 2	3*	HK2		I							I	I																	I	I		
11	78172	Tiếng Nhật cấp độ 2	3*	HK2		I							I	I																	I	I		
12	78178	Tiếng Đức cấp độ 2	3*	HK2		I							I	I																	I	I		
13	78518	Kỹ năng mềm trong kỷ	2	HK2			I	I					I	I	I																I	I		

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
46	078958	Vì sinh thú y	2	HK6							I	I		I										I							I			
47	078959	Vì sinh thú y - Thực hành	1	HK6							I	I								I	I			I				I						
48	78170	Anh văn cấp độ 6	3*	HK6		P								P	P															P	P			
49	78176	Tiếng Nhật cấp độ 6	3*	HK6		P								P	P															P	P			
50	78182	Tiếng Đức cấp độ 6	3*	HK6		P								P	P															P	P			
51	70796	Tư duy sáng tạo	2*	HK6			I	I						I	I	I														I	I			
52	78515	Tư duy phản biện	2*	HK6			I	I						I	I															I		I		
53	078964	Phương pháp nghiên cứu khoa học trên động vật	2	HK7				I								I											I	I	I					
54	078960	Dược lý thú y	3	HK7			I			I					I										I				I					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
55	078961	Dược lý thú y - Thực hành	1	HK7			I												I				I					I						
56	078967	Giống và chọn giống vật nuôi	2*	HK7			I		I									I						I								I		
57	078968	Công nghệ sinh học động vật trong thú y	2*	HK7			I		I				I					I									I	I					I	
58	078965	Miễn dịch thú y	3	HK7	P					P				P									P								P			
59	078966	Chẩn đoán cận lâm sàng thú y	2	HK7			P			P					P						P		P								P	P		
60	078969	Sinh lý bệnh thú y	2	HK8	P					P				P									P								P			
61	078970	Giải phẫu bệnh thú y	2	HK8			P			P					P								P							P				
62	078971	Giải phẫu bệnh thú y - Thực hành	1	HK8						P										P			P							P				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
63	078972	Ký sinh trùng thú y	3	HK8							P	P		P											P	P				P				
64	078973	Ký sinh trùng thú y - Thực hành	1	HK8							P	P							P						P	P				P				
65	078974	Dịch tễ học thú y	2	HK8		P		P				P					P								P	P				P				
66	078975	Luật thú y và phúc lợi động vật	2	HK8		P		P								P	P	P							P					P				
67	078976	Bệnh truyền nhiễm chung	3	HK9		P		P				P					P								P	P				P				
68	078977	Sản khoa	2	HK9	P				P							P									p							P		
69	078978	Sản khoa - Thực hành	1	HK9					P												P				p							P		
70	078979	Bệnh nội khoa I	2	HK9	P					P				P										P								P		
71	078980	Bệnh nội khoa I - Thực	1	HK9						P															P		P					P		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																														
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)			
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3	
		hành																																	
72	078981	Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm	3	HK9			P			P						P				P												P	P		
73	078982	Kỹ thuật xét nghiệm phân tử	2*	HK9			P			P						P															P				
74	078983	Công nghệ tế bào động vật trong thú y	2*	HK9			P						P						P										P	P		P			
75	078985	Hỗ trợ sinh sản vật nuôi	2	HK10				P					P		P																P		P		
76	078986	Ngoại khoa 1	2	HK10	P					P						P																	P		
77	078987	Ngoại khoa 1 - Thực hành	1	HK10						P																								P	
78	078988	Bệnh truyền nhiễm trên gia	3	HK10		P			P								P																P		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
		súc																																
79	078989	Bệnh truyền nhiễm trên gia cầm	2	HK10		P		P			P					P								P	P				P					
80	078984	Chăn nuôi gia súc	3	HK10			P			P					P				P				P	P							P	P		
81	078990	One health	2	HK11		P		P			P				P								P						P					
82	078991	Kiểm nghiệm thú sản	2	HK11			P				P				P								P							P				
83	078992	Môi trường và sức khỏe vật nuôi	2	HK11			P			P					P								P							P				
84	078993	Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	2	HK11			P												P									P		P				
85	078994	Chăn nuôi công nghệ cao	2	HK11			P			P									P					P						P				

[illegible]

[illegible]

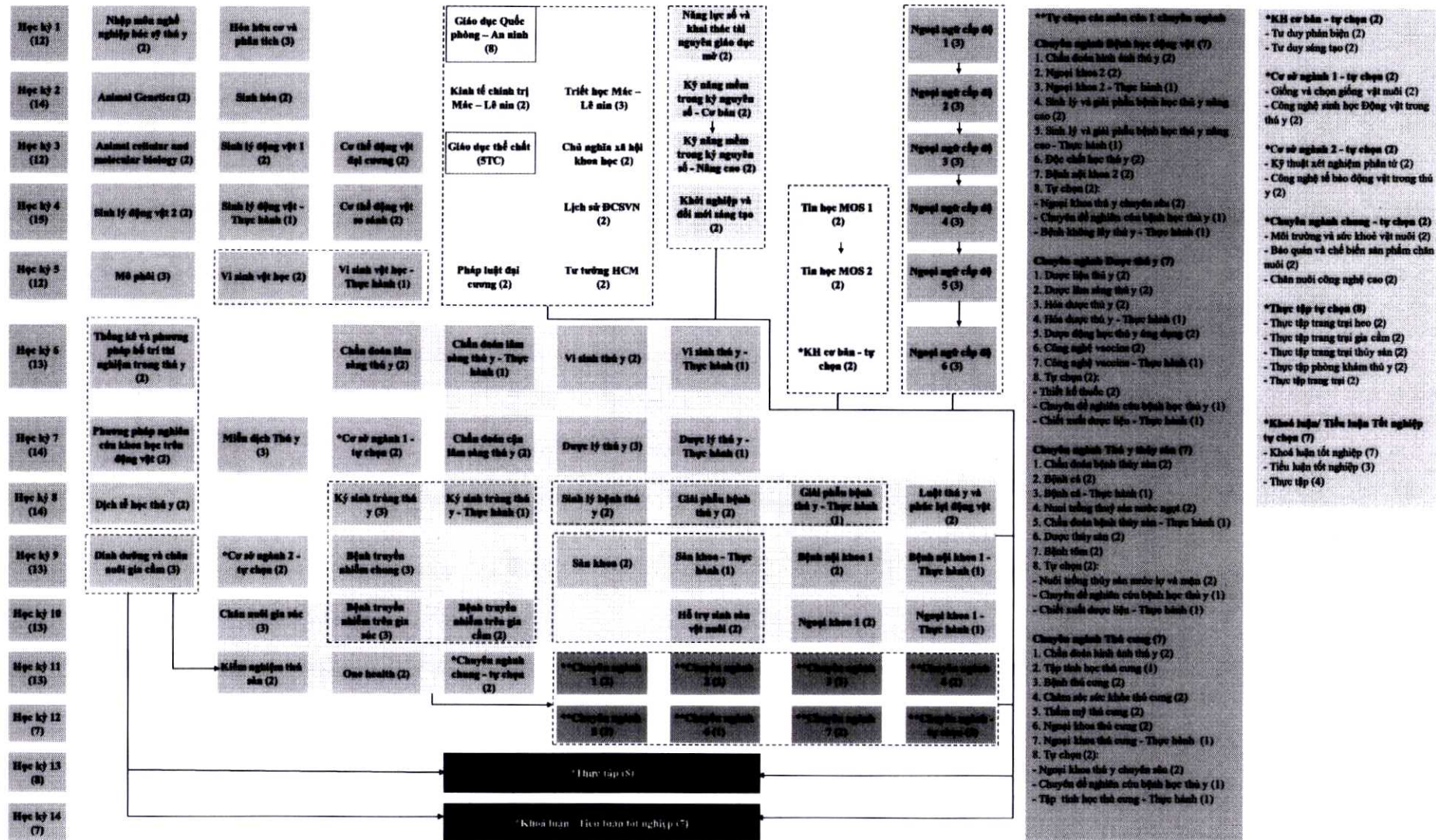
TT	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
		cao - Thực hành																																
103	079012	Độc chất học thú y	2	HK12				M	M			M		M					M						M					M				
104	079013	Ngoại khoa thú y chuyên sâu	2	HK12			M		M							M								M								M		
105	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học thú y	1	HK12									M			M											M					M		
106	079015	Bệnh nội khoa 2 - Thực hành	1	HK12								M								M				M								M		
107	079016	Công nghệ vaccine	2	HK12			M					M				M									M						M			
108	079017	Công nghệ vaccine - Thực hành	1	HK12								M								M					M								M	
109	079018	Dược động học thú y ứng dụng	2	HK12	M					M																						M		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
110	079019	Thiết kế thuốc	2	HK12			M					M					M										M			M				
111	079020	Chiết xuất dược liệu - Thực hành	1	HK12								M						M									M				M			
112	079021	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	2	HK12			M		M								M						M						M					
113	079022	Chẩn đoán bệnh thủy sản - Thực hành	1	HK12			M					M		M								M									M			
114	079023	Dược thủy sản	2	HK12			M					M	M														M					M		
115	079024	Nuôi trồng thủy sản nước lợ và mặn	2	HK12			M		M								M							M						M				
116	079026	Bệnh thú cưng	2	HK12	M					M								M					M									M		
117	079027	Thăm mý thú cưng	2	HK12		M			M								M							M								M		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
118	079025	Tập tính học thú cưng	1	HK12		M			M					M									M									M		
119	079028	Tập tính học thú cưng - Thực hành	1	HK12					M								M					M									M			
120	079029	Thực tập trang trại heo	2	HK13	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M		
121	079030	Thực tập trang trại gia cầm	2	HK13	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M		
122	079031	Thực tập trang trại thủy sản	2	HK13	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M		
123	079032	Thực tập phòng khám thú y	2	HK13	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M		
124	079033	Thực tập trang trại	2	HK13	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M		
125	079036	Thực tập chẩn đoán hình ảnh	2	HK14	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M		
126	079038	Thực tập dược thú y	2	HK14	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Lộ trình học tập	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo																													
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)		PLO3 (K3)			PLO4 (S1)			PLO5 (S2)			PLO6 (S3)			PLO7 (S4)			PLO8 (S5)		PLO9 (S6)		PLO10 (A1)		PLO11 (A2)		
					1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	6.3	7.1	7.2	7.3	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2	11.1	11.2	11.3
127	079037	Thực tập kiểm nghiệm thú y	2	HK14	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M				M	M	M	M	M		
128	079039	Thực tập sản xuất thức ăn chăn nuôi	2	HK14	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M				M	M	M	M	M		
129	079034	Khóa luận tốt nghiệp	7	HK14	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M	M	M		
130	079035	Tiểu luận tốt nghiệp	3	HK14	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			M	M	M	M	M	M	M		

2.4 Sơ đồ hóa lộ trình học tập (Hình 1)



2.5 Kế hoạch giảng dạy

Bảng 17a. Kế hoạch giảng dạy và học tập trước hạn dự kiến

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chi	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
HỌC KỲ 1			10		
1.	078933	Nhập môn nghề nghiệp bác sỹ Thú y	2		
2.	078934	Hóa hữu cơ và phân tích	3		
3.	078520	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở	2		
4.	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8*		
5.	078165	Anh văn cấp độ 1	3		Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
6.	078171	Tiếng Nhật cấp độ 1	3		
7.	078177	Tiếng Đức cấp độ 1	3		
HỌC KỲ 2			14		
1.	078946	Sinh hóa	2		
2.	078947	Animal Genetics	2		
3.	078518	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Cơ bản	2		
4.	075580	Triết học Mác - Lê nin	3		
5.	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2	075580 (a)	
6.	078166	Anh văn cấp độ 2	3	078165 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không
7.	078172	Tiếng Nhật cấp độ 2	3	078171 (a)	
8.	078178	Tiếng Đức cấp độ 2	3	078177 (a)	

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chi	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
					chuyên
HỌC KỲ 3			13		
1.	078948	Sinh lý động vật 1	2		
2.	078950	Cơ thể động vật đại cương	2		
3.	078951	Animal cellular and molecular biology	2		
4.	078519	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Nâng cao	2		
5.	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	075580 (a), 075581 (a)	
6.	070023	Giáo dục thể chất	5*		
7.	078167	Anh văn cấp độ 3	3	078166 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
8.	078173	Tiếng Nhật cấp độ 3	3	078172 (a)	
9.	078179	Tiếng Đức cấp độ 3	3	078178 (a)	
HỌC KỲ 4			14		
1.	078949	Sinh lý động vật 2	2	078948 (a)	
2.	078952	Sinh lý động vật - Thực hành	1	078948 (a), 078949 (c)	
3.	078953	Cơ thể động vật so sánh	2	078948 (a), 078949 (a), 078950 (a)	
4.	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	075580 (a), 075584 (a)	
5.	078516	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2		
6.	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2		

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chi	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
7.	078168	Anh văn cấp độ 4	3	078167 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
8.	078174	Tiếng Nhật cấp độ 4	3	078173 (a)	
9.	078180	Tiếng Đức cấp độ 4	3	078179 (a)	
HỌC KỲ 5			15		
1.	078954	Mô phôi	3		
2.	078955	Vi sinh vật học	2		
3.	078956	Vi sinh vật học - Thực hành	1	078955 (c)	
4.	070011	Pháp luật đại cương	2		
5.	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	075580 (a) 075581 (a) 075582 (a)	
6.	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2		
7.	078169	Anh văn cấp độ 5	3	078168 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
8.	078175	Tiếng Nhật cấp độ 5	3	078174 (a)	
9.	078181	Tiếng Đức cấp độ 5	3	078180 (a)	
HỌC KỲ 6			13		
1.	078957	Thống kê và phương pháp bố trí thí nghiệm trong thú y	2		
2.	078958	Vi sinh Thú y	2	078955 (a)	
3.	078959	Vi sinh Thú y - Thực hành	1	078955 (a), 078958 (c)	
4.	078962	Chẩn đoán lâm sàng Thú y	2		
5.	078963	Chẩn đoán lâm sàng Thú y - Thực	1	078962 (c)	

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chi	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
		hành			
6.	078170	Anh văn cấp độ 6	3	078169 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
7.	078176	Tiếng Nhật cấp độ 6	3	078175 (a)	
8.	078182	Tiếng Đức cấp độ 6	3	078181 (a)	
9.	070796	Tư duy sáng tạo	2		Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần khoa học cơ bản
10.	078515	Tư duy phản biện	2		
HỌC KỲ 7			13		
1.	078964	Phương pháp nghiên cứu khoa học trên động vật	2		
2.	078965	Miễn dịch Thú y	3		
3.	078960	Dược lý Thú y	3		
4.	078961	Dược lý Thú y - Thực hành	1	078960 (c)	
5.	078966	Chẩn đoán cận lâm sàng Thú y	2		
6.	078967	Giống và chọn giống vật nuôi	2		Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần cơ sở ngành
7.	078968	Công nghệ sinh học động vật trong Thú y	2		
HỌC KỲ 8			13		
1.	078969	Sinh lý bệnh Thú y	2		
2.	078970	Giải phẫu bệnh Thú y	2		
3.	078971	Giải phẫu bệnh Thú y - Thực hành	1	078970 (c)	
4.	078972	Ký sinh trùng Thú y	3	078955 (a)	

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chi	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
5.	078973	Ký sinh trùng Thú y - Thực hành	1	078955 (a), 078972 (c)	
6.	078974	Dịch tễ học Thú y	2	078955 (a), 078957 (a)	
7.	078975	Luật Thú y và phúc lợi động vật	2		
		HỌC KỲ 9	14		
1.	078976	Bệnh truyền nhiễm chung	3		
2.	078977	Sản khoa	2		
3.	078978	Sản khoa - Thực hành	1	078977 (c)	
4.	078979	Bệnh nội khoa 1	2		
5.	078980	Bệnh nội khoa 1 - Thực hành	1	078979 (c)	
6.	078981	Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm	2		
7.	078982	Kỹ thuật xét nghiệm phân tử	2		Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần cơ sở ngành
8.	078983	Công nghệ tế bào động vật trong Thú y	2		
		HỌC KỲ 10	13		
1.	078984	Chăn nuôi gia súc	3		
2.	078985	Hỗ trợ sinh sản vật nuôi	2		
3.	078986	Ngoại khoa 1	2		
4.	078987	Ngoại khoa 1 - Thực hành	1	078986 (c)	
5.	078988	Bệnh truyền nhiễm trên gia súc	3		
6.	078989	Bệnh truyền nhiễm trên gia cầm	2		

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
HỌC KỲ 11			13		
1.	078990	One health	2		
2.	078991	Kiểm nghiệm thú sản	2		
3.	078992	Môi trường và sức khỏe vật nuôi	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ 1 trong 3 học phần chuyên ngành chung
4.	078993	Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	2		
5.	078994	Chăn nuôi công nghệ cao	2		
		Sinh viên tự chọn 1 chuyên ngành riêng			
		Chuyên ngành Bệnh học động vật	7		
1.	078995	Chẩn đoán hình ảnh Thú y	2		
2.	078996	Ngoại khoa 2	2	078986 (a)	
3.	078997	Ngoại khoa 2 - Thực hành	1	078996 (c)	
4.	078998	Bệnh nội khoa 2	2	078979 (a)	
		Chuyên ngành Dược Thú y	7		
5.	078999	Dược liệu Thú y	2		
6.	079000	Dược lâm sàng Thú y	2		
7.	079001	Hóa dược Thú y	2	078960 (a)	
8.	079002	Hóa dược Thú y - Thực Hành	1	078960 (a) 079001 (c)	
		Chuyên ngành Thú y thủy sản	7		
9.	079003	Bệnh cá	2		
10.	079004	Bệnh cá - thực hành	1		
11.	079005	Bệnh tôm	2		
12.	079006	Chẩn đoán bệnh thủy sản	2		

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chi	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
		cung			
15.	079008	Ngoại khoa thú cưng	2		
16.	079009	Ngoại khoa thú cưng - Thực hành	1		
HỌC KỲ 12			7		
		Sinh viên tự chọn 1 chuyên ngành riêng			
		Chuyên ngành Bệnh học động vật	7		
1.	079010	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao	2	078948 (a), 078949 (a)	
2.	079011	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao - Thực hành	1	079010 (c)	
3.	079012	Độc chất học Thú y	2		
4.	079013	Ngoại khoa Thú y chuyên sâu	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ học phần chuyên ngành riêng
5.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		
6.	079015	Bệnh nội khoa 2 - Thực hành	1		
		Chuyên ngành Dược Thú y	7		
7.	079016	Công nghệ vaccine	2		
8.	079017	Công nghệ vaccine – Thực hành	1	079016 (c)	
9.	079018	Dược động học Thú y ứng dụng	2		
10.	079019	Thiết kế thuốc	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ học phần chuyên ngành riêng
11.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		
12.	079020	Chiết xuất dược liệu - Thực hành	1		
		Chuyên ngành Thú y thủy sản	7		
13.	079021	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	2		
14.	079022	Chẩn đoán bệnh thủy sản - Thực hành	1		

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
HỌC KỲ 11			13		
1.	078990	One health	2		
2.	078991	Kiểm nghiệm thú sản	2		
3.	078992	Môi trường và sức khỏe vật nuôi	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ 1 trong 3 học phần chuyên ngành chung
4.	078993	Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	2		
5.	078994	Chăn nuôi công nghệ cao	2		
Sinh viên tự chọn 1 chuyên ngành riêng					
		Chuyên ngành Bệnh học động vật	7		
1.	078995	Chẩn đoán hình ảnh Thú y	2		
2.	078996	Ngoại khoa 2	2	078986 (a)	
3.	078997	Ngoại khoa 2 - Thực hành	1	078996 (c)	
4.	078998	Bệnh nội khoa 2	2	078979 (a)	
		Chuyên ngành Dược Thú y	7		
5.	078999	Dược liệu Thú y	2		
6.	079000	Dược lâm sàng Thú y	2		
7.	079001	Hóa dược Thú y	2	078960 (a)	
8.	079002	Hóa dược Thú y - Thực Hành	1	078960 (a) 079001 (c)	
		Chuyên ngành Thú y thủy sản	7		
9.	079003	Bệnh cá	2		
10.	079004	Bệnh cá - thực hành	1		
11.	079005	Bệnh tôm	2		
12.	079006	Chẩn đoán bệnh thủy sản	2		
		Chuyên ngành Thú cưng	7		
13.	078995	Chẩn đoán hình ảnh Thú y	2		
14.	079007	Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe thú	2		

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
		cung			
15.	079008	Ngoại khoa thú cưng	2		
16.	079009	Ngoại khoa thú cưng - Thực hành	1		
HỌC KỲ 12			7		
		Sinh viên tự chọn 1 chuyên ngành riêng			
		Chuyên ngành Bệnh học động vật	7		
1.	079010	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao	2	078948 (a), 078949 (a)	
2.	079011	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao - Thực hành	1	079010 (c)	
3.	079012	Độc chất học Thú y	2		
4.	079013	Ngoại khoa Thú y chuyên sâu	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ học phần chuyên ngành riêng
5.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		
6.	079015	Bệnh nội khoa 2 - Thực hành	1		
		Chuyên ngành Dược Thú y	7		
7.	079016	Công nghệ vaccine	2		
8.	079017	Công nghệ vaccine – Thực hành	1	079016 (c)	
9.	079018	Dược động học Thú y ứng dụng	2		
10.	079019	Thiết kế thuốc	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ học phần chuyên ngành riêng
11.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		
12.	079020	Chiết xuất dược liệu - Thực hành	1		
		Chuyên ngành Thú y thủy sản	7		
13.	079021	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	2		
14.	079022	Chẩn đoán bệnh thủy sản - Thực hành	1		

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
15.	079023	Dược thủy sản	2		
16.	079024	Nuôi trồng thủy sản nước lợ và mặn	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ học phần chuyên ngành riêng
17.	079020	Chiết xuất dược liệu - Thực hành	1		
18.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		
		Chuyên ngành Thú cưng	7		
19.	079025	Tập tính học thú cưng	1		
20.	079026	Bệnh thú cưng	2		
21.	079027	Thẩm mỹ thú cưng	2		
22.	079013	Ngoại khoa Thú y chuyên sâu	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ học phần chuyên ngành riêng
23.	079028	Tập tính học thú cưng - Thực hành	1		
24.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		
Thực tập			6		
1.	079029	Thực tập trang trại heo	2		Sinh viên tự chọn 3 học phần thực tập
2.	079030	Thực tập trang trại gia cầm	2		
3.	079031	Thực tập trang trại thủy sản	2		
4.	079032	Thực tập phòng khám Thú y	2		
HỌC KỲ 13			9		
5.	079033	Thực tập trang trại	2		
1.	079034	Khóa luận tốt nghiệp	7		Sinh viên tự chọn 7 tín chỉ tốt nghiệp
2.	079035	Tiểu luận tốt nghiệp	3		
3.	079036	Thực tập chẩn đoán hình ảnh	2		
4.	079037	Thực tập kiểm nghiệm Thú y	2		
5.	079038	Thực tập dược Thú y	2		

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chi	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
6.	079039	Thực tập sản xuất thức ăn chăn nuôi	2		

Bảng 17b. Kế hoạch giảng dạy và học tập đúng hạn dự kiến

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chi	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
HỌC KỲ 1			10		
8.	078933	Nhập môn nghề nghiệp bác sỹ Thú y	2		
9.	078934	Hóa hữu cơ và phân tích	3		
10.	078520	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở	2		
11.	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8*		
12.	078165	Anh văn cấp độ 1	3		Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
13.	078171	Tiếng Nhật cấp độ 1	3		
14.	078177	Tiếng Đức cấp độ 1	3		
HỌC KỲ 2			14		
9.	078946	Sinh hóa	2		
10.	078947	Animal Genetics	2		
11.	078518	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Cơ bản	2		
12.	075580	Triết học Mác - Lê nin	3		
13.	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2	075580 (a)	
14.	078166	Anh văn cấp độ 2	3	078165 (a)	Sinh viên

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
15.	078172	Tiếng Nhật cấp độ 2	3	078171 (a)	chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
16.	078178	Tiếng Đức cấp độ 2	3	078177 (a)	
HỌC KỲ 3			13		
10.	078948	Sinh lý động vật 1	2		
11.	078950	Cơ thể động vật đại cương	2		
12.	078951	Animal cellular and molecular biology	2		
13.	078519	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Nâng cao	2		
14.	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	075580 (a), 075581 (a)	
15.	070023	Giáo dục thể chất	5*		
16.	078167	Anh văn cấp độ 3	3	078166 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
17.	078173	Tiếng Nhật cấp độ 3	3	078172 (a)	
18.	078179	Tiếng Đức cấp độ 3	3	078178 (a)	
HỌC KỲ 4			14		
10.	078949	Sinh lý động vật 2	2	078948 (a)	
11.	078952	Sinh lý động vật - Thực hành	1	078948 (a), 078949 (c)	
12.	078953	Cơ thể động vật so sánh	2	078948 (a)	
13.	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	075580 (a),	

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
				075584 (a)	
14.	078516	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2		
15.	073493	Tin học MOS 1 (Windows, Word)	2		
16.	078168	Anh văn cấp độ 4	3	078167 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
17.	078174	Tiếng Nhật cấp độ 4	3	078173 (a)	
18.	078180	Tiếng Đức cấp độ 4	3	078179 (a)	
HỌC KỲ 5			15		
10.	078954	Mô phôi	3		
11.	078955	Vi sinh vật học	2		
12.	078956	Vi sinh vật học - Thực hành	1	078955 (c)	
13.	070011	Pháp luật đại cương	2		
14.	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	075580 (a) 075581 (a) 075582 (a)	
15.	073494	Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint)	2		
16.	078169	Anh văn cấp độ 5	3	078168 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
17.	078175	Tiếng Nhật cấp độ 5	3	078174 (a)	
18.	078181	Tiếng Đức cấp độ 5	3	078180 (a)	
HỌC KỲ 6			13		
11.	078957	Thống kê và phương pháp bố trí thí nghiệm trong thú y	2		
12.	078958	Vi sinh Thú y	2	078955 (a)	
13.	078959	Vi sinh Thú y - Thực hành	1	078955 (a),	

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chi	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
				078958 (c)	
14.	078962	Chẩn đoán lâm sàng Thú y	2		
15.	078963	Chẩn đoán lâm sàng Thú y - Thực hành	1	078962 (c)	
16.	078170	Anh văn cấp độ 6	3	078169 (a)	Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần ngoại ngữ không chuyên
17.	078176	Tiếng Nhật cấp độ 6	3	078175 (a)	
18.	078182	Tiếng Đức cấp độ 6	3	078181 (a)	
19.	070796	Tư duy sáng tạo	2		Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần khoa học cơ bản
20.	078515	Tư duy phản biện	2		
HỌC KỲ 7			13		
8.	078964	Phương pháp nghiên cứu khoa học trên động vật	2		
9.	078965	Miễn dịch Thú y	3		
10.	078960	Dược lý Thú y	3		
11.	078961	Dược lý Thú y - Thực hành	1	078960 (c)	
12.	078966	Chẩn đoán cận lâm sàng Thú y	2		
13.	078967	Giống và chọn giống vật nuôi	2		Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần cơ sở ngành
14.	078968	Công nghệ sinh học động vật trong Thú y	2		
HỌC KỲ 8			13		
8.	078969	Sinh lý bệnh Thú y	2		

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chi	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
9.	078970	Giải phẫu bệnh Thú y	2		
10.	078971	Giải phẫu bệnh Thú y - Thực hành	1	078970 (c)	
11.	078972	Ký sinh trùng Thú y	3	078955 (a)	
12.	078973	Ký sinh trùng Thú y - Thực hành	1	078955 (a), 078972 (c)	
13.	078974	Dịch tễ học Thú y	2	078955 (a), 078957 (a)	
14.	078975	Luật Thú y và phúc lợi động vật	2		
		HỌC KỲ 9	14		
9.	078976	Bệnh truyền nhiễm chung	3		
10.	078977	Sản khoa	2		
11.	078978	Sản khoa - Thực hành	1	078977 (c)	
12.	078979	Bệnh nội khoa 1	2		
13.	078980	Bệnh nội khoa 1 - Thực hành	1	078979 (c)	
14.	078981	Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm	2		
15.	078982	Kỹ thuật xét nghiệm phân tử	2		Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần cơ sở ngành
16.	078983	Công nghệ tế bào động vật trong Thú y	2		
		HỌC KỲ 10	13		
7.	078984	Chăn nuôi gia súc	3		
8.	078985	Hỗ trợ sinh sản vật nuôi	2		
9.	078986	Ngoại khoa 1	2		
10.	078987	Ngoại khoa 1 - Thực hành	1	078986 (c)	
11.	078988	Bệnh truyền nhiễm trên gia súc	3		
12.	078989	Bệnh truyền nhiễm trên gia cầm	2		
		HỌC KỲ 11	13		
6.	078990	One health	2		
7.	078991	Kiểm nghiệm thú sản	2		

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
8.	078992	Môi trường và sức khỏe vật nuôi	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ 1 trong 3 học phần chuyên ngành chung
9.	078993	Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	2		
10.	078994	Chăn nuôi công nghệ cao	2		
		Sinh viên tự chọn 1 chuyên ngành riêng			
		Chuyên ngành Bệnh học động vật	7		
17.	078995	Chẩn đoán hình ảnh Thú y	2		
18.	078996	Ngoại khoa 2	2	078986 (a)	
19.	078997	Ngoại khoa 2 - Thực hành	1	078996 (c)	
20.	078998	Bệnh nội khoa 2	2	078979 (a)	
		Chuyên ngành Dược thú y	7		
21.	078999	Dược liệu Thú y	2		
22.	079000	Dược lâm sàng Thú y	2		
23.	079001	Hóa dược Thú y	2	078960 (a)	
24.	079002	Hóa dược Thú y - Thực Hành	1	078960 (a) 079001 (c)	
		Chuyên ngành Thú y thủy sản	7		
25.	079003	Bệnh cá	2		
26.	079004	Bệnh cá - thực hành	1		
27.	079005	Bệnh tôm	2		
28.	079006	Chẩn đoán bệnh thủy sản	2		
		Chuyên ngành Thú cưng	7		
29.	078995	Chẩn đoán hình ảnh Thú y	2		
30.	079007	Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe thú cưng	2		
31.	079008	Ngoại khoa thú cưng	2		
32.	079009	Ngoại khoa thú cưng - Thực hành	1		

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chi	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
HỌC KỲ 12			7		
		Sinh viên tự chọn 1 chuyên ngành riêng			
		Chuyên ngành Bệnh học động vật	7		
25.	079010	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao	2	078948 (a), 078949 (a)	
26.	079011	Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao - Thực hành	1	079010 (c)	
27.	079012	Độc chất học Thú y	2		
28.	079013	Ngoại khoa Thú y chuyên sâu	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ học phần chuyên ngành riêng
29.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		
30.	079015	Bệnh nội khoa 2 - Thực hành	1		
		Chuyên ngành Dược Thú y	7		
31.	079016	Công nghệ vaccine	2		
32.	079017	Công nghệ vaccine – Thực hành	1	079016 (c)	
33.	079018	Dược động học Thú y ứng dụng	2		
34.	079019	Thiết kế thuốc	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chỉ học phần chuyên ngành riêng
35.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		
36.	079020	Chiết xuất dược liệu - Thực hành	1		
		Chuyên ngành Thú y thủy sản	7		
37.	079021	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	2		
38.	079022	Chẩn đoán bệnh thủy sản - Thực hành	1		
39.	079023	Dược thủy sản	2		
40.	079024	Nuôi trồng thủy sản nước lợ và mặn	2		Sinh viên

ST T	Mã số	Tên học phần	Tín chi	Mã học phần học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Ghi chú
41.	079020	Chiết xuất dược liệu - Thực hành	1		tự chọn 2 tín chi học phần chuyên ngành riêng
42.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		
		Chuyên ngành Thú cưng	7		
43.	079025	Tập tính học thú cưng	1		
44.	079026	Bệnh thú cưng	2		
45.	079027	Thẩm mỹ thú cưng	2		
46.	079013	Ngoại khoa Thú y chuyên sâu	2		Sinh viên tự chọn 2 tín chi học phần chuyên ngành riêng
47.	079028	Tập tính học thú cưng - Thực hành	1		
48.	079014	Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y	1		
HỌC KỲ 13			8		
6.	079029	Thực tập trang trại heo	2		Sinh viên tự chọn 4 học phần thực tập
7.	079030	Thực tập trang trại gia cầm	2		
8.	079031	Thực tập trang trại thủy sản	2		
9.	079032	Thực tập phòng khám Thú y	2		
10.	079033	Thực tập trang trại	2		
HỌC KỲ 14			7		
7.	079034	Khóa luận tốt nghiệp	7		Sinh viên tự chọn 7 tín chi tốt nghiệp
8.	079035	Tiểu luận tốt nghiệp	3		
9.	079036	Thực tập chẩn đoán hình ảnh	2		
10.	079037	Thực tập kiểm nghiệm Thú y	2		
11.	079038	Thực tập dược Thú y	2		
12.	079039	Thực tập sản xuất thức ăn chăn nuôi	2		

Lưu ý:

- Tiến độ học tập theo phân bổ này có định hướng để sinh viên lập kế hoạch học tập. Thực tế sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học phần học tập theo nhu cầu cá nhân trên cơ sở đáp ứng các điều kiện học phần theo quy định.
- Kế hoạch học tập kéo dài hơn so với kế hoạch giảng dạy và học tập đúng hạn dự kiến được gọi là “trễ tiến độ”

2.6 Mô tả tóm tắt nội dung các học phần/môn học**2.6.1 Các học phần thuộc khối kiến thức tổng quát****1. Triết học Mác - Lê nin (3 tín chỉ)**

Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C. Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung học phần được cấu trúc thành ba phần, tương ứng với sáu bài học. Phần mở đầu khái lược về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; Phần thứ hai: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phần thứ ba: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin (2 tín chỉ)

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được xây dựng với 6 chương. Trong đó, chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và các chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; chương 2, 3, 4, trình bày các vấn đề về hàng hóa và thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; chương 5, chương 6 gồm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học được xây dựng với 7 chương. Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần

4. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên, học viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh

đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên những hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương học trình bày các kiến thức tổng quan về đối tượng, phương pháp nghiên cứu cũng như khái niệm, nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hoá, đạo đức con người.

6. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật. Qua đó, sinh viên có được những hiểu biết ban đầu về nguồn gốc, bản chất, các đặc trưng của nhà nước và pháp luật; chức năng, vai trò, hình thức và các kiểu nhà nước; khái niệm pháp luật và các hình thức pháp luật; quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý. Thông qua môn học, sinh viên được rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật trong cuộc sống.

7. Giáo dục quốc phòng - an ninh* (8* tín chỉ)

Học phần gồm 3 phần:

Phần I trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh; Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Với những kiến thức được trang bị giúp cho sinh viên nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất và tính chất của chiến tranh, nắm được các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bước đầu tìm hiểu về nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Phần II trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Phòng chống địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo

chống phá cách mạng Việt Nam; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Với những kiến thức được trang bị giúp cho sinh viên có niềm tin chiến thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Vận dụng linh hoạt những kiến thức đã học về quốc phòng, an ninh vào thực tiễn trong học tập và công tác.

Phần III trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp; Sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; Thuốc nổ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; Tù người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự; Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK(CKC); Với những kiến thức được trang bị giúp cho sinh viên có những kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

8. Giáo dục thể chất* (5* tín chỉ)

Học phần gồm 2 nội dung:

Nội dung của học phần 1- Cờ vua: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của môn học, những lý thuyết về kỹ - chiến thuật cơ bản các giai đoạn của một ván đấu. Sinh viên biết cách suy nghĩ độc lập và sáng tạo trong khi giải quyết các nhiệm vụ, các tình huống nảy sinh trong một ván cờ, nắm vững và vận dụng được các kỹ chiến thuật cơ bản vào thực tiễn từng giai đoạn ván cờ. Có kỹ năng vận dụng các kiến thức về môn học. Rèn luyện năng lực tư duy, trí nhớ và năng lực tâm lý, khả năng tập trung, tính quyết đoán, lòng tự trọng và tính kỷ luật của sinh viên.

Nội dung của học phần 2 - Taekwondo: Trang bị cho sinh viên một số điều luật thi đấu của môn Taekwondo. Hiểu được nguyên lý kỹ thuật của các đòn chân, các đòn tay, bài quyền số 1 và phương pháp thi đấu của môn Taekwondo. Thực hiện thành

thạo các thế tấn, đòn tay, đòn chân, các phương pháp thi đấu và bài quyền số 1. Với môn học mang đậm tính nghệ thuật sẽ giúp học viên yêu thích môn học, tạo hưng phấn và kích thích người tập tích cực tập luyện thường xuyên nhằm nâng cao sức khỏe và đề tự vệ.

9. Anh văn cấp độ 1 (3 tín chỉ)

Anh văn Cấp độ 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh văn không chuyên gồm 06 bài của giáo trình Personal Best A2 Book A (60 tiết) và học online với nội dung do Trung tâm ngoại ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ dưới trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

10. Anh văn cấp độ 2 (3 tín chỉ)

Anh văn Cấp độ 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh văn không chuyên gồm 06 bài của giáo trình Personal Best A2 Book B (60 tiết) và học online với nội dung do Trung tâm ngoại ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ dưới trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC. nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

11. Anh văn cấp độ 3 (3 tín chỉ)

Anh văn Cấp độ 3 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh văn không chuyên gồm 06 bài của giáo trình Personal Best B1 Book A (60 tiết) và học online với nội dung do Trung tâm ngoại ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

12. Anh văn cấp độ 4 (3 tín chỉ)

Anh văn Cấp độ 4 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh văn không chuyên gồm 06 bài của giáo trình Personal Best B1 Book B (60 tiết) và học online với nội dung do Trung tâm Ngoại ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau

mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

13. Anh văn cấp độ 5 (3 tín chỉ)

Anh văn Cấp độ 5 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh văn không chuyên gồm 06 bài của giáo trình Personal Best B1+ Book A (60 tiết) và học online với nội dung do Trung tâm ngoại ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ trên trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

14. Anh văn cấp độ 6 (3 tín chỉ)

Anh văn Cấp độ 6 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh văn không chuyên gồm 06 bài của giáo trình Personal Best B1+ Book B (60 tiết) và học online với nội dung do Trung tâm ngoại ngữ biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh ở trình độ trên trung cấp thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau mang tính tương tác cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để giao tiếp tự tin ở các tình huống giao tiếp thông thường theo định hướng TOEIC nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu nhà trường.

15. Tiếng Nhật cấp độ 1 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Nhật cấp độ 1 (TN1) nhằm cung cấp cho người mới bắt đầu tiếp xúc và học tiếng Nhật. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh từ cơ bản đến nâng cao trong phạm vi trình độ N5 (theo khung tham chiếu tiếng Nhật 5 bậc của JLPT). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin bắt đầu sử dụng được tiếng Nhật trong giao tiếp và học tập ở mức độ đơn giản.

16. Tiếng Nhật cấp độ 2 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Nhật cấp độ 2 (TN2) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Nhật cấp độ 1. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... trong phạm vi trình độ N5-N4 (theo khung tham chiếu tiếng Nhật 5 bậc của JLPT). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát

triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Nhật trong giao tiếp và học tập ở mức độ dưới trung bình.

17. Tiếng Nhật cấp độ 3 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Nhật cấp độ 3 (TN3) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Nhật cấp độ 2. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... tương đối phức tạp trong phạm vi trình độ N4 (theo khung tham chiếu tiếng Nhật 5 bậc của JLPT). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Nhật trong giao tiếp và học tập ở mức độ trung bình.

18. Tiếng Nhật cấp độ 4 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Nhật cấp độ 4 (TN4) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Nhật cấp độ 3. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... phức tạp trong phạm vi trình độ N4-N3 (theo khung tham chiếu tiếng Nhật 5 bậc của JLPT). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Nhật trong giao tiếp hàng ngày, công việc và học tập ở mức độ trên trung bình.

19. Tiếng Nhật cấp độ 5 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Nhật cấp độ 5 (TN5) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Nhật cấp độ 4. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... phức tạp trong phạm vi trình độ N3 (theo khung tham chiếu tiếng Nhật 5 bậc của JLPT). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Nhật trong giao tiếp hàng ngày, công việc và học tập ở mức độ tương đối thành thạo.

20. Tiếng Nhật cấp độ 6 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Nhật cấp độ 6 (TN6) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Nhật cấp độ 5. Người học được trang bị các nội

dụng về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... phức tạp trong phạm vi trình độ N3-N2 (theo khung tham chiếu tiếng Nhật 5 bậc của JLPT). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Nhật trong giao tiếp hàng ngày, công việc và học tập ở mức độ thành thạo.

21. Tiếng Đức Cấp độ 1 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Đức cấp độ 1 (TĐ1) nhằm cung cấp cho người mới bắt đầu tiếp xúc và học tiếng Đức. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh từ cơ bản đến nâng cao trong phạm vi trình độ A1 (theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin bắt đầu sử dụng được tiếng Đức trong giao tiếp và học tập ở mức độ đơn giản.

22. Tiếng Đức Cấp độ 2 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Đức cấp độ 2 (TĐ2) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Đức cấp độ 1. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... trong phạm vi trình độ A1-A2 (theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Đức trong giao tiếp và học tập ở mức độ dưới trung bình.

23. Tiếng Đức Cấp độ 3 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Đức cấp độ 3 (TĐ3) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Đức cấp độ 2. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... tương đối phức tạp trong phạm vi trình độ A2 (theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Đức trong giao tiếp và học tập ở mức độ trung bình.

24. Tiếng Đức Cấp độ 4 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Đức cấp độ 4 (TD4) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Đức cấp độ 3. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... phức tạp trong phạm vi trình độ A2-B1 (theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Đức trong giao tiếp hàng ngày, công việc và học tập ở mức độ trên trung bình.

25. Tiếng Đức Cấp độ 5 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Đức cấp độ 5 (TD5) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Đức cấp độ 4. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... phức tạp trong phạm vi trình độ B1 (theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Đức trong giao tiếp hàng ngày, công việc và học tập ở mức độ tương đối thành thạo.

26. Tiếng Đức Cấp độ 6 (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Tiếng Đức cấp độ 6 (TD6) nhằm tiếp tục nâng cao trình độ cho người đã hoàn thành học phần Tiếng Đức cấp độ 5. Người học được trang bị các nội dung về từ vựng, ngữ pháp trong các ngữ cảnh công việc, học tập, giao tiếp xã hội... phức tạp trong phạm vi trình độ B1-B2 (theo khung tham chiếu ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Học phần được chia thành các bài học với tính tương tác cao, tiếp tục chú trọng phát triển đồng đều 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết của người học nhằm giúp người học tự tin sử dụng được tiếng Đức trong giao tiếp hàng ngày, công việc và học tập ở mức độ thành thạo.

27. Tin học MOS 1 (Windows, Word) (2 tín chỉ)

Học phần đi vào các vấn đề liên quan đến một số khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin (tin học, công nghệ thông tin), quá trình thu nhập, xử lý, lưu trữ, truyền tải thông tin (nhập, xuất); khái niệm và thao tác với hệ điều hành; khái niệm và cách quản lý thư mục/tập tin trên máy tính; thay đổi các tùy chọn trong Control Panel, cách sử dụng Internet; soạn thảo, trình bày, định dạng, quản lý, duy trì và chia sẻ tài liệu trên Microsoft Word.

28. Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint) (2 tín chỉ)

Học phần đi vào các vấn đề liên quan đến một số khái niệm cơ bản về trang tính, sổ tính, nhập liệu, định dạng các kiểu dữ liệu, trình bày bảng tính; sử dụng công thức và hàm trong bảng tính; sắp xếp, trích lọc và tổ chức dữ liệu; chia sẻ tài liệu trên Microsoft Excel; học phần cũng đi vào các vấn đề liên quan đến xây dựng, tổ chức, sử dụng các đối tượng minh họa cũng như việc sử dụng các hiệu ứng trên Microsoft PowerPoint.

29. Tư duy phản biện (2 tín chỉ)

Là môn học trang bị cho sinh viên cách đánh giá thông tin, lập luận và tự đưa ra lập luận dựa trên các thông tin từ nguồn ý kiến đa dạng, trái chiều. Đây là kỹ năng cơ bản, giúp sinh viên xử lý các thông tin, lập luận, nghiên cứu một cách chính xác không những trong việc học tập tại trường mà còn trong đời sống công việc sau này. Trong suốt khóa học, học viên áp dụng lý thuyết giải quyết những vấn đề nhằm đưa ra những quyết định độc lập liên quan đến bản thân hoặc xã hội quan tâm nhất.

30. Tư duy sáng tạo (2 tín chỉ)

Môn học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sáng tạo và đổi mới. Đặc biệt, khơi gợi và thúc đẩy tinh thần sáng tạo thông qua các phương pháp tư duy tích cực như Sacmper, phương pháp đối tượng tiêu điểm, phương pháp phân tích hình thái, các thủ thuật (nguyên tắc) sáng tạo phổ biến trong phương pháp Triz. Kết thúc môn học, sinh viên sẽ áp dụng các kiến thức lý thuyết của môn học để giải quyết sáng tạo các bài toán đưa ra, hình thành kỹ năng giải quyết sáng tạo các vấn đề trong học tập, công việc và cuộc sống.

31. Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo (2 tín chỉ)

Học phần “Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo” của NTTU không chỉ nhấn mạnh vào phát triển tư duy sáng tạo và kỹ năng khởi nghiệp mà còn nâng cao nhận thức về tác động xã hội và phát triển bền vững. Sinh viên sẽ được tiếp cận với các khía cạnh quan trọng của khởi nghiệp, từ phát triển ý tưởng đến quản lý dự án và tiếp thị sản phẩm/dịch vụ, khuyến khích áp dụng những nguyên tắc xã hội và môi trường trong quá trình doanh nghiệp.

Nội dung học phần tập trung vào việc áp dụng tư duy sáng tạo để giải quyết không chỉ các vấn đề doanh nghiệp mà còn những thách thức xã hội và môi trường. Thông qua study case và dự án thực tế, sinh viên có cơ hội thực hành và xây dựng kỹ năng cần thiết không chỉ cho sự nghiệp mà còn để góp phần tạo ra giá trị xã hội và phát triển bền vững.

Mục tiêu của học phần là phát triển kỹ năng quản lý dự án, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, không chỉ để chuẩn bị cho sự nghiệp mà còn để hỗ trợ sinh viên trở thành những nhà lãnh đạo có tầm nhìn xã hội và cam kết với phát triển bền vững trong lĩnh vực công nghiệp sáng tạo.

32. Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Cơ bản (2 tín chỉ)

Học phần “Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số- cơ bản” nhằm trang bị và phát triển cho sinh viên những kỹ năng nền tảng cần thiết để thích ứng với các tác động của thời đại công nghệ số phát triển. Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng như: nguyên lý giao tiếp trong kỷ nguyên số; kỹ năng xây dựng hình ảnh bản thân trong kỷ nguyên số; kỹ năng học tập hiệu quả trong kỷ nguyên số; kỹ năng hợp tác trong kỷ nguyên số; kỹ năng thích ứng và hội nhập trong kỷ nguyên số; kỹ năng thuyết trình.

33. Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - Nâng cao (2 tín chỉ)

Học phần “Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số - nâng cao” nhằm trang bị và phát triển cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để thích ứng với các tác động của thời đại công nghệ số phát triển. Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng như: chiến lược quản trị cuộc đời, xây dựng hành trang tìm việc, kỹ năng quản lý cảm xúc trong giao tiếp và kỹ năng tư duy sáng tạo - những kỹ năng cốt lõi để thúc đẩy tính thích ứng hiệu quả với công việc và cuộc sống cho sinh viên trong kỷ nguyên số. Trong quá trình học, sinh viên sẽ được tìm hiểu hệ thống lý luận và thực hành các kỹ năng thông qua hệ thống các chuỗi hoạt động, tình huống và bài tập mà giảng viên cung cấp.

34. Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu tổng quan về Khung năng lực số; cung cấp cho sinh viên kỹ năng thu thập, phân tích, lưu trữ và đánh giá dữ liệu, tạo sản phẩm số, xây dựng nội dung số đặc thù trong hoạt động nghề nghiệp. Sinh viên tiếp cận toàn diện của Ủy ban châu Âu từ 2005 với nhiều nghiên cứu, tài liệu và kết quả và nắm vững quá trình chuyển đổi số ở Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trình bày cách khai thác, tổ chức và quản lý tài nguyên Giáo dục Mở trong môi trường số, đảm bảo chất lượng truyền thông, mức độ an toàn; ứng dụng tương tác qua công nghệ số, chia sẻ, tham gia, quản lý kỹ năng số, mạng xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên ứng dụng năng lực số để tổ chức và quản lý tài nguyên Giáo dục Mở và sử dụng các công cụ thiết yếu để cập nhật sự phát triển các công nghệ phù hợp cho sự phát triển của xã hội hiện nay.

2.6.2 Các học phần thuộc khối kiến cơ sở ngành

35. Nhập môn nghề nghiệp bác sỹ Thú y (2 tín chỉ)

Nhập môn nghề nghiệp bác sỹ Thú y là học phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn về những công việc, những cơ sở mà bác sỹ Thú y có thể làm việc sau khi tốt nghiệp. Trong học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về một số cơ sở liên quan đến nghề Thú y (Nhà máy thuốc Thú y, Trang trại chăn nuôi, Bệnh viện thú cưng, Khu bảo tồn động vật hoang dã, Viện chăn nuôi, Viện Thú y, Chi cục Thú y vùng, Chi cục chăn nuôi và Thú y tỉnh, Khu giết mổ tập trung,...). Bên cạnh đó, học phần cũng sẽ giới thiệu đến sinh viên các kiến thức về hồ sơ nghề nghiệp, hồ sơ năng lực của Bác sỹ Thú y và chuẩn đầu ra của ngành Thú y. Các kiến thức này giúp sinh viên hiểu hơn về nghề đã chọn, nhằm có định hướng tốt cho việc học tập và tương lai, đồng thời có một số kỹ năng cơ bản về giao tiếp, thuyết trình, làm báo cáo. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể định hướng được vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp, xác định được mục tiêu, phương pháp học tập để đạt hiệu quả cao hơn.

36. Hóa hữu cơ và phân tích (3 tín chỉ)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về hợp chất hữu cơ: danh pháp, lý tính, hóa tính, phương pháp điều chế và ứng dụng của chúng. Bên cạnh đó giúp sinh viên hiểu được cách tính toán cân bằng ion trong dung dịch như: cân bằng acid-bazo, cân bằng oxi hóa khử, cân bằng tạo phức, phương pháp phân tích thể tích, phương pháp phân tích khối lượng.

37. Sinh hóa (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản thành phần hóa học của cơ thể sống, từ đó hiểu rõ vai trò và chức năng sinh học của chúng đối với tế bào.

38. Animal cellular and molecular biology (2 tín chỉ)

Khóa học cung cấp kiến thức cơ bản về cấu trúc và chức năng của các bào quan trong tế bào, quá trình phân chia tế bào, cũng như phản ứng của tế bào đối với các tín hiệu môi trường khác nhau và một số bệnh liên quan đến hoạt động bất thường của tế bào. Ở cấp độ phân tử, khóa học giúp sinh viên trình bày những khái niệm cơ bản về sinh học phân tử và di truyền; các cơ chế phân tử về sự di truyền của prokaryote và eukaryote; và một cái nhìn tổng quan về một số kỹ thuật thao tác gen và ứng dụng chúng trong y học Thú y.

39. Animal Genetics (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Animal Genetics. Nội dung học phần bao gồm các khái niệm cơ bản về di truyền học, cấu trúc gene, biểu hiện gene, các định

luật di truyền, biến dị và di truyền. Sinh viên sẽ được học về các phương pháp nghiên cứu Animal Genetics, ứng dụng di truyền học trong việc nghiên cứu và phát triển các loài động vật, cũng như trong y học và nông nghiệp.

40. Vi sinh vật học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân loại các nhóm vi sinh vật dựa vào đặc điểm về hình thái, sinh lý, hiểu được quá trình sinh trưởng, phát triển, chuyển hóa vật chất và vai trò của vi sinh vật nhân chuẩn, vi sinh vật nhân sơ (Eukaryote and Prokaryote), virus trong đời sống.

41. Vi sinh vật học - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần thực hành Vi sinh vật học giúp sinh viên biết được các nguyên tắc an toàn khi thực hành trên đối tượng vi sinh, thực hiện được các thao tác cơ bản trong nghiên cứu vi sinh vật.

42. Phương pháp nghiên cứu khoa học trên động vật (2 tín chỉ)

Học phần khái quát hóa về nghiên cứu khoa học, thống kê cơ bản và ứng dụng trong điều tra khảo sát. Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về cấu trúc của một đề cương nghiên cứu, cấu trúc của một báo cáo khoa học, cấu trúc của một bài báo khoa học; đồng thời phân biệt sự khác nhau và giống nhau trong cấu trúc của 3 nội dung này. Sinh viên hiểu được các vấn đề của từng phần trong cấu trúc để từ đó có thể vận dụng viết đề cương và một bài báo khoa học, đồng thời có khả năng tự viết báo cáo khoa học sau này. Học phần cũng cung cấp các công cụ hỗ trợ viết như phần mềm để trích dẫn tài liệu tham khảo và lưu trữ thư viện tài liệu; các công cụ tạo mục lục tự động và định dạng chỉnh sửa bài viết, hình ảnh cùng các kỹ năng vẽ đồ thị minh họa cho báo cáo.

43. Sinh lý động vật 1 (2 tín chỉ)

Học phần sinh lý động vật 1 cung cấp kiến thức cho sinh viên về cách cơ thể động vật phản ứng với môi trường và cách cơ thể duy trì sự ổn định nội môi, các kiến thức cơ bản về tế bào thần kinh và hệ thần kinh, cơ quan tiếp nhận (receptors) và cơ quan phản ứng lại kích thích (effectors), sinh lý nội tiết, sinh lý hô hấp.

44. Sinh lý động vật 2 (2 tín chỉ)

Học phần sinh lý động vật 2 tiếp nối học phần sinh lý động vật 1 cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về quá trình điều hòa thân nhiệt ở động vật, sinh lý hệ tuần hoàn, quá trình điều hòa thẩm thấu, cơ chế bài tiết, sinh lý sinh sản.

45. Sinh lý động vật - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần sinh lý động vật – Thực hành giúp cho sinh viên có cơ hội vận dụng các thức đã học của các học phần lý thuyết sinh lý động vật 1, 2 thông qua các bài thực hành về sinh lý nội tiết, dòng điện sinh học, thần kinh cơ, thần kinh trung ương cấp cao và ứng dụng trong thành lập phản xạ có điều kiện ở chó nghiệp vụ, xác định một số chỉ tiêu sinh lý máu, xác định một số chỉ tiêu sinh lý hô hấp, tuần hoàn và các phương pháp nghiên cứu sinh lý tiêu hóa. Học phần cũng giúp cho sinh viên rèn luyện thái độ làm việc nghiêm túc, tuân thủ quy định, chủ động phối hợp làm việc nhóm.

46. Cơ thể động vật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Cơ thể động vật đại cương cung cấp cho sinh viên ngành Thú y kiến thức cơ bản về cấu trúc của cơ thể gia súc và gia cầm ở khía cạnh đại thể, thực hiện được thao tác tiêm chích, mổ khảo sát cơ thể. Khảo sát hệ thống vận động, hệ thống hô hấp, hệ thống tiêu hóa, hệ thống sinh dục và hệ tiết niệu. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu trúc của cơ thể gia súc và gia cầm ở khía cạnh đại thể, quy trình xử lý mẫu formol bảo quản trong nghiên cứu và học tập cơ thể học, mổ phơi bày và khảo sát từng phần cấu trúc của các hệ thống trên các nhóm loài động vật, nguyên tắc mổ khám khảo sát trên gia súc, gia cầm, một số nguyên tắc chung khi tiếp cận, cầm cột và cố định gia súc, gia cầm. Ngoài ra, học phần này cung cấp cho sinh viên các kỹ năng trong mổ khảo sát hệ vận động: hệ xương, hệ khớp, hệ cơ trên gia súc, gia cầm.

47. Mô phôi (3 tín chỉ)

Học phần này tập trung vào mô tả trạng thái bình thường về cấu tạo vi thể, chức năng của các tổ chức, mô bào, tế bào cơ thể động vật; tổ chức liên kết, biểu mô, tổ chức tiêu hoá, hô hấp, thần kinh, mạch quản, huyết học, tiết niệu sinh dục; Nội dung học phần là cơ sở để học viên vận dụng vào chuyên khoa trong lĩnh vực Thú y.

48. Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm (3 tín chỉ)

Môn học bao gồm Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm. Trong đó, chăn nuôi mô tả khía cạnh quan trọng của chăn nuôi động vật như gia súc, gia cầm, thủy sản và thú nhỏ. Nội dung bao gồm chọn giống, quản lý đàn và kỹ thuật nuôi. Sinh viên cũng được giới thiệu về các vấn đề hiện đại trong chăn nuôi như bền vững môi trường, đạo đức động vật và an toàn thực phẩm. Bệnh dinh dưỡng động vật mô tả yếu tố dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển và duy trì sức khỏe của động vật, bao gồm vi chất dinh dưỡng, khoáng chất, và nguồn cung cấp năng lượng. Nội dung môn học bao gồm cả phân tích và đánh giá dinh dưỡng, cũng như cách xử lý các vấn đề dinh dưỡng phổ biến như béo phì, suy dinh dưỡng, và rối loạn tiêu hóa. Sinh viên cũng được giới thiệu

với các phương pháp dinh dưỡng tiên tiến và ứng dụng trong việc cải thiện sức khỏe và hiệu suất của động vật nuôi. Học phần cung cấp kiến thức thực tế trong quá trình tạo ra các sản phẩm thức ăn chăn nuôi cũng như các chế phẩm vi sinh hỗ trợ tiêu hóa, phòng bệnh.

49. Miễn dịch Thú y (3 tín chỉ)

Môn học Miễn dịch Thú y được thiết kế để cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết toàn diện về hệ thống miễn dịch của động vật và vai trò của nó trong việc bảo vệ cơ thể động vật khỏi các bệnh truyền nhiễm và các mối đe dọa khác. Môn học thường bao gồm các chủ đề như cấu trúc và chức năng của hệ thống miễn dịch, cơ chế miễn dịch của bệnh, phản ứng miễn dịch đối với mầm bệnh, và sự phát triển của các liệu pháp miễn dịch trong chẩn đoán và điều trị bệnh trên động vật. Ngoài các khái niệm lý thuyết, môn học miễn dịch sẽ kết hợp giảng dạy giữa lý thuyết với những ứng dụng của các liệu pháp miễn dịch có trên thị trường. Đồng thời thảo luận về những hướng nghiên cứu hiện tại và xu hướng phát triển tương lai của lĩnh vực miễn dịch trong chăn nuôi Thú y.

50. Thống kê và phương pháp bố trí thí nghiệm trong thú y (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm và tham số cơ bản trong thống kê sinh học; Phương pháp thiết kế và bố trí thí nghiệm trong chăn nuôi; Phương pháp điều tra, khảo sát, chọn mẫu, xác định dung lượng mẫu, xử lý số liệu các loại thí nghiệm và đánh giá kết quả.

51. Dịch tễ học Thú y (2 tín chỉ)

Môn học tập trung vào việc nghiên cứu, kiểm soát, và phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm ở động vật. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và các nguyên tắc để xác định tỷ lệ mắc bệnh và các yếu tố nguy cơ của bệnh, đánh giá nguyên nhân gây bệnh, và phòng ngừa, kiểm soát bệnh tật trên động vật.

52. Giống và chọn giống vật nuôi (2 tín chỉ)

Học phần tập trung vào các phương pháp lựa chọn giống vật nuôi hiệu quả. Trong đó, sinh viên được học về các yếu tố quan trọng trong chọn giống bao gồm gen, dòng giống, và phẩm chất dòng. Qua khóa học sinh viên có khả năng phân tích thông tin gen đến quản lý chất lượng giống trong quá trình nuôi. Thông qua hình thức thảo luận nhóm, sinh viên phát triển kỹ năng lựa chọn giống phù hợp và nắm vững kiến thức để áp dụng trong ngành chăn nuôi.

53. Công nghệ sinh học Động vật trong Thú y (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu các ứng dụng và thành tựu của công nghệ sinh học động vật trong Thú y. Các kỹ thuật công nghệ sinh học tiên tiến ứng dụng trong Thú y bao gồm các kỹ thuật nuôi cấy và phân lập tế bào, kỹ thuật lai tạo giống và bảo vệ nguồn giống. Từ đó, sinh viên nắm bắt được khả năng ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại trong Thú y.

54. Kỹ thuật xét nghiệm phân tử (2 tín chỉ)

Môn học "Kỹ thuật xét nghiệm phân tử" được thiết kế để cung cấp cho sinh viên hiểu biết về các nguyên tắc, kỹ thuật và ứng dụng của sinh học phân tử trong chẩn đoán bệnh động vật. Nội dung học phần giới thiệu các kỹ thuật chẩn đoán phân tử khác nhau được sử dụng để phát hiện và phân tích nucleic acid, protein và các dấu hiệu phân tử khác liên quan đến tác nhân gây bệnh và bệnh di truyền ở động vật. Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các xét nghiệm trong phòng xét nghiệm lâm sàng, tổ chức nghiên cứu và phòng khám bệnh động vật.

55. Công nghệ tế bào động vật trong Thú y (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Công nghệ tế bào động vật nói chung, quá trình biến dưỡng trong nuôi cấy, các hình thức nuôi cấy và liệu pháp tế bào. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong công nghệ tế bào, nuôi cấy tế bào.

2.6.3 Các học phần thuộc khối kiến ngành/ chuyên ngành/ cốt lõi ngành

56. Vi sinh Thú y (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản và phổ quát về các nhóm vi sinh vật phổ biến trên động vật trên thế giới cũng như tại Việt Nam, cùng kiến thức chuyên sâu tập trung giới thiệu các vi sinh vật gây bệnh và các vi sinh vật có ảnh hưởng tới sức khỏe của vật chủ. Nội dung môn học bao gồm các kiến thức về cấu tạo, di truyền, đặc điểm sinh trưởng, con đường gây bệnh, biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm do vi sinh vật gây ra trên động vật. Ngoài ra, môn học còn cung cấp các kiến thức về tương tác miễn dịch của vật chủ với vi sinh vật, phương pháp chẩn đoán, chữa trị, các mô hình dịch tễ động vật và kiểm soát bệnh dịch. Thông qua các nội dung giảng dạy mang tính ứng dụng, sinh viên sẽ được trang bị năng lực nền tảng cho khả năng hiểu mối liên hệ giữa vi sinh vật và động vật trong công tác chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa và kiểm soát bệnh truyền nhiễm. Đồng thời, các cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu trên đối tượng vi sinh vật sẽ được giới thiệu để sinh viên trang bị kỹ năng học tập, nâng cao năng lực chuyên môn suốt đời sau khi hoàn thành môn học

57. Vi sinh Thú y - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực hành vi sinh vật trên đối tượng động vật, bao gồm các kỹ năng phân lập, nuôi cấy, xác định các đặc tính hóa - sinh, vi sinh của các nhóm vi sinh vật. Ngoài các kỹ năng vi sinh, sinh viên còn được thực hành các kỹ năng bổ trợ của chuyên ngành khác như huyết thanh học, sinh học phân tử, hóa sinh nhằm phục vụ việc nghiên cứu, chẩn đoán vi sinh Thú y.

58. Dược lý Thú y (3 tín chỉ)

Học phần dược lý Thú y cung cấp kiến thức về các nhóm thuốc tác động lên các hệ cơ quan trong cơ thể và các tác nhân gây bệnh lây nhiễm thường gặp ở động vật. Môn học này tập trung vào sự tác động qua lại giữa thuốc và cơ thể, với 3 nội dung dược động học, dược lực học, và tương tác thuốc trên đối tượng động vật. Người học sẽ được trang bị kiến thức về đặc điểm trị liệu của thuốc và vai trò của thuốc trong các lĩnh vực chẩn đoán, phòng ngừa, và điều trị bệnh ở vật nuôi.

59. Dược lý Thú y - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực hành dược lý trên đối tượng động vật, bao gồm các kỹ năng quan sát, tính toán, và cấp thuốc. Ngoài các kỹ năng dược lý, sinh viên còn được ôn tập và phối hợp các kỹ năng bổ trợ của chuyên ngành khác nhằm phục vụ hoạt động nghiên cứu, chẩn đoán, và điều trị cho động vật.

60. Ký sinh trùng Thú y (3 tín chỉ)

Môn học về ký sinh trùng trong Thú y nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết cho sinh viên để hiểu và xử lý các vấn đề liên quan đến ký sinh trùng trong các loài động vật nuôi. Giới thiệu về ký sinh trùng: Bao gồm cấu trúc, chu kỳ phát triển, và phân loại của các loại ký sinh trùng phổ biến gặp trong Thú y. Chẩn đoán và phân loại: Phương pháp chẩn đoán sự nhiễm ký sinh trùng và phân loại chúng dựa trên các đặc điểm sinh học và hình thái. Biện pháp kiểm soát và phòng tránh: Các biện pháp phòng tránh sự lây lan của ký sinh trùng và cách kiểm soát nhiễm trùng trong các đàn thú. Điều trị và quản lý: Phương pháp điều trị các loại ký sinh trùng, cũng như quản lý bệnh trong các động vật bị nhiễm.

61. Ký sinh trùng Thú y - Thực hành (1 tín chỉ)

Môn học thực hành về ký sinh trùng trong Thú y nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết cho sinh viên để hiểu và xử lý các vấn đề liên quan đến ký sinh trùng trong các loài động vật nuôi. Sau môn học, sinh viên có thể nhận dạng được một số loài giun sán, sán lá, sán dây ký sinh phổ biến trên động vật.

62. Sinh lý bệnh Thú y (2 tín chỉ)

Môn sinh lý bệnh Thú y là một môn học cơ sở cung cấp các kiến thức cơ bản ban đầu về lĩnh vực Thú y. Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên các thông tin như khái niệm về bệnh, nguyên nhân gây bệnh, cơ chế bệnh sinh, một số rối loạn bệnh lý cơ quan như rối loạn tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa; hiện tượng rối loạn điều hòa thân nhiệt, hiện tượng viêm... Các kiến thức này sẽ được sinh viên vận dụng để tiếp tục học các môn học chuyên ngành.

63. Giải phẫu bệnh Thú y (2 tín chỉ)

Giải phẫu bệnh là học phần nghiên cứu những biến đổi về hình thái cấu trúc ở một cơ quan hay cơ thể bệnh trên hai mặt đại thể và vi thể (hình dáng, kích thước, màu sắc,...). Học phần không chỉ dừng lại ở việc quan sát mô tả đơn thuần mà còn dựa trên các dữ kiện đã thu được đó để tìm ra nguyên nhân gây bệnh. Bên cạnh đó, học phần Giải phẫu bệnh Thú y cần sẽ giúp sinh viên có những kiến thức trong tổng hợp, phân tích và chẩn đoán bệnh một cách chính xác.

64. Giải phẫu bệnh Thú y - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng trong nhận dạng các bệnh tích vi thể của tế bào, mô bào từ bệnh phẩm của vật bệnh.

65. Cơ thể động vật so sánh (2 tín chỉ)

Học phần Cơ thể học động vật so sánh trang bị cho sinh viên kiến thức về sự tương đồng và khác biệt trong cấu trúc và chức năng của các hệ cơ quan chính trên các nhóm động vật có xương sống và không xương sống. Sinh viên sẽ được giới thiệu về sự đa dạng và thích nghi của hệ xương, cơ, da, tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, sinh sản và thần kinh trên các nhóm động vật khác nhau. Môn học cũng đề cập đến ý nghĩa lâm sàng của các biến thể giải phẫu trong chẩn đoán và điều trị bệnh ở động vật, cung cấp nền tảng vững chắc cho sinh viên trong thực hành thú y.

Học phần Cơ thể học động vật so sánh – Thực hành giúp sinh viên làm quen với các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu thực tế về cơ thể học của các loài động vật khác nhau. Sinh viên sẽ được thực hành quan sát, phân tích và so sánh cấu trúc giải phẫu của các hệ cơ quan chính trên mô hình và mẫu vật sống. Các bài thực hành cũng tập trung vào việc rèn luyện kỹ năng nhận diện và mô tả các biến thể giải phẫu, đồng thời ứng dụng kiến thức cơ thể học vào việc chẩn đoán, điều trị bệnh và chăm sóc sức khỏe động vật. Thông qua các bài thực hành, sinh viên sẽ phát triển tư duy phản biện, kỹ năng quan sát và thao tác, cũng như khả năng làm việc nhóm trong môi trường thực tế.

66. Bệnh nội khoa 1 (2 tín chỉ)

Học phần đề cập tới khái niệm về bệnh, khái niệm môn học-nhiệm vụ của môn học, sự khác nhau giữa bệnh nội khoa và bệnh truyền nhiễm. Đại cương về điều trị học, các phương pháp điều trị bổ sung (truyền dịch và truyền máu). Học phần nêu rõ phương pháp điều trị bệnh bằng kích thích phi đặc hiệu, dùng thuốc chữa bệnh cho vật nuôi. Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về đại cương học bệnh nội khoa đồng thời người học biết được cơ chế sinh bệnh, cách chẩn đoán và điều trị bệnh một số bệnh cho gia súc.

67. Bệnh nội khoa 1 - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần này giúp sinh viên thực hiện các thao tác, kỹ năng trong điều trị bệnh cho vật nuôi như các kỹ thuật cấp thuốc, thực hiện các liệu pháp trong điều trị bệnh cho vật nuôi.

68. Sản khoa (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên những kiến thức về: Hiện tượng có thai, những yếu tố ảnh hưởng đến cơ thể gia súc có thai, thời gian mang thai, quá trình hình thành phát triển của bào thai qua các giai đoạn, những biến đổi sinh lý của cơ thể gia súc khi có thai, trên cơ sở đó thực hiện các phương pháp chẩn đoán gia súc có thai. Những biểu hiện của gia súc trong thời gian gần đẻ, các yếu tố thúc đẩy quá trình sinh đẻ và phương pháp đỡ đẻ cho gia súc. Đồng thời, học phần này cũng sẽ trang bị về những bệnh trong thời gian đẻ, bệnh ở gia súc sau đẻ, bệnh ở tuyến vú, hiện tượng đẻ khó, các bước kiểm tra, can thiệp đẻ khó và phương pháp can thiệp trong các trường hợp đẻ khó.

69. Sản khoa - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần hướng dẫn sinh viên các kỹ thuật trong chăm sóc, đỡ đẻ và quản lý sinh sản cho gia súc. Học phần cũng hỗ trợ sinh viên trong thực hiện việc điều trị ngoại khoa trên vật nuôi như can thiệp các trường hợp đẻ khó, chẩn đoán và trị bệnh trên gia súc sau đẻ.

70. Ngoại khoa 1 (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp cố định động vật, đề phòng nhiễm trùng ngoại khoa, gây tê, gây mê, đề phòng mất máu nhiều khi phẫu thuật, kết nối mô bào, băng bó và một số phẫu thuật thường gặp ở vùng đầu, chi, đuôi, bụng và niệu sinh dục của động vật. Ngoài ra, học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các dạng chấn thương và những bệnh lý phải điều trị bằng liệu pháp ngoại khoa.

71. Ngoại khoa 1 - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên thực hiện phẫu thuật ngoại khoa tương ứng, từ đó rèn luyện tâm lý vững vàng khi thực hiện một phẫu thuật cho động vật. Học phần này sẽ hỗ trợ sinh viên trong thực hiện việc điều trị ngoại khoa trên vật nuôi như chẩn đoán và trị bệnh trên gia súc.

72. Chăn nuôi gia súc (3 tín chỉ)

Môn học được chia thành nhiều phần. Trong đó, phần 1 giới thiệu cho sinh viên biết được tình hình chăn nuôi gia súc trên thế giới và Việt Nam. Sau đó, học phần mô tả sơ lược đến sinh viên các giống gia súc được chăn nuôi tại Việt Nam và một số giống nổi bật trên thế giới. Phần 3, sinh viên được học về nhu cầu dinh dưỡng của các loài khác nhau, cách thiết kế chuồng trại, công tác vận hành và chăm sóc sức khỏe gia súc.

73. Bệnh truyền nhiễm chung (3 tín chỉ)

Học phần Bệnh truyền nhiễm chung là học phần cung cấp những kiến thức về các bệnh chung xảy ra trên nhiều loài vật nuôi và xảy ra cả trên người. Học phần sẽ làm rõ về nguyên nhân, dịch tễ, phương thức truyền lây, các phương pháp chẩn đoán, phòng và trị bệnh trên cả vật nuôi và người, đặc biệt trên chó, mèo. Các bệnh gây nên bởi virus, vi khuẩn, vi nấm. Môn học có liên quan các môn học khác như sinh học phân tử, vi sinh Thú y, dịch tễ và y học dự phòng Thú y, dược lý Thú y, miễn dịch, chẩn đoán lâm sàng Thú y; chẩn đoán cận lâm sàng Thú y. Môn học giúp cho sinh viên có kiến thức để đi thực tập phòng khám, thực hiện tiểu luận hay khóa luận tốt nghiệp liên quan bệnh truyền nhiễm chó, mèo.

74. Bệnh truyền nhiễm trên gia súc (3 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên hiểu biết được nguyên nhân, đặc điểm dịch tễ, cách chẩn đoán, biện pháp phòng trị các bệnh truyền nhiễm trên gia súc nhai lại và trên heo. Các bệnh gây nên bởi virus, vi khuẩn, vi nấm. Môn học có liên quan các môn học khác như sinh học phân tử, vi sinh Thú y, dịch tễ và y học dự phòng Thú y, dược lý Thú y, miễn dịch, chẩn đoán lâm sàng Thú y; chẩn đoán cận lâm sàng Thú y. Giúp cho sinh viên có kiến thức để đi thực tập trang trại, thực hiện tiểu luận hay khóa luận tốt nghiệp liên quan bệnh truyền nhiễm gia súc.

75. Bệnh truyền nhiễm trên gia cầm (2 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên hiểu biết được nguyên nhân, đặc điểm dịch tễ, cách chẩn đoán, biện pháp phòng trị các bệnh truyền nhiễm trên gia cầm. Các bệnh gây nên bởi

virus, vi khuẩn, vi nấm. Môn học có liên quan các môn học khác như sinh học phân tử, vi sinh Thú y, dịch tễ và y học dự phòng Thú y, dược lý Thú y, miễn dịch, chẩn đoán lâm sàng Thú y; chẩn đoán cận lâm sàng Thú y. Giúp cho sinh viên có kiến thức để đi thực tập trang trại, thực hiện tiểu luận hay khóa luận tốt nghiệp liên quan bệnh truyền nhiễm gia cầm.

76. Kiểm nghiệm thú sản (2 tín chỉ)

Môn học mô tả các phương pháp công nghệ sinh học và ứng dụng của chúng trong lĩnh vực kiểm nghiệm thú sản. Sinh viên học về các kỹ thuật CNSH tiên tiến bao gồm PCR, western blotting, ELISA và sequencing DNA để phát hiện và xác định các loại vi khuẩn, virus và chất gây bệnh khác trong sản phẩm Thú y. Ngoài ra sinh viên còn được học về các quy trình kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm.

77. Luật Thú y và phúc lợi động vật (2 tín chỉ)

Khóa học tập trung vào việc nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực Thú y và bảo vệ phúc lợi động vật. Trong khóa học này, sinh viên sẽ được giới thiệu về các nguyên tắc cơ bản của luật Thú y, bao gồm cả quản lý, điều chỉnh và bảo vệ sức khỏe của động vật tại Việt Nam và quốc tế. Đồng thời môn học cũng nhấn mạnh vào việc hiểu biết về các vấn đề liên quan đến phúc lợi động vật, bao gồm cách thức nuôi trồng và chăm sóc động vật một cách đúng đắn và nhân văn. Sinh viên sẽ tìm hiểu về các quy định và luật pháp về đối xử với động vật, cũng như những cam kết quốc tế về bảo vệ và chăm sóc động vật nuôi và động vật hoang dã.

78. Chẩn đoán cận lâm sàng Thú y (2 tín chỉ)

Học phần chẩn đoán cận lâm sàng thú y giúp sinh viên hiểu về các phương pháp chẩn đoán bệnh lý ở động vật, từ việc lấy mẫu, xác định triệu chứng, đến sử dụng các phương pháp xét nghiệm và hình ảnh để đưa ra kết luận chẩn đoán. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách phân tích dữ liệu và thông tin từ các kết quả xét nghiệm để đưa ra phác đồ điều trị phù hợp cho động vật bị bệnh. Ngoài ra, học phần cũng giúp sinh viên hiểu về các nguyên tắc cơ bản của chẩn đoán cận lâm sàng và áp dụng chúng vào thực tế trong công việc thú y.

Thực hành giúp sinh viên hiểu về các nguyên tắc cơ bản của chẩn đoán cận lâm sàng và áp dụng chúng vào thực tế trong công việc thú y. Sinh viên được thực hành phương pháp cố định gia súc, sinh thiết, lấy máu xét nghiệm các kỹ thuật chẩn đoán cận lâm sàng: phương pháp siêu âm, phương pháp PCR, phương pháp chụp X-quang,...

79. Chẩn đoán lâm sàng Thú y (2 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên về các khái niệm, phân loại triệu chứng, bệnh tích trên cơ thể vật bệnh. Đồng thời, học phần này cũng cung cấp các phương pháp khám bệnh để phục vụ cho việc thu thập, nhận xét, đánh giá triệu chứng đi đến kết luận chẩn đoán bệnh, định tiên lượng làm cơ sở cho việc đề ra biện pháp điều trị và phòng bệnh hiệu quả.

80. Chẩn đoán lâm sàng Thú y - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần này sẽ giúp sinh viên thực hiện các thao tác khám bệnh, mổ khám bệnh tích trên cơ thể vật bệnh, từ đó sẽ thành thạo các kỹ năng trong việc khám, thu thập triệu chứng bệnh tích trên các cơ quan, hệ thống cơ quan của cơ thể bệnh

81. Hỗ trợ sinh sản vật nuôi (2 tín chỉ)

Sinh sản vật nuôi là quá trình quan trọng trong việc duy trì và phát triển ngành chăn nuôi. Môn học này giúp sinh viên hiểu rõ về quá trình sinh sản của các loài vật nuôi, cách thức phối giống, quản lý sinh sản và chăm sóc con non. Sinh viên sẽ học được các vấn đề liên quan đến sức khỏe sinh sản và cách giải quyết các vấn đề phức tạp trong quá trình sinh sản và nuôi dưỡng vật nuôi và các công nghệ - kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vật nuôi. Môn học này cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể áp dụng vào thực tế nuôi trồng để tối ưu hóa hiệu suất sản xuất và chất lượng sản phẩm.

82. One health (2 tín chỉ)

Khóa học tích hợp góc nhìn về sức khỏe con người, động vật, và môi trường để chung tay giải quyết những thách thức về sức khỏe toàn cầu. Sinh viên được học sinh thái bệnh, các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người, và các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe. Sinh viên được thảo luận các chính sách y tế cộng đồng, nghiên cứu đa ngành, và những vấn đề liên quan đạo đức. Các trường hợp nghiên cứu và trải nghiệm thực tế tăng cường hiểu biết về các nguyên tắc One Health trong thực tế. Đặc biệt, tập trung vào các phương pháp cộng tác, chuẩn bị để đối mặt với các bệnh truyền nhiễm mới nổi, đe dọa môi trường, và thúc đẩy công bằng sức khỏe. Qua khóa học này, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng cần thiết để đóng góp vào việc cải thiện sức khỏe của cả cộng đồng và hệ sinh thái một cách toàn diện và kết nối.

83. Môi trường và sức khỏe vật nuôi (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ứng dụng Công nghệ Sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi; các công cụ, mô hình, phương pháp và hệ thống

xử lý chất thải. Thảo luận các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xử lý chất thải, vai trò của vi sinh vật, thực vật... trong xử lý chất thải.

84. Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên hiểu biết về đặc điểm, cấu tạo, tính chất vật lý, những biến đổi sinh lý, sinh hóa của nông sản. Nắm được các phương pháp bảo quản nhằm duy trì chất lượng và kéo dài thời gian bảo quản nông sản, đồng thời nắm được các kỹ thuật chế biến trên từng dạng nông sản sau thu hoạch. Bên cạnh đó, giúp sinh viên hiểu rõ các khái niệm về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và các thống quản lý, kiểm tra chất lượng thực phẩm. Đồng thời, sinh viên cũng được cung cấp thêm kiến thức về sản xuất sạch hơn và ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông sản sạch hơn nhằm đảm bảo an toàn cho người sản xuất, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu của nhà phân phối và bảo vệ được môi trường.

85. Chăn nuôi công nghệ cao (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về chăn nuôi, các mô hình, hệ thống chăn nuôi công nghệ cao như mô hình cơ giới hóa quá trình chăn nuôi, công nghệ tự động hóa: cho ăn, tắm mát, vệ sinh chuồng trại... những công nghệ hiện đại, tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi.

86. Chẩn đoán hình ảnh Thú y (2 tín chỉ)

Học phần mô tả các phương pháp chẩn đoán hình ảnh từ khái niệm, quy tắc tạo ảnh và ứng dụng của chúng trong chẩn đoán bệnh trong Thú y. Các phương pháp chẩn đoán hình ảnh được giới thiệu trong chương trình bao gồm chẩn đoán cộng hưởng từ hạt nhân, siêu âm, chụp X-quang, chụp CT cắt lớp và nội soi. Từ đó, giúp sinh viên nhận biết được các loại hình ảnh, và ứng dụng của chúng trong chẩn đoán bệnh.

87. Ngoại khoa 2 (2 tín chỉ)

Tiếp tục học phần ngoại khoa 1. Học phần này tập trung vào các bệnh ngoại khoa phải thực hiện phẫu thuật lớn, phức tạp.

88. Ngoại khoa 2 - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần cung cấp các kỹ thuật liên quan đến các bệnh ngoại khoa phải thực hiện phẫu thuật lớn, phức tạp.

89. Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức về những tổn thương của các cơ quan, hệ thống cơ quan như hệ thống tuần hoàn, hệ thống tiêu hóa, hệ thống hô hấp,... những tổn thương trong các bệnh lý do vi khuẩn, virus gây ra. Đồng thời sinh viên sẽ được trang bị các sinh lý bệnh trong quá trình điều hòa các phản ứng trong cơ thể bệnh,...

90. Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học Thú y nâng cao - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần này sẽ cho sinh viên trực tiếp thực hiện việc nhận biết những bệnh lý ở cấp độ vi thể của các cơ quan, hệ thống cơ quan.

91. Độc chất học Thú y (2 tín chỉ)

Trong môn học “Độc chất học Thú y”, sinh viên sẽ được hướng dẫn về nguyên tắc cơ bản của độc chất học, tìm hiểu các loại chất độc thường gặp trong môi trường sống của động vật như hóa chất, thuốc trừ sâu, kim loại nặng và các độc tố từ thực phẩm. Sinh viên cũng được đào tạo về cách thức kiểm tra và đo lường nồng độ chất độc trong cơ thể động vật, cũng như các phương pháp điều trị và phòng ngừa. Đồng thời giới thiệu sơ lược các nghiên cứu khoa học về độc chất học Thú y.

92. Bệnh nội khoa 2 (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp kiến thức về các bệnh xảy ra ở các cơ quan trong cơ thể: ở hệ tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ thần kinh, hệ bài tiết. Học phần hướng dẫn cho người học biết đặc điểm của bệnh, nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, cách chẩn đoán và điều trị bệnh.

93. Ngoại khoa Thú y chuyên sâu (2 tín chỉ)

Học phần nhằm cung cấp kiến thức và mở rộng kỹ năng phẫu thuật trên nhiều cơ quan tổ chức cho vật nuôi, đồng thời cung cấp cho người học kiến thức là cơ sở lý luận phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị các bệnh ngoại khoa cho vật nuôi. Học phần mở rộng kiến thức phẫu thuật vùng đầu, chi, đuôi, bụng và niệu sinh dục của động vật. Học phần cung cấp cho người học kiến thức là cơ sở lý luận cho việc chẩn đoán và điều trị chấn thương; nhiễm trùng ngoại khoa; tổn thương cơ giới; hoại tử, hoại thư,... Học phần này hướng dẫn sinh viên các phương pháp xử lý các trường hợp phẫu thuật ngoại khoa như mổ lấy thai, nhãn khoa, các can thiệp chuyên sâu trong cố định xương gãy, các kỹ thuật khoan, nẹp xương.

94. Chuyên đề nghiên cứu bệnh học Thú y (1 tín chỉ)

Học phần này giúp sinh viên phát triển kỹ năng trong nghiên cứu bằng việc vận dụng, tổng hợp các kiến thức liên quan một cách khoa học thông qua thực hiện và

trình bày một chuyên đề nghiên cứu nhằm giải quyết một vấn đề bệnh lý trong lĩnh vực Thú y.

95. Bệnh nội khoa 2 - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần hướng dẫn cho sinh viên thực hiện các kỹ thuật trong xử lý các tình huống bệnh nội khoa trên các hệ thống cơ quan của vật nuôi.

96. Dược liệu Thú y (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản thu hái, sơ chế, bảo quản dược liệu và các nhóm hợp chất tự nhiên trong dược liệu nhằm ứng dụng sản xuất dược liệu Thú y.

97. Dược lâm sàng Thú y (2 tín chỉ)

Học phần này tập trung vào việc tối ưu sử dụng thuốc theo các nguyên tắc của y học chứng cứ. Người học sẽ được cung cấp các kiến thức và kỹ năng về lựa chọn, sử dụng và quản lý thuốc trong lâm sàng thú y. Các nội dung chính của học phần bao gồm các phản ứng có hại, thông tin thuốc thú y, kiểm soát tình trạng kháng kháng sinh, tương tác thuốc, tối ưu chế độ điều trị theo dược động học, và các nguyên tắc xây dựng và thực hiện phác đồ phòng và trị bệnh cho vật nuôi.

98. Hóa dược Thú y (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp các kiến thức về cấu trúc hóa học của các loại dược phẩm. Sinh viên sẽ học về cấu trúc và tính chất của các hợp chất hóa học được sử dụng trong sản xuất thuốc, cũng như quá trình tổng hợp và phân tích chất lượng thuốc.

99. Hóa dược Thú y - Thực hành (1 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên tham gia vào việc thiết kế và phát triển các dạng liều lượng thuốc đến quy trình kiểm tra chất lượng và an toàn của chúng. Sinh viên cũng có cơ hội tham gia vào các dự án nghiên cứu để áp dụng kiến thức vào thực tế và phát triển kỹ năng cần thiết cho sự nghiệp trong ngành dược phẩm.

100. Dược động học Thú y ứng dụng (2 tín chỉ)

Môn học tập trung vào áp dụng các nguyên tắc dược động học lâm sàng vào điều trị bệnh cho vật nuôi. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức nâng cao về quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hoá, và thải trừ, từ đó hướng tới việc tối ưu chế độ dùng thuốc cho các nhóm vật nuôi khác nhau.

101. Công nghệ vaccine (2 tín chỉ)

Virus học là một ngành khoa học nghiên cứu vi-rút, thực thể kí sinh với vật chất di truyền là DNA hoặc RNA được bọc trong vỏ là protein và các tác nhân giống như vi-rút. Học phần giúp hiểu rõ hơn về cấu trúc, phân loại và tiến hóa của chúng, cách lây nhiễm và khai thác các tế bào chủ để sinh sản, sự tương tác của chúng với sinh lý của vật chủ và miễn dịch, các bệnh gây ra, các kỹ thuật phân lập và nuôi cấy chúng. Sự kết hợp những kiến thức trên với kỹ thuật tiên tiến điều chế vắc-xin để tạo ra sản phẩm vắc-xin cho phòng ngừa bệnh cho động vật.

102. Công nghệ vaccine - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức và thực hành kỹ năng thực tế về quy trình phân lập virus, thiết kế, sản xuất và thử nghiệm các loại vaccine thế hệ mới.

103. Thiết kế thuốc (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến thiết kế các phân tử tiềm năng cho việc phát triển thuốc thông qua mô phỏng máy tính, sử dụng các công cụ phần mềm, chương trình phổ biến. Sinh viên nhận biết được ý nghĩa của sự hỗ trợ công cụ tin sinh trong quá trình phát triển thuốc.

104. Chiết xuất dược liệu - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kỹ năng về thực hiện được một số phản ứng định tính sơ bộ những dược liệu thông dụng, một số quy trình chiết xuất dược liệu, sản xuất thuốc từ dược liệu.

105. Chẩn đoán bệnh thủy sản (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về phương pháp chẩn đoán bệnh động vật thủy sản. Nội dung của học phần bao gồm phân đoán bệnh thông qua quan sát lâm sàng kết hợp với các phân tích để đưa ra kết luận; điều tra hiện trường và tìm hiểu những tác động, mối nguy của các yếu tố môi trường; kết hợp nhiều phương pháp khác nhau để đảm bảo độ chính xác cao của kết quả chẩn đoán bệnh. Sinh viên học môn này sẽ được tìm hiểu về các phương pháp chẩn đoán bệnh trên đối tượng thủy sản từ truyền thống đến hiện đại.

106. Bệnh cá (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu các bệnh lý ảnh hưởng đến cá trong ngành nuôi cá và thủy sản. Nội dung của môn bao gồm các khái niệm cơ bản về bệnh học, bao gồm nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng tránh và điều trị các bệnh lý phổ biến ở cá. Sinh viên học môn này sẽ được tìm hiểu về các loại vi khuẩn, vi rút, nấm và các yếu tố môi trường gây ra

bệnh cho cá, cũng như các phương pháp chẩn đoán và điều trị hiện đại để kiểm soát và ngăn chặn sự lây lan của các bệnh này trong các khu vực nuôi cá.

107. Bệnh cá - Thực hành (1 tín chỉ)

Môn Bệnh cá thực hành trung vào áp dụng kiến thức về bệnh học cá vào thực tế, giúp sinh viên phát triển kỹ năng cần thiết để chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cá trong ngành thủy sản. (1) Điều tra, chẩn đoán và đánh giá tình trạng sức khỏe của cá: Sinh viên học cách nhận biết các triệu chứng bệnh lý ở cá, thực hiện các kỹ thuật kiểm tra sức khỏe và lấy mẫu để phân tích. (2) Phòng chống bệnh: Bao gồm các phương pháp phòng tránh và kiểm soát sự lây lan của các bệnh lý trong các hệ thống nuôi cá, bao gồm các biện pháp vệ sinh và quản lý môi trường. (3) Điều trị: Sinh viên học cách áp dụng các phương pháp điều trị như sử dụng thuốc trị bệnh, liệu pháp nhiệt đới, và các biện pháp hỗ trợ khác để chữa trị các bệnh lý ở cá. (4) Quản lý sức khỏe và nuôi trồng cá: Sinh viên được hướng dẫn về cách quản lý chất lượng nước, dinh dưỡng và môi trường nuôi trồng để giảm thiểu nguy cơ mắc bệnh cho cá.

108. Nuôi trồng thủy sản nước ngọt (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu cho người học kiến thức về các giải pháp, kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm, nhằm thúc đẩy phát triển nuôi trồng các đối tượng thủy sản nước ngọt chủ lực của nước ta theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, sinh viên được trang bị thêm kiến thức liên quan đến các ứng dụng công nghệ tiên tiến (công nghệ sinh học, công nghệ gen, ...) trong việc chọn tạo con giống nâng cao năng suất, hiệu quả các mô hình nuôi; quản lý môi trường và dịch bệnh cho các đối tượng thủy sản.

109. Chẩn đoán bệnh thủy sản - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần Chẩn đoán bệnh thủy sản- Thực hành giúp sinh viên nhận biết được dấu bệnh bên ngoài và bên trong cơ thể động vật thủy sản. Phân lập được tác nhân gây bệnh bằng kỹ thuật vi sinh và sinh học phân tử. Phân tích được kết quả thu được và đưa ra phương pháp điều trị và phòng bệnh hiệu quả.

110. Dược thủy sản (2 tín chỉ)

Môn Dược thủy sản cung cấp kiến thức cơ bản để sinh viên có thể hiểu và áp dụng các phương pháp dược lý vào việc quản lý và bảo vệ sức khỏe của thủy sản một cách hiệu quả. Sinh viên được học về cấu trúc, chức năng sinh học của các loài thủy sản để hiểu rõ hơn về cơ sở bệnh lý và phản ứng dược lý của chúng. Sinh viên tìm hiểu về các loại thuốc và hợp chất dược phẩm được sử dụng để điều trị và phòng ngừa bệnh lý ở

cá và các loài thủy sản khác. Sinh viên học về cách áp dụng đúng liều lượng, phương pháp sử dụng và quản lý dược phẩm trong quá trình nuôi thủy sản. Sinh viên được hướng dẫn về các tiêu chuẩn kiểm định và quản lý chất lượng của các sản phẩm được phẩm sử dụng trong thủy sản, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng và môi trường.

111. Bệnh tôm (2 tín chỉ)

Môn học tập trung mô tả các bệnh phổ biến trên tôm, phương pháp chẩn đoán và điều trị. Đồng thời giới thiệu công nghệ nuôi tôm thế hệ mới và bền vững nhằm kiểm soát bệnh trong hệ thống nuôi. Đồng thời, sinh viên được học về các biện pháp phòng tránh sự lây lan, quản lý bệnh, và nâng cao năng suất nuôi. Các thực hành và nghiên cứu thực tế thú vị giúp áp dụng kiến thức vào thực tế.

112. Nuôi trồng thủy sản nước lợ và mặn (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu cho người học kiến thức về các giải pháp, kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm, nhằm thúc đẩy phát triển nuôi trồng các đối tượng thủy sản nước lợ và mặn chủ lực của nước ta theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, sinh viên được trang bị thêm kiến thức liên quan đến các ứng dụng công nghệ tiên tiến (công nghệ sinh học, công nghệ gen, ...) trong việc chọn tạo con giống nâng cao năng suất, hiệu quả các mô hình nuôi; quản lý môi trường và dịch bệnh cho các đối tượng thủy sản.

113. Tập tính học thú cưng (1 tín chỉ)

Học phần tập tính học thú cưng sẽ giới thiệu tình hình nuôi, phát triển về thú cưng Việt Nam và thế giới. Sinh viên sẽ học tập về tập tính từng loài về: tập tính giống loài; tập tính quan hệ tác động giữ môi trường và thú cưng; tập tính sinh trưởng phát triển; tập tính phát triển các giác quan; tính thống trị xã hội (bầy đàn); tập tính sinh sản; đặc tính sinh lý đặc trưng từng loài. Từ những tập tính trên BSTY sẽ ứng dụng phát triển nghề về tư vấn, hướng dẫn chủ nuôi hoặc phục vụ công tác chăm sóc nuôi dưỡng thú cưng hiệu quả. Khắc phục các tính bất thường của thú cưng khi nuôi, huấn luyện. Thực hành thân thiện với thú cưng, kỹ thuật tham vấn, chăm sóc sức khỏe dự phòng, quản lý sinh sản và chăn nuôi tốt.

114. Bệnh thú cưng (2 tín chỉ)

Học phần này sẽ giúp sinh viên nhận biết về nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng điển hình (nhận biết), phương pháp chẩn đoán, biện pháp phòng và trị. Tập trung các bệnh truyền lây trên chó, mèo, chuột, thỏ. Thêm các bệnh nguy cơ truyền lây của người chăm sóc thú cưng để tránh ảnh hưởng sức khỏe con người và động vật. Các

bệnh hệ thống: bệnh hô hấp, bệnh hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, dinh dưỡng, lông da, ... Các bệnh này cũng đưa ra hướng chẩn đoán phân biệt, phác đồ điều trị thích hợp cho từng đối tượng. Thuốc sử dụng tại phòng khám, bệnh viện chuyên cho thú cưng.

115. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe thú cưng (2 tín chỉ)

Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe thú cưng sẽ giúp sinh viên hiểu và vận dụng được về cấu tạo, chức năng các hệ theo đặc điểm sinh lý từng nhóm động vật (chó, mèo). Cấu tạo chức năng của răng và sự phát triển của răng, đánh giá tuổi chó mèo qua răng. Nhu cầu dinh dưỡng thiết yếu cho chó mèo. Những kiến thức cần thiết, hạn chế khi chăm sóc nuôi dưỡng. Chăm sóc dinh dưỡng cho từng lứa tuổi. Vệ sinh thú cưng về cơ thể, nơi ở, môi trường sống. Quy trình phòng bệnh thú cưng. Vắc xin phòng bệnh thú cưng. Sau khi học, biết tư vấn dinh dưỡng cho chó mèo, chọn thức ăn phù hợp cho từng đối tượng, biết tổng hợp khẩu phần thức ăn và công thức sản xuất thức ăn cho thú cưng.

116. Thẩm mỹ thú cưng (2 tín chỉ)

Thẩm mỹ thú cưng là học phần hướng dẫn cho sinh viên về: Tiềm năng nghề nghiệp Grooming ở Việt Nam; Hướng dẫn quy Trình Grooming chuyên nghiệp; Vệ sinh cơ bản, cắt móng, chải lông, tắm sấy khô, đánh tơi lông, cắt tỉa theo yêu cầu. Giới thiệu các dụng cụ cần thiết cho grooming, cách cầm kéo, sử dụng các loại kéo, hướng dẫn cắt phần mình, 2 chân sau, đuôi và hoàn thành cắt lông trên 1 giống chó.

117. Ngoại khoa thú cưng (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các nội dung về cơ chế lành vết thương, vô trùng dụng cụ và phẫu thuật, chuẩn bị dụng cụ cho ca phẫu thuật, tiến trình chuẩn bị cho ca phẫu thuật, vệ sinh sau phẫu thuật, thuốc sử dụng trong phẫu thuật, hồi sức và các trường hợp cấp cứu nguy kịch, kim và chỉ may, các đường may cơ bản trong phẫu thuật.

118. Ngoại khoa thú cưng - Thực hành (1 tín chỉ)

Thực hành trên mô hình và thực hành trên động vật về: gây mê, gây tê, đặt các thiết bị hỗ trợ trước khi phẫu thuật, chọn dụng cụ, phương pháp vô trùng, khử trùng, thực hành may, lựa chọn thuốc hướng thần kinh và gây mê hồi sức thực nghiệm trên thú.

119. Tập tính học thú cưng - Thực hành (1 tín chỉ)

Học phần này sẽ hướng dẫn thực hiện việc huấn luyện thú cưng: nhận biết đồ vật, tập đi vệ sinh đúng chỗ, đếm số thứ tự, ...

2.6.4 Các học phần thuộc khối kiến thức tốt nghiệp

120. Thực tập trang trại gia cầm (2 tín chỉ)

Là môn học giúp cho sinh viên có được các kiến thức thực tế về kỹ thuật đánh giá giống, chọn giống, nhân giống và kiểm soát bệnh trên gia cầm; vận dụng các kiến thức đã được học vào trong thực tế của từng cơ sở, trại chăn nuôi; đồng thời giúp cho sinh viên có được các kinh nghiệm thực tế cũng như hướng xử lý phù hợp. Ngoài ra, môn học còn giúp cho sinh viên có khả năng tự lập kế hoạch, tổ chức công việc và quản lý con giống, kỹ thuật và điều trị bệnh ở các trang trại chăn nuôi gia cầm một cách có hiệu quả nhất.

121. Thực tập trang trại heo (2 tín chỉ)

Học phần thực hành trang trại được xây dựng giúp sinh viên củng cố kiến thức chuyên ngành, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào thực tế của ngành Thú y. Nội dung chính của học phần là các trang trại nuôi heo.

122. Thực tập trang trại thủy sản (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên kiến thức về các trang thiết bị, cách thiết kế, vận hành trại sản xuất giống và nuôi thương phẩm thủy sản. Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế hiện trạng (kỹ thuật, kinh tế, xã hội...) của nghề thủy sản.

123. Thực tập phòng khám Thú y (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên củng cố kiến thức chuyên ngành bằng cách tham gia vào thực tế công tác Thú y ở các cơ sở thực tập. Nâng cao tay nghề trong công tác Thú y thông qua các hoạt động tiếp nhận bệnh, chẩn đoán và điều trị tại phòng khám Thú y.

124. Thực tập trang trại (2 tín chỉ)

Sinh viên được thực hành thành thạo các quy trình kỹ thuật chăn nuôi cơ bản đến nâng cao và quản lý trang trại chăn nuôi đại gia súc. Sau khi hoàn thành khóa học sinh viên có khả năng áp dụng các kỹ thuật cơ bản như kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bị một số bệnh thông thường. Học phần cũng có thể giúp người học có thái độ học tập nghiêm túc, khoa học, chủ động củng cố kỹ năng làm việc nhóm, và trách nhiệm bảo vệ môi trường và phúc lợi cho động vật.

125. Thực tập chẩn đoán hình ảnh (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên áp dụng các kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn bằng cách tham gia vào công tác chẩn đoán hình ảnh ở các cơ quan nghiên cứu và phòng khám Thú y. Nâng cao kỹ năng sử dụng các thiết bị chẩn đoán hình ảnh như máy siêu âm, X-quang, cộng hưởng từ.

126. Thực tập kiểm nghiệm Thú y (2 tín chỉ)

Sinh viên được tham gia thực hiện các xét nghiệm chẩn đoán khác nhau trên động vật để xác định bệnh, ký sinh trùng và các vấn đề sức khỏe khác. Sinh viên được làm việc với thiết bị phòng thí nghiệm, thực hiện thu thập và xử lý mẫu; hiểu kết quả xét nghiệm. Trải nghiệm thực tế, hiểu về tầm quan trọng của các quy trình chẩn đoán chính xác và kịp thời khi chăm sóc sức khỏe vật nuôi.

127. Thực tập dược Thú y (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên được tham gia làm việc cùng với cán bộ dược Thú y, thực tập pha chế thuốc, chuẩn bị đơn thuốc và hiểu các thông tin sử dụng thuốc cho vật nuôi. Sinh viên được trải nghiệm thực tế; được cung cấp các kiến thức cơ bản về các loại thuốc phổ biến thường được sử dụng trong chăm sóc Thú y, tính toán liều lượng và tầm quan trọng của thuốc sử dụng cho động vật.

128. Thực tập sản xuất thức ăn chăn nuôi (2 tín chỉ)

Cung cấp kiến thức về nhu cầu dinh dưỡng của các loài động vật khác nhau và quy trình chế biến thức ăn tiêu chuẩn. Sinh viên được tham gia vào quá trình tạo, thử nghiệm và đánh giá các công thức thức ăn đầy đủ dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển và sức khỏe của vật nuôi. Sinh viên trải nghiệm thực tế, hiểu tầm quan trọng của kiểm soát chất lượng, nguyên liệu và hiệu quả sản xuất thức ăn chăn nuôi.

129. Khóa luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)

Sinh viên nhận đề tài của Giảng viên hướng dẫn và được hướng dẫn trực tiếp. Sinh viên vận dụng các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học và các kiến thức, kỹ năng chuyên môn có liên quan đến Thú y. Sinh viên tiến hành các bước thí nghiệm theo phương pháp khoa học và trình bày báo cáo kết quả trước Hội đồng cũng như công bố khoa học.

130. Tiểu luận tốt nghiệp (3 tín chỉ)

Sinh viên thực hiện một dự án nhỏ, giúp ôn lại các mảng kiến thức và phát triển các kỹ năng thực hành đã được học trong suốt khóa học, đồng thời giúp định hướng nâng cao kiến thức chuyên môn cho sinh viên trong lĩnh vực Thú y. Chủ động bố trí, thiết kế và đánh giá các thí nghiệm cho riêng mình dưới sự cố vấn của giảng viên hướng dẫn. Chủ động điều phối và quản lý quỹ thời gian để đạt được các mục đích đã đề ra trong mô hình nghiên cứu đã lựa chọn.

3. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1 Đối sánh chuẩn đầu ra

Bảng 18. Bảng đối sánh chuẩn đầu ra

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH 2022	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc, 2023	Nhận xét
Kiến thức	+PLO1: Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, chính trị, pháp luật vào giải quyết các vấn đề đương đại, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam và Liên	+Vận dụng kiến thức cơ bản về KHTN và KHHX vào lĩnh vực CNTY +Vận dụng đúng đắn các quy định của pháp luật và quy định của Ngành Thú y ở VN và tổ chức Thú y thế giới (OIE) vào thực tiễn	+Hiểu biết cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ	+PLO1 Áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên và khoa học xã hội vào ngành nghề Thú y.	+Thiết kế để triển khai các dự án xã hội và doanh nghiệp trong lĩnh vực thực hành +Xây dựng và thực hiện kế hoạch và chương trình phát triển nông nghiệp và y học Thú y			<i>Chuẩn đầu ra dự kiến phù hợp với xu thế thời đại chung của các chương trình đào tạo Thú y ở Việt Nam về các lĩnh vực kiến thức chung KH-TN, KH-XH. Tuy nhiên CDR của chương trình có ưu điểm phục vụ mục tiêu phát triển bền vững</i>

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH 2022	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc, 2023	Nhận xét
	Hiệp Quốc trong thực tế lĩnh vực Ngành Thú y	nghề	quốc. +Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. +Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc					<i>của Việt Nam và LHQ</i>

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH 2022	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc, 2023	Nhận xét
			gia. +Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.					
	PLO2: Áp dụng được kiến thức ngành và liên ngành trong chăm sóc, điều trị bệnh động vật theo tiêu chuẩn của Ngành Thú y	+Thiết lập nền tảng các kiến thức cơ bản về cấu trúc, chức năng, biến dưỡng, chăm sóc và nuôi dưỡng, nghiên cứu +Thiết lập và thực hiện các phác đồ chẩn	Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học vật nuôi như sinh lý gia súc, dinh dưỡng, vi sinh vật học Thú y, miễn dịch học Thú y, tổ chức học, bệnh lý học, giải	PLO2 Vận dụng các kiến thức khoa học về Thú y chăn nuôi để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, sản xuất và phát sinh dịch bệnh trên vật nuôi	Áp dụng các nguyên tắc cơ bản và cơ chế cơ bản liên quan đến sản xuất và phúc lợi động vật, sức khỏe và các căn bệnh Thực hiện điều trị dựa trên bằng chứng và các thủ tục liên	Áp dụng kiến thức cơ bản về công nghệ về giải phẫu, tạo hình học, sinh lý, sinh hóa và phôi thai để xây dựng cải tiến cơ bản trong lâm sàng. Phân tích các loại thuốc	Áp dụng một cách chuyên nghiệp, đạo đức và có trách nhiệm xã hội vào tất cả các khía cạnh của hoạt động chuyên môn Thú y	<i>CLO chương trình ghi nhận các kiến thức ngành áp dụng trong chữa trị và chăm sóc bệnh. Ngoài ra, CLO còn áp dụng các kiến thức liên ngành trong hỗ trợ điều trị, chăm</i>

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH 2022	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc, 2023	Nhận xét
		đoán, điều trị bệnh trên vật nuôi	phẫu bệnh, chẩn đoán bệnh, và quản lý dịch bệnh trên vật nuôi.	Xây dựng và thực hiện các phác đồ chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi.	quan cho các căn bệnh và bất thường của động vật	khác nhau dựa trên cấu trúc hóa học, động lực học được và động học dược lý, và quá trình điều trị để xác định loại thuốc lựa chọn phù hợp với tác nhân gây bệnh ở động vật bị ốm.	để ủng hộ và cải thiện sức khỏe, phúc lợi, sản xuất và hiệu suất của động vật	sóc bệnh
	+PLO3. Vận dụng kiến thức chuyên ngành và công nghệ trong quản lý sức khỏe	Kết hợp linh hoạt các quy trình kiểm soát và phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi	+Nắm vững kiến thức chuyên môn về chuyên ngành, kiểm soát phòng chống các	+Xây dựng các quy trình kiểm soát và phòng chống dịch bệnh +Áp dụng quy định kiểm soát	+Xây dựng kế hoạch và chương trình để phòng ngừa và kiểm soát các căn bệnh động vật và các căn	+Phân tích chẩn đoán các căn bệnh động vật do virus, vi khuẩn, ký sinh trùng,	+Cải thiện sức khỏe và phòng ngừa dịch bệnh, thực hiện chẩn đoán Thú y, các	Kế thừa ứng dụng kiến thức ngành trong quản lý sức khỏe, dịch bệnh thú nuôi. Tuy nhiên,

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH 2022	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc, 2023	Nhận xét
	động vật, dịch tễ và nghiên cứu khoa học Thú Y.	trên cơ sở bảo vệ chung cho sức khỏe của đàn gia súc trong vùng, sức khỏe cộng đồng và môi trường + Thiết lập kiến thức về bệnh truyền nhiễm trên vật nuôi và bệnh truyền nhiễm lây truyền từ đv sang người + Xây dựng quy trình kiểm soát và phòng chống dịch bệnh	bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng, bệnh nội - sản khoa, bệnh ngoại khoa trên vật nuôi và các bệnh có sự truyền lây giữa vật nuôi và con người trong bảo vệ sức khỏe cộng đồng. + Có kiến thức về ứng dụng công nghệ sinh học trong chẩn đoán bệnh, sản xuất vắc-xin,	giết mổ và an toàn vệ sinh thực phẩm	bệnh chuyển trùng từ động vật sang người	nấm và độc tố gây ra dựa trên khám và xét nghiệm thực labor để điều trị đúng cách. + Đánh giá hệ thống dịch tễ học và giám sát trong việc kiểm soát, ngăn ngừa, chiến lược, sản phẩm sinh học, an toàn sinh học, bảo vệ sinh học và vật liệu sinh học từ động vật gây ra các căn bệnh	thủ tục y tế và phẫu thuật, và xây dựng chiến lược quản lý sau điều trị. + Nghiên cứu, phân tích và diễn giải dữ liệu để tạo ra kiến thức và đưa ra các quyết định dựa trên bằng chứng trong lĩnh vực khoa học Thú y. + Thiết kế và thực	<i>trong CLO của ngành đã đơn giản hóa ứng dụng công nghệ (CNSH) để quản lý dịch tễ, chăm sóc sức khỏe vật nuôi.</i>

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH 2022	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc, 2023	Nhận xét
		+Thiết lập các kiến thức về luật và quy định trong Thú y +Vận dụng các kiến thức về luật và quy định trong chẩn đoán, điều trị, kiểm soát giết mổ, phòng dịch	thuốc Thú y phục vụ trong công tác phòng chống bệnh			chuyên trùng từ động vật sang người để loại bỏ chúng. +Đánh giá và phát triển công nghệ sinh sản động vật (kỹ thuật sinh sản), cải thiện chất lượng di truyền động vật để giải quyết các vấn đề về sinh sản động vật.	hiện các chương trình phòng ngừa và kiểm soát cho các bệnh lý thông thường ở động vật.	
Kỹ năng	+PLO6 Làm việc một cách hiệu	+Làm việc độc lập, làm việc nhóm và	+Kỹ năng tự học và làm việc độc lập	+Thể hiện khả năng làm việc độc lập, làm	+Làm việc hiệu quả và độc lập trong các nhóm			Kỹ năng giao tiếp phù hợp với các chương

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH 2022	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc, 2023	Nhận xét
	quả với những nhóm đa chức năng trong vai trò lãnh đạo hay thành viên.	quản lý nhóm làm việc		việc nhóm và giao tiếp hiệu quả.	đa ngành và đa văn hóa +Trình bày và thảo luận về những phát triển mới nhất trong lĩnh vực cụ thể của thực hành và tham gia vào việc học suốt đời			trình khác
	+PLO4: Giao tiếp linh hoạt trong kỹ nguyên số với nhiều phương thức khác nhau	+Sử dụng được tiếng Anh hoặc ngoại ngữ trong chuyên môn +*Giao tiếp hiệu quả qua nhiều hình thức như văn bản, thư điện tử, thảo luận	+*Giao tiếp thông dụng bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.	+Sử dụng tiếng Anh, tin học trong nghề nghiệp	+Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và bằng văn bản bằng cả tiếng Anh và tiếng Filipino		+Giao tiếp với, giáo dục, hợp tác và lãnh đạo đồng nghiệp, khách hàng và công chúng một cách hiệu quả và đầy lòng trắc	Kỹ năng đưa ra trong chương trình tương đương với các chương trình khác nhưng rút gọn và xúc tích hơn. Cũng như không giới hạn các phương thức giao tiếp

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH 2022	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc, 2023	Nhận xét
		và thuyết trình +Giao tiếp hiệu quả với khách hàng, đối tác, đồng nghiệp +Soạn thảo và trình bày văn bản, thư điện tử Báo cáo thuyết trình	+*Sử dụng các phần mềm văn phòng cơ bản như Word, Excel, Power-point, khai thác và sử dụng Internet.				ấn, trong bối cảnh xã hội và văn hóa đa dạng.	
	+PLO5 Phối hợp (integrate) tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề một cách hiệu quả	+Tư duy giải quyết vấn đề, tư duy hệ thống, tư duy phân tích +Vận dụng tư duy phân tích vấn đề +Vận dụng tư duy để hệ	+Có khả năng xác định những điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội để tổ chức sản xuất những vật nuôi với các	+Phát triển tư duy phân tích, tổng hợp, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Thú y	+Tạo ra và chia sẻ kiến thức liên quan đến các lĩnh vực cụ thể trong nghiên cứu về nông nghiệp và y học Thú y		+Chăm sóc và thúc đẩy sức khỏe, phúc lợi và sự phát triển chuyên môn của bản thân và người khác	Phù hợp với chuẩn đầu của các chương trình khác. Tuy nhiên, chương trình đòi hỏi kỹ năng sáng tạo, áp dụng vào trong chữa trị, chăm sóc thú

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH 2022	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc, 2023	Nhận xét
	trong các bối cảnh của Ngành Thú y	thông các kiến thức + Vận dụng tư duy giải quyết vấn đề	kỹ năng ứng dụng và thực hành một cách có hiệu quả quy trình phòng chống bệnh thích hợp trong những hệ thống sản xuất an toàn sinh học trong chăn nuôi vừa đảm bảo có sản phẩm đạt chất lượng an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu ra nước				để cung cấp dịch vụ chăm sóc đạt chuẩn cao nhất. +Nhận diện và đáp ứng các vấn đề tại giao điểm giữa con người, động vật và môi trường, và đóng góp cho một sức khỏe duy nhất (One Health), an ninh lương thực và an toàn sinh học.	và quản lý dịch bệnh.

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH 2022	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc, 2023	Nhận xét
			ngoài góp phần tăng lợi nhuận, đồng thời bảo vệ được môi trường sống.					
	+PLO7: Thực hiện thành thạo các kỹ thuật lâm sàng và cận lâm sàng, các quy trình trong chẩn đoán, điều trị bệnh và chăm sóc sức khỏe vật nuôi	+Thực hiện thành thạo các thao tác khám chữa bệnh. +Thực hiện đúng các thao tác khám và chẩn đoán lâm sàng +Vận dụng và kết hợp thành thạo các kỹ thuật điều trị bệnh	+Có kỹ năng làm việc tập thể, đủ khả năng và trình độ để xây dựng các qui trình sản xuất Thú y hiện đại;	+Sử dụng thành thạo các phương pháp chẩn đoán lâm sàng, biết kết hợp cận lâm sàng trong chẩn đoán bệnh vật nuôi. +Áp dụng thành thạo phương pháp phòng - trị bệnh, cho vật nuôi		+Thành thạo các pp chẩn đoán về các bệnh lý sinh lý, bất thường, chuyển hóa và triệu chứng trên động vật để xác định bệnh một cách chính xác. +Thực hiện việc phát	+Tích hợp bằng chứng và áp dụng kỹ năng tư duy lâm sàng để phát triển một khuôn khung chẩn đoán và xây dựng giải pháp cho các vấn đề ảnh hưởng đến sức khỏe, phúc	Kỹ năng chuyên môn phù hợp ngành nghề trong chẩn đoán bệnh cả phương pháp lâm sàng và cận lâm sàng

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH 2022	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc, 2023	Nhận xét
		vật nuôi +Thực hiện các quy trình chẩn đoán phòng thí nghiệm +Nắm vững các KT thao tác PTN +Vận dụng và kết hợp thành thạo các pp chẩn đoán PTN				triển kỹ năng khởi nghiệp trong lĩnh vực Thú y và chăn nuôi để trở nên độc lập.	lợi, sản xuất và hiệu suất của động vật. +Phát triển các đề xuất về điều trị, chẩn đoán và dự báo, cân nhắc đến nhu cầu của động vật và khách hàng, tài nguyên có sẵn, yêu cầu tài chính, pháp lý và quy định cũng như ngữ cảnh xã hội và văn hóa.	

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH 2022	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc, 2023	Nhận xét
	+PLO8: Kỹ năng truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe vật nuôi và cộng đồng	+Tư vấn chăm sóc và điều trị sức khỏe vật nuôi +Phân tích đánh giá tình hình sức khỏe vật nuôi Đưa ra các giải pháp phù hợp trong chăm sóc và điều trị vật nuôi	+Tham gia hoặc chủ trì thực hiện các khóa huấn luyện và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người chăn nuôi	+Thể hiện khả năng thích ứng môi trường làm việc và tôn trọng giá trị đạo đức nghề				Kỹ năng truyền thông, tư vấn và giáo dục sức khỏe vật nuôi cộng đồng phù hợp với các chương trình khác
	+PLO9: Kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Thú Y	+Biết cách thu thập số liệu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng	+Có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề này					Chương trình cũng đào tạo BS Thú Y có khả năng nghiên cứu khoa học

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH 2022	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc, 2023	Nhận xét
		và sức khỏe vật nuôi.	sinh trong thực tiễn sản xuất thuốc Thú y và chăn nuôi.					
Ý thức tự chủ, trách nhiệm	+PLO10: Tuân thủ pháp luật và các chuẩn mực đạo đức trong các tình huống kỹ thuật phù hợp với bối cảnh thực tế	+Tôn trọng các giá trị đạo đức nghề nghiệp Tôn trọng sự thật, nhận định vấn đề khách quan, thực hiện đúng luật, tôn trọng đạo đức nghề trong sử dụng thú thí nghiệm và học tập	+Có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn;	+Tuân thủ các quy định của pháp luật Thú y Việt Nam và tổ chức Thú Y thế giới (OIE)	+Hành động nhận thức về trách nhiệm chuyên nghiệp, xã hội và đạo đức	+Thực hiện khoa học và công nghệ Thú y và chăn nuôi một cách sáng tạo dựa trên đạo đức, đạo lý, tôn giáo, Pancasila và công dân trong lĩnh vực công cộng.		Chương trình có thái độ giống với chương trình khác

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH 2022	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc, 2023	Nhận xét
	+PLO11: Thích ứng với sự thay đổi trong bối cảnh nghề nghiệp, thể hiện tinh thần khởi nghiệp và học tập suốt đời	+Khả năng thích ứng với các môi trường làm việc trong ngành nghề. +Thích nghi với đk và mt làm việc của BSTY +Có khả năng thích ứng với công việc +Sẵn sàng học tập suốt đời +Luôn cập nhập thông tin KHKT Thú Y Có ý thức nâng cao KT	+Có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp; khả năng làm việc nhóm, khả năng tự học và làm việc độc lập;	+Thể hiện ý thức học tập và nâng cao trình độ chuyên +Thể hiện khả năng thích ứng môi trường làm việc và tôn trọng giá trị đạo đức nghề nghiệp.		+Tổ chức ý tưởng và thông tin trong lĩnh vực y học Thú y và chăn nuôi động vật và áp dụng những luật lệ và quy định chính phủ liên quan đến đạo đức chuyên nghiệp của bác sĩ Thú y để thực hiện một cách hiệu quả.		Chuẩn đầu ra phù hợp với yêu cầu của xã hội.

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH 2022	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia 2020	Chuẩn đầu ra CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc, 2023	Nhận xét
		chuyên môn +Luôn trau dồi KT chuyên môn						

3.2 Đối sánh chương trình đào tạo

Bảng 19. Bảng đối sánh các chương trình đào tạo

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	167	169	170	175	221 units			Tương thích với các chương trình đối sánh trong nước
Thời gian học	4,5 năm		5 năm		6 năm		4 năm	
Cấu trúc chương trình: (số lượng học phần)	96 (gộp LT à TH chung cho 1 học phần)	98	81	75	61	63	62	
Giáo dục đại cương	- Triết học Mác - Lê nin - Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin - Chủ nghĩa Xã hội khoa học - Lịch sử Đảng Cộng	- Triết học Mác Lênin 3 - Pháp luật đại cương 2 - Kinh tế chính trị Mác- Lênin 2 - Chủ nghĩa xã	- Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa mác- Lênin 1-2 - Pháp luật đại	- Pháp luật đại cương 3 - Triết học Mác – Lênin - 3 - Kinh tế chính trị Mác- Lênin 2 - Chủ		- Philosophy of Science		Tương thích với các chương trình đối sánh trong nước

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	Sản Việt Nam - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Pháp luật đại cương	hội khoa học 2 - Tư tưởng Hồ Chí Minh 2 - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2	cương - 2 - Logic học đại cương 2 - Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa mác- Lenin 2-3 - Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	nghĩa xã hội khoa học 2 - Tư tưởng Hồ Chí Minh 2 - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2				

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
			sản Việt Nam - 3 - Tư tưởng Hồ Chí Minh 2 - Tiếng Việt TH- 2 - Cơ sở VHVN - 2 - Văn bản và lưu trữ học ĐC 2 - Xã hội học ĐC -2 - Giáo					

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
			dục thể chất 1,2,3- 1+1+1					
Khoa học cơ bản	- Ngoại ngữ cấp độ 1-6 - Tin học MOS 1 (Windows, Word) - Tin học MOS 2 (Excel, Powerpoint) - Tư duy phản biện - Tư duy sáng tạo	- Kỹ năng giao tiếp 2 - Pháp văn 3 -3 - Tin học đại cương 3 - Anh văn 1 -4 - Pháp văn 1 - 4 - Anh văn 2 - 3 - Khởi nghiệp - 2 - Marketing căn bản - 2	- Anh văn căn bản 1,2,3 – 4+3+3 - Tin học căn bản -1 - Kỹ năng mềm – 2 - Anh văn tăng cường 1,2,3 -	- Tiếng Anh 1,2,3,4 – 3+3+3+3 - Nhập môn CN thông tin - Tâm lý học ứng dụng - Tư duy thiết kế dự án 3 - Tiếng Anh 1 -3 - Tiếng Anh 2- 3 - Quản trị				Tương thích với các chương trình đối sánh trong nước

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
		- Quản trị học – 2 - Toán cao cấp B1 2	4+3+3 - Pháp văn KH CN 2 - Pháp văn 1,2,3 – 3+3+4 - Pháp văn tăng cường 1,2,3 3+3+4 - Toán cao cấp B - 3	học -3				
KN, ĐMST, NLS & CNCĐ	- Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo - Kỹ năng			- Đổi mới sáng tạo và tư duy khởi nghiệp 3	- Foundations of Entrepreneurship (3)	- Entrepreneurship		

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	- mềm trong kỹ nguyên số - Cơ bản - Kỹ năng mềm trong kỹ nguyên số - Nâng cao - Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở							
Cơ sở ngành	- Nhập môn nghề nghiệp bác sỹ Thú y - Hóa hữu cơ và phân tích - Sinh hóa - Animal cellular and molecular	- Hóa học đại cương 3 - Thí nghiệm Hóa ĐC 1 - Sinh học đại cương 2 - Thực	- Hóa học ĐC NN - 2 - Thực hành hóa ĐC 1 - Sinh học đại	- Động vật học (3) - Xác suất - Thống kê - 3 - Kiểm nghiệm sản phẩm	- Introduction to Clinics (2) - Sinh hóa đại cương 3 - Macroscopic Anatomy I (5) - Macroscopic Anatomy II (4) - Microscopic and Anatomy I (3)	- Introduction to Veterinary Science - Veterinary Clinical Diagnosis - Animal Genetics - Basic Veterinary Anatomy - Veterinary	- The Veterinary Professional 1 - (Hóa học ĐC, Hóa HC, Sinh, Sinh hóa) - Professional Skills 1B	Tương thích với các chương trình đối sánh

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	biology - Animal Genetics - Vi sinh vật học - Vi sinh vật học - Thực hành - Phương pháp nghiên cứu khoa học trên động vật - Sinh lý động vật 1 - Sinh lý động vật 2 - Sinh lý động vật - Thực hành - Cơ thể động vật	hành Sinh học Đại cương 1 - Sinh học động vật 3 - Vật lý 1 - 2 - Hoá phân tích -2 - Khí tượng đại cương 2 - Nhập môn Thú Y -2 - Sinh hóa đại cương-2 - Di truyền học đại cương-2 - Cơ thể 1 -	cương A1 -2 - TT SH ĐC A1 1 - Sinh học đại cương A2 – 2 - TT SH ĐC A2-1 - Kiểm nghiệm Sân phẩm động vật 3 - Chẩn đoán Thú y 2 - Animal	động vật 3 - Di truyền và chọn giống động vật – 3 - Cơ thể học gia súc 3 - Thực hành cơ thể học động vật 1 - Sinh lý bệnh động vật 3 - Giải phẫu bệnh	- Microscopic and Developmental Anatomy II (4) - Clinical Clerkship (2) - General Pathology (4) - Systemic Pathology (3) - Biochemical Aspects in Animal Processes 2 - Theriogenology (3) - General Physiology (4) - General Microbiology (4) - Systemic Physiology (4) - Research	Topography Anatomy - Lecture of Histology - Practical of Histology - General Veterinary Pathology - Veterinary Systemic Pathology - Lecture of Veterinary Biochemistry - Practice of Veterinary Biochemistry - Applied Anatomy and Capita Selecta - Bioproduct, Biosafety and	- general chemistry (physical and inorganic), organic chemistry, biology and biochemistry - Professional Skills 1A - (thực hành hóa, hóa hc, sinh, sinh hóa) - Foundations of Veterinary Science A - (General chemistry (physical and inorganic), organic chemistry,	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	đại cương - Cơ thể động vật đại cương - Thực hành - Mô phôi - Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm - Dinh dưỡng và chăn nuôi gia cầm - Thực hành - Miễn dịch Thú y - Thống kê và phương pháp bố trí thí nghiệm trong thú y	3 - Cơ thể 2 – 2 - Mô học – 2 - Chăn nuôi đại cương – 2 - Sinh lý bệnh (CN)– 2 - Giải phẫu bệnh 1-2 (CN) - Giải phẫu bệnh 2 – 2 - Sinh hóa biến dưỡng – 3 - Sinh lý 1 -3 - Vi sinh	Geneti cs - 2 - Cơ thể học gia súc 2 - Sinh lý bệnh thú Y - Giải phẫu bệnh lý 3 - Sinh hóa B 2 - TT Sinh hóa 1 - Vệ sinh Thú y - Phươn g pháp	Thú y 3 - Sinh hóa động vật 3 - Thực hành sinh hóa động vật - 1 - Vi sinh cơ bản 3 - Vệ sinh Thú y và an toàn sinh học 3 - Sinh lý gia súc – 3 - Thực hành sinh lý gia súc 1	Methods in Veterinary - Medicine (3) - Clinical - Conference I (1) - Clinical Conference II (1) - Principles of Animal Breeding (3) - Fundamentals of Immunology (2) - Statistics for the Biological Sciences 3	Biosecurity - Bacteriology and Mycology - Bacterial and fungal diseases - Basic Research Methodology - Advanced Research Methodology - Lecture of Veterinary Physiology - Practical of Veterinary Physiology - Animal Feed and Nutrition Science - Immunology	biology and biochemistry - Foundations of Veterinary Science B - (semesters of chemistry, 1 semester of biology, 1 semester of biochemistry - The Veterinary Professional 2 - Professional Skills 2A - Research and Enquiry 2A - Research and Enquiry 2B - Abattoir Placement**	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	- Dịch tễ học Thú y - Giống và chọn giống vật nuôi - Công nghệ sinh học Động vật trong Thú y - Kỹ thuật xét nghiệm phân tử - Công nghệ tế bào động vật trong Thú y	- học đại cương -3 - Phương pháp nghiên cứu KH - 2 - Sinh lý 2 -3 - Dinh dưỡng động vật - 3 - Miễn dịch - 3 - Thống kê trong CNTY 3 (CN) - Sinh học phân tử -3	- nghiên cứu khoa học nông nghiệp 2 - Sinh lý gia súc - 3 - Dinh dưỡng gia súc 3 - Miễn dịch học 3 - Xác suất thống kê CNTY - 3	- Dinh dưỡng động vật và thức ăn chăn nuôi 3 - Miễn dịch học Thú y và vắc xin- 3 - Thống kê ứng dụng trong chăn nuôi - Thú y 3 - Thực hành thống kê ứng dụng			* - Clinical Foundations Y3 - Principles of Animal Disease A - Principles of Animal Disease B - Research and Enquiry 1A - Research and Enquiry 1B - Professional Skills 2B	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
				trong chăn nuôi - Thú y - 1 - Sinh học phân tử 3				
Chuyên ngành/ cốt lõi ngành/ chuyên sâu	- Vi sinh Thú y - Vi sinh Thú y - Thực hành - Dược lý Thú y - Dược lý Thú y - Thực hành - Ký sinh trùng Thú y - Ký sinh trùng Thú y - Thực hành	- Vi sinh Thú y -3 - Dược lý cơ bản – 4 - Hệ thống canh tác - 2 - Nông học đại cương -2 - Môi trường & SK vật nuôi – 2	- Vi sinh đại cương TY 2 - Dược lý thú Y A 3 - Tổ chức học động vật - 3 - Vệ sinh môi	- Vi sinh bệnh động vật – 3 - Thực hành vi sinh bệnh động vật - Dược lý Thú y- 3 - Thực hành dược lý	- Veterinary Microbiology and Mycology (3) - Veterinary Pharmacology and Therapeutics I (4) - Veterinary Pharmacology and Therapeutics II (4) - Animal Welfare	- Veterinary Pharmacology - Veterinary Pharmacy Science - Environmental Health - Large Animal Internal Medicine - Lecture of Physiology and Technology of Reproduction - Practical of	- Small Animal Clinics A Y4 - Small Animal Clinics B Y4 - Small Animal Clinics C - Small Animal Clinics D - Research and Enquiry 3A Y3 - Research and Enquiry 3B - Extramural Placement 3	Tương thích với các chương trình đối sánh

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	- Sinh lý bệnh Thú y - Giải phẫu bệnh Thú y - Giải phẫu bệnh Thú y - Thực hành - Cơ thể động vật so sánh - Bệnh nội khoa 1 - Bệnh nội khoa 1 - Thực hành - Sản khoa - Sản khoa - Thực hành - Ngoại khoa 1 - Ngoại khoa 1 - Thực hành	- Thực tập Thú y trang trại 2 - Phương pháp bố trí thí nghiệm -3 - Nội khoa 1 – 3 - Nội khoa 2 – 2 - Sản khoa – 3 - Dịch tễ học – 2 - Ngoại khoa 1 – 3 - Ngoại khoa 2-2 - Thực tập bệnh viện	- trường chăn nuôi 2 - Nội khoa gia súc 4 - Sản khoa gia súc 3 - Dịch tễ học 2 - Vi sinh Thú y 2 - Ngoại khoa gia súc - 3 - Thực hành bệnh	- Thú y 1 - Dược liệu Thú y 3 (N. Thẩm mỹ) - Cơ khí hóa và tự động hóa trong chăn nuôi – Thú y (N. Bệnh học) - Tổ chức học động vật – 3 - Môi trường	(3) - Veterinary Endocrinology and Reproductive Physiology (4) - Epidemiology (3) - Veterinary Helminthology (4) - Principles of Surgery and Anesthesiology (3) - Small Animal Surgery (4) - Large Animal Surgery (3) - Zoonoses (2) - Veterinary Helminthology (4)	- Physiology and Technology of Reproduction - Veterinary Epidemiology and Economics - Veterinary Acupuncture - Veterinary General Surgery (Pre- peri- and post surgery) - Veterinary Special Surgery (Applied surgery) - Veterinary Public Health - Zoonosis - Veterinary Parasitology - Parasitic Disease - Management of	3Y - Extramural Placement 4 3Y - Veterinary Practice Management Y3 - Intensive Animal Practice Y3 - Extramural Placement 1 Y4 - Extramural Placement 2 Y4 - Lab - Investigations of Clinical Disease Y4 - Small Animal Practice A	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	- Bệnh truyền nhiễm chung - Bệnh truyền nhiễm trên gia súc - Bệnh truyền nhiễm trên gia cầm - Kiểm nghiệm thú sản - Luật Thú y và phúc lợi động vật - Chẩn đoán cận lâm sàng Thú y - Chẩn đoán lâm sàng	- Thú y – 2 - Bệnh truyền lây giữa Đv & người – 2 - Bệnh truyền nhiễm thú nhai lại – 1 - Ký sinh trùng 1 – 2 - Ký sinh trùng 2 – 2 - Bệnh chó mèo -2 - Kiểm nghiệm thú sản -4 - Bệnh	- xá - Bệnh dinh dưỡng - Chăn nuôi chó mèo - 2 - Bệnh truyền nhiễm gia súc , gia cầm - Độc chất học - Thú y 2 - Bệnh ký sinh gia súc, gia	- trong chăn nuôi - Thú y- 3 - Bệnh nội khoa gia súc - 3 - Sản khoa - 3 - Dịch tễ học và quản lý dịch bệnh trên đàn gia súc 3 - Ngoại khoa Thú y – 3 - Thực hành	- Canine and Feline Medicine (4) - Veterinary Virology (3) - General Principles of Animal Production (3) - Jurisprudence, Ethics, and Economics (2) - Clinical Pathology (3) - Veterinary Diagnostic Imaging (2) - Laboratory Diagnostics in Veterinary Medicine (2) - Veterinary Entomology and	- Horses, Dogs and Cats - Virology, - Viral disease - Health of Foods of Animal Origin - Poultry Health Management - Veterinary Pharmacotherapy and - Toxicology - Veterinary Legislation - Seminar - Wild Animal - Veterinary Clinical Pathology - Radiology - Management of Experimental Animals	- Y3 - Small Animal Practice B Y3 - Lab Investigations of Clinical Disease Y3 - Veterinary Public Practice - Exotic and Wildlife Practice Y3 - Preparatory Clinical Placement 1 Y2 - Preparatory Clinical Placement 2 Y2 - Animal Management	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	Thú y - Chẩn đoán lâm sàng Thú y - Thực hành - Hỗ trợ sinh sản vật nuôi - One health - Môi trường và sức khỏe vật nuôi - Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi - Chăn nuôi công nghệ cao - Ngoại khoa 2 - Ngoại khoa 2 - Thực	truyền nhiễm gia cầm 2 - Thực hành bệnh truyền nhiễm 1 - Độc chất học Thú y -2 - Bệnh truyền nhiễm heo -2 - Luật Thú y-2 - Kỹ năng báo cáo chuyên đề -2 - Kỹ thuật xử lý chất	cầm - Luật thú Y - 2 - Niên luận - Bệnh thú hoang dã -2 - Chọn giống gia súc 2 - Chẩn đoán cận lâm sàng - Tin học ứng dụng	ngoại khoa Thú y 1 - Bệnh truyền lây giữa động vật và người 3 – (N. BS) - Bệnh dinh dưỡng và độc chất học Thú y - 3 - Ký sinh trùng động vật 3 - Thực hành ký	Protozoology (4) - Husbandry and Health Management of Laboratory Animals (3) - Aquatic and Wildlife Medicine (2) - General Principles of Veterinary Medicine (2) - Veterinary Embryology - Principles of Animal Breeding (3) - Food Hygiene (4) - Poultry Medicine (3) - Poultry	- Aquatic Animal Health Science/Diseases - Animal Feed Technology Veterinary Forensic - Lecture of Obstetrics and Infertility - Practical of Obstetrics and Infertility - Poultry and Non-ruminant sciences - Ruminant Science - Health Management of Dairy Cattle	Systems 1 (năm 1) - Animal Management Systems 2 (Y2) - Public, Industry, or Community Placement Y4 - Livestock Practice A Y3 - Livestock Practice B Y3 - Dairy Cattle Industry Placement năm Y1 - Beef Cattle Industry Placement	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	hành - Ngoại khoa chuyên sâu - Ngoại khoa chuyên sâu - Thực hành - Ngoại khoa thú cưng - Ngoại khoa thú cưng - Thực hành - Chẩn đoán hình ảnh - Chiết xuất dược liệu - Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học thú y nâng cao - Sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh học thú	thải – 2 - Quản trị trang trại – 2 - Thú hoang dã -2 - Giống động vật 1 – 3 - Công nghệ SH ứng dụng trong TY – 2 - Chẩn đoán hình ảnh – 2 - Chẩn đoán phòng thí nghiệm – 2	CNTY 2 - Nuôi động vật thí nghiệm - 2 - Anh văn chuyên ngành 2 - Thức ăn gia súc 2 - Quyền lợi và tập tính đv 2 - Thụ tinh nhân tạo	sinh trùng động vật-1 - Bệnh chó mèo 3 - Chăn nuôi chó mèo – 3 (N. BS) - Chăm sóc và thẩm mỹ thú cưng 3 - Chăm sóc và thẩm mỹ thú cưng nâng cao 3 (N.	Production (3) - Swine Medicine (3) - Swine Production (3) - Ruminant Medicine (2) - Ruminant Production (3) - Equine Medicine (2) – Thú y trên ngựa - Equine Production (2)		Y1 - Sheep Industry Placement Y2	

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	- y nâng cao - Thực hành - Độc chất học thú y - Bệnh nội khoa 2 - Bệnh nội khoa 2 - Thực hành - Chuyên đề nghiên cứu bệnh học thú y - Dược liệu thú y - Dược lâm sàng thú y - Hóa dược thú y - Hóa dược thú y - Thực hành - Dược động	- Khoa học Ong – 2 - Khoa học thú thí nghiệm – 2 - Bệnh cá (Nuôi trồng thủy sản) – 3 - Bệnh tôm – 3 - Anh văn chuyên ngành 3 - Tập tính động vật 2 - Thực tế Thú y 2 - Dược lý lâm sàng	- Vi sinh trong chăn nuôi 2 - Quản lý dịch bệnh trên đàn gia súc - Chăn nuôi gia cầm B2 - Chăn nuôi heo B - 2 - Chăn nuôi thú nhai lại	- Thăm mỹ) - Bệnh truyền nhiễm gia súc 3 - Bệnh truyền nhiễm chung và bệnh truyền nhiễm gia cầm -3 - Thực tập trang trại 6 - Luật Chăn nuôi và Luật Thú y –				

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	học Thú y ứng dụng - Công nghệ vaccine - Công nghệ vaccine - Thực hành - Thiết kế thuốc -Chẩn đoán bệnh thủy sản -Bệnh cá - Bệnh cá - Thực hành -Nuôi trồng thủy sản nước ngọt -Nuôi trồng thủy sản nước ngọt - Thực hành -Được thủy sản	4 - Truyền tinh truyền phôi 2 - Một sức khỏe (one Health) 2 - Thực hành một sức khỏe 2 - Vi sinh chăn nuôi 3 - Quản lý trại chăn nuôi 2 - Quản lý nguy cơ sinh học PTN 2 - Bảo quản	B - Chăn nuôi Dê 2 - Thú y cơ sở tổng hợp – B 2 - Thú Y chuyên ngành 1B -2 - Thú Y chuyên ngành 2B - 2 - Thú y cơ sở tổng hợp 4 - Thú Y CN1 3	3 (ĐC) - Bệnh thú hoang dã 3 (N. Bệnh học) - Chẩn đoán lâm sàng Thú y 3 - Ứng dụng công nghệ sinh học trong chăn nuôi - Thú y 3 - Chẩn đoán hình ảnh				

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	- Bệnh tôm - Nuôi trồng thủy sản - Chiết xuất dược liệu - Thực hành - Tập tính học thú cưng - Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe thú cưng - Thẩm mỹ thú cưng - Ngoại khoa thú cưng - Ngoại khoa thú cưng - Thực hành - Tập tính học thú cưng - Thực hành	- chế biến súc sản 2 - Chăn nuôi gia cầm đại cương 2 - Chăn nuôi heo đại cương 2 - Chăn nuôi thú nhai lại ĐC 2	- Thú Y CN2 3	- Thú y - 3 - Chẩn đoán phòng thí nghiệm Thú y - 3 - Bệnh Cá tôm 3 (N. Bệnh học TY - Chăn nuôi gia cầm và heo 3 - Kinh tế trong CN – TY 3 (N. Thẩm				

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
				Mỹ) - Chăn nuôi thú nhai lại 3 - Dịch vụ thú Y 3 (N. BS)				
Thực tập và trải nghiệm	- Thực tập trang trại gia cầm - Thực tập trang trại heo - Thực tập trang trại thủy sản - Thực tập phòng khám Thú y - Thực tập	- Thực tập bệnh viện Thú y – 2 - Thực tập Thú y trang trại 2	- Thực hành Thú y cơ sở - Thực hành trang trại - Thực hành bệnh xá	- Thực tập bệnh viện Thú y 3 - TTNN: Tiếp cận nghề và xây dựng hồ sơ nghề nghiệp 1, 1- 1 + 1 - TTNN: Kỹ năng	- Clinical Internship I (6) - Clinical Internship II (14)	- Veterinary Counseling - KKN-BBM (fieldwork)	- Veterinary Practice Management Y3 - Intensive Animal Practice Y3 - Industry Placement Elective Experience 1 Y1 - Industry Placement Elective	Tương thích với các chương trình đối sánh, có nhiều lựa chọn thực tập

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
	chẩn đoán hình ảnh - Thực tập kiểm nghiệm Thú y - Thực tập dược Thú y - Thực tập sản xuất thức ăn chăn nuôi			viết đề - cương và khóa luận - 1			Experience 2 Y1 - Industry Placement Elective Experience 3 Y1 - Large Animal Clinics A Y3 - - Large Animal Clinics B y3 - Horse Industry Placement năm Y1 - Equine Practice A Y3 - Equine Practice B Y3	phong phú cho sinh viên trải nghiệm
Đồ án/Khóa	- Khóa luận tốt nghiệp	- Khóa luận tốt	- Luận văn 10	- Tiểu luận	- Undergraduate Thesis (6)	- Thesis	- Thesis	Tương

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018 (đến nay)	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH - 2022	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia - 2020	CTĐT Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc - 2023	Nhận xét
luận tốt nghiệp	- Tiểu luận tốt nghiệp	nghiệp 12 - Tiểu luận tốt nghiệp (5 TC) + phải đạt thêm 5 TC nhóm tự chọn chuyên ngành	- Tiểu luận tốt nghiệp -4	chăm sóc thẩm mỹ 3 - Tiểu luận bệnh học Thú y 3 - Tiểu luận bác sỹ Thú y - 3				thích với các chương trình đối sánh
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)	- Bệnh học động vật - Dược Thú y - Thú y thủy sản - Thú cưng							Có phân chia 4 chuyên ngành hẹp để sinh viên lựa chọn

4. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bộ đề cương học phần của chương trình đào tạo Ngành Thú y được ban hành kèm theo chương trình đào tạo này.

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 thông qua ngày 18/06/2012; Luật Giáo dục đại học sửa đổi số 34/2018/QH14 thông qua ngày 19/11/2018; Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 thông qua ngày 14/06/2019;
2. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
3. Quyết định số 1982/QĐ-NTT ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
4. Công văn số 3056/BGDĐT-GDĐH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị;
5. Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục Đại học;
6. Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
7. Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
8. Quyết định số 761/QĐ-NTT ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành về việc ban hành Quy định đảm bảo chất lượng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học;
9. Quy định số 1174/QĐ-NTT của 30/09/2021 của Hiệu trưởng ban hành quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành;
10. Quy định số 02/QyĐ-NTT ngày 19/12/2023 của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành về khung đào tạo trình độ đại học của Trường;

11. Quyết định số 2806/QĐ-NTT ngày 29 tháng 12 năm 2023 ban hành Quy định chuẩn đầu ra chung cho các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường đại học Nguyễn Tất Thành.
12. Chiến lược phát triển của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành giai đoạn 2020 – 2025; tầm nhìn 2035.
13.
 - Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo Ngành Thú y của Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM 2018.
 - Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo Ngành Thú y của Trường ĐH Cần Thơ 2020.
 - Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo Ngành Thú y của Trường ĐH HUTECH 2022.
 - Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo Ngành Thú y của Trường ĐH Philippines Los Banos, Philippines 2018.
 - Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo Ngành Thú y của Trường ĐH Surabaya, Indonesia 2020.
 - Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo Ngành Thú y của Trường ĐH Sydney, Úc, 2023.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)



TS. Trần Ái Cẩm

VIỆN TRƯỞNG
(Ký tên và ghi rõ họ tên)



TS. Vũ Văn Vân